

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 481/BC-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2025

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Ciữ.....C.....
	Ngày...09/6/2025.....

BÁO CÁO

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và tại Hội trường; tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra chính thức của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Theo Chương trình Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Tờ trình số 441/TTr-CP ngày 16/5/2025 trình Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD).

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội tại Báo cáo số 408/BC-UBKTTC15 ngày 19/5/2025 về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, Báo cáo số 5172/BC-TTKQH ngày 27/5/2025 của Tổng Thư ký Quốc hội về tổng hợp ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội, Báo cáo số 5200/BC-TTKQH ngày 04/6/2025 tổng hợp ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, thực hiện quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội nội dung tiếp thu, giải trình như sau:

PHẦN I - TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC VỊ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI THẢO LUẬN TẠI TỔ VÀ TẠI HỘI TRƯỜNG VỀ DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

I. VỀ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng

1.1. Có ý kiến đề nghị cân lường trước các tác động (nếu có) để chỉnh lý các quy định (01 ý kiến). Một số ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát và hoàn thiện dự thảo Luật đầy đủ hơn, nhất là đánh giá tác động toàn diện để bảo đảm được quyền và lợi ích của các bên (02 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã rà soát và xin báo cáo đại biểu về tác động của các quy định tại dự thảo Luật như sau:

(i) *Thứ nhất*, về tác động của các quy định tại dự thảo Luật đối với hệ thống pháp luật

- Các quy định tại dự thảo Luật phù hợp với Hiến pháp và thống nhất với các Luật hiện hành, góp phần tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ để xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm (TSBD) của khoản nợ xấu. Cụ thể, các quy định tại dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc đã được quy định tại Hiến pháp và Bộ Luật Dân sự, bao gồm nguyên tắc “cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận”; “mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”; “cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”.

- Quy định về quyền thu giữ TSBD phù hợp với Điều 301 Bộ Luật Dân sự¹ do Điều 301 Bộ Luật Dân sự quy định bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết khi người đang giữ tài sản không giao tài sản hoặc thực hiện cách thức khác nếu luật liên quan có quy định khác.

- Quy định về kê biên TSBD và hoàn trả TSBD là vật chứng trong vụ án hình sự, tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính cũng được xây dựng trên cơ sở tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận; tôn trọng các thỏa thuận (bao gồm thỏa thuận về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự) đã có hiệu lực thực hiện đối với các bên được quy định tại Hiến pháp và Bộ Luật Dân sự. Đồng thời, NHNN đã rà soát và tham gia ý kiến đối với các cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung Bộ Luật Tố tụng hình sự và Luật Xử phạt vi phạm hành chính để quy định thống nhất các nội dung có liên quan tại các dự thảo Luật.

- Ngoài ra, nội dung dự thảo Luật cũng đã được Bộ Tư pháp thẩm định và xác định không có nội dung vi phạm quy định của Hiến pháp.

(ii) *Thứ hai*, về tác động của các quy định tại dự thảo Luật đối với kinh tế xã hội

Trường hợp dự thảo Luật được Quốc hội thông qua, các quy định tại dự thảo Luật sẽ có nhiều tác động tích cực đối với kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước. Cụ thể như sau:

¹ Điều 301 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”.

Một là, khi quyền lợi của ngân hàng được đảm bảo sẽ khuyến khích ngân hàng có thêm động lực để cho vay, hạ lãi suất cho vay do giảm chi phí khi phải xử lý nợ, xử lý TSBĐ; từ đó, doanh nghiệp và người dân có điều kiện tiếp cận, huy động vốn với lãi suất hợp lý nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Qua nghiên cứu báo cáo của các tổ chức quốc tế, Chính phủ nhận thấy *chủ nợ càng được bảo vệ tốt thì khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng càng cao do:*

Khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng vay thông thường sẽ chịu ảnh hưởng từ việc ngân hàng đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng vay trên cơ sở các thông tin có sẵn cũng như mối quan hệ khách hàng. Tuy nhiên, sự mất đối xứng về mặt thông tin giữa ngân hàng (đối với khả năng và thói quen trả nợ) và khách hàng vẫn tạo ra những rủi ro cho ngân hàng khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Do vậy, ngân hàng phải cân nhắc thêm mức độ được bảo vệ quyền chủ nợ khi xác định loại hình cho vay, mức lãi suất và kỳ hạn cho vay².

Nghiên cứu của Ngân hàng Trung ương châu Âu³ đã tập hợp các kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa quyền chủ nợ và khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng vay. Theo đó, ở những quốc gia có cơ chế bảo vệ chủ nợ mạnh mẽ, các khoản vay ngân hàng sẽ có kỳ hạn dài hơn và lãi suất thấp hơn. Không chỉ cần có một khuôn khổ pháp lý về bảo vệ quyền chủ nợ, các nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò của việc thực thi quyền chủ nợ trên thực tế. Khách hàng vay sẽ có xu hướng hành xử không phù hợp nếu các ngân hàng không đẩy mạnh việc thực thi quyền chủ nợ của mình vì lý do hệ thống, cơ chế thực thi tồn kém và không hiệu quả. Do vậy, khi ngân hàng có đủ biện pháp để đối phó với khách hàng không thiện chí trong việc thanh toán nợ vay và khi ngân hàng chắc chắn rằng họ sẽ có thể thu hồi khoản vay hoặc một phần giá trị khoản vay trong trường hợp người vay không trả được nợ, nghĩa là, ngân hàng có đủ điều kiện để kiểm soát được các rủi ro có thể phát sinh khi cấp tín dụng thì ngân hàng sẽ có xu hướng cho vay nhiều hơn, khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng sẽ cao hơn.

Tương tự, Chỉ số Tiếp cận tín dụng tại Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới cũng đánh giá mức độ mà khuôn khổ pháp luật về giao dịch bảo đảm và luật phá sản của các quốc gia trong việc hỗ trợ khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng vay. Trong đó, các chỉ số cũng đánh giá khả năng pháp luật cho phép các bên được thực thi các biện pháp ngoài tòa (như cho phép

² Xem tại <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1829.en.pdf>

³ Xem tại <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1829.en.pdf>

chủ nợ bán tài sản bảo đảm cũng như thu giữ tài sản bảo đảm) để thanh toán nợ vay⁴.

Hai là, khi người dân và doanh nghiệp được tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng sẽ góp phần xóa bỏ “tín dụng đen”, từ đó góp phần giữ an ninh, trật tự xã hội, củng cố sự ổn định của hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, khi bên vay (người dân và doanh nghiệp) ý thức được hệ quả pháp lý của việc không chủ động thanh toán các khoản nợ đúng hạn, bên vay sẽ có xu hướng đánh giá kỹ càng, sử dụng vốn vay an toàn và hiệu quả hơn, từ đó nâng cao nhận thức, năng lực tài chính của người dân, doanh nghiệp.

Ba là, trường hợp luật hóa quy định về thu giữ TSBD thì TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ có thêm lựa chọn mà không nhất thiết phải sử dụng đến việc giải quyết tranh chấp thông qua con đường tố tụng, từ đó gìn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa bên vay và bên đi vay, đồng thời, giảm gánh nặng, áp lực cho hệ thống các cơ quan tư pháp, nhất là trong bối cảnh hiện nay, hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương đang được nghiên cứu để sắp xếp theo hướng tinh gọn tổ chức bộ máy.

Bốn là, quy định về chuyển thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt (CVĐB) góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, giữ vững an ninh tài chính – tiền tệ quốc gia, ổn định, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm lợi ích tổng thể, dài hạn đối với an ninh, kinh tế, xã hội.

Từ những lập luận, đánh giá trên, Chính phủ cho rằng các quy định tại dự thảo Luật nếu được thông qua sẽ có nhiều tác động tích cực đối với hệ thống pháp luật cũng như đối với kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định tại dự thảo Luật để điều chỉnh các quy định nhằm giảm thiểu các hạn chế tiêu cực (nếu có).

1.2. Có ý kiến đề nghị rà soát, nghiên cứu toàn diện những khó khăn, bất cập trong hoạt động của các TCTD để đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, bảo đảm hoạt động của các TCTD hiệu quả hơn, hạn chế hoặc xóa bỏ tình trạng nợ xấu (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo và cung cấp thêm thông tin như sau:

(i) Thống nhất quan điểm của đại biểu Quốc hội về việc cần phải hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đồng bộ để không chỉ xử lý nợ xấu mà còn cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) như định hướng đột phá, chiến lược cho giai

⁴ Xem tại <https://documents1.worldbank.org/curated/pt/193261570112901451/pdf/Knowledge-Guide.pdf>

đoạn 2021-2025 đã được nêu tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Việc hoàn thiện pháp luật về xử lý nợ xấu phải đi đôi, gắn liền với hoàn thiện pháp luật về hoạt động ngân hàng, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ngân hàng.

(ii) Tại phiên khai mạc Kỳ họp Quốc hội đề thể chế hóa Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII, Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo đề đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, *cần vừa làm vừa rút kinh nghiệm; không nóng vội, nhưng cũng không cầu toàn, để mất thời cơ;...*

Do vậy, trên cơ sở hoạt động tổng kết, khảo sát thực tiễn, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đánh giá tác động chính sách, lựa chọn chính sách cũng như nghiêm túc tiếp thu ý kiến của các đối tượng chịu tác động, cơ quan trình đề xuất xử lý các vấn đề đang cản trở công tác xử lý nợ xấu, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc khơi thông mọi nguồn lực kinh tế tư nhân cũng như xử lý vấn đề thực tiễn liên quan đến việc quyết định cho vay đặc biệt, tránh xảy ra nguy cơ đổ vỡ của hệ thống các TCTD.

(iii) Trong quá trình xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật Các TCTD 2024, Chính phủ đã thực hiện việc rà soát, đánh giá những khó khăn, bất cập trong hoạt động của TCTD để hoàn thiện cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của TCTD. Tuy nhiên, sau khi Luật Các TCTD 2024 được thông qua, tại các Hội nghị, các doanh nghiệp, các TCTD tiếp tục phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong xử lý nợ xấu, giảm chi phí lãi vay cho khách hàng. Do vậy, Chính phủ đã chỉ đạo NHNN tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất luật hóa 03 nội dung còn lại của Nghị quyết 42/2017/QH14 để tiếp tục hoàn thiện quy định về xử lý nợ xấu, tháo gỡ điểm nghẽn, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho khách hàng cũng như đẩy mạnh xử lý nợ xấu để giảm chi phí hoạt động của TCTD, tăng cường năng lực tài chính, lành mạnh hoạt động của TCTD.

(iv) Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan chủ trì tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của NHNN để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhằm góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, bảo đảm hoạt động của các TCTD hiệu quả hơn và hạn chế tình trạng nợ xấu.

1.3. Có ý kiến đề nghị rà soát, thuyết minh rõ hơn lý do cần thiết bổ sung 03 chính sách của Nghị quyết số 42 so với thời điểm xây dựng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (01 ý kiến); làm rõ lý do tại thời điểm xây dựng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 không luật hóa 03 chính sách của Nghị quyết số 42 và đến thời điểm này có sự thay đổi về mặt quan điểm (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo và cung cấp thêm thông tin như sau:

(i) Tại thời điểm trình dự án Luật các TCTD 2024, NHNN đã đề xuất luật hóa các quy định về quyền thu giữ TSBĐ, kê biên TSBĐ và hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm đó vẫn còn ý kiến băn khoăn về nội dung này.

Trong quá trình xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật Các TCTD 2024, Chính phủ đã thực hiện việc rà soát, đánh giá những khó khăn, bất cập trong hoạt động của TCTD để hoàn thiện cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của TCTD. Tuy nhiên, sau khi Luật Các TCTD 2024 được thông qua, tại các Hội nghị, các doanh nghiệp, các TCTD tiếp tục phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong xử lý nợ xấu, giảm chi phí lãi vay cho khách hàng. Do vậy, Chính phủ đã chỉ đạo NHNN tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất luật hóa 03 nội dung còn lại của Nghị quyết 42/2017/QH14 để tiếp tục hoàn thiện quy định về xử lý nợ xấu, tháo gỡ điểm nghẽn, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho khách hàng cũng như đẩy mạnh xử lý nợ xấu để giảm chi phí hoạt động của TCTD, tăng cường năng lực tài chính, lành mạnh hoạt động của TCTD.

(ii) Như đã nêu tại Tờ trình số 441/TTr-CP, việc đề xuất luật hóa các quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 là có đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn và đã có sự thống nhất cao nên cần kiên quyết thực hiện.

Thực hiện yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 1346/TB-VPQH ngày 28/4/2025 về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, NHNN đã báo cáo cấp có thẩm quyền về 02 nhóm chính sách của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng. Tại văn bản số 14923-CV/VPTW (mật) ngày 20/5/2025, Bộ Chính trị đã có ý kiến chủ trương luật hóa 3 nội dung còn lại của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm tạo lập khung khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, xử lý vướng mắc, khó khăn trong việc xử lý nợ.

(iii) Bên cạnh đó, xét bối cảnh hiện tại, để tiếp tục hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra và để đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới – *kỷ nguyên vươn mình phát triển bứt phá, giàu mạnh, hùng cường dưới sự lãnh đạo của Đảng*, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp trong việc “đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, *khơi thông mọi nguồn lực phát triển*”.

Đồng thời, Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW cũng yêu cầu bảo đảm thực chất quyền tự do hợp đồng, quyền sở hữu tài sản, tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân *tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn*. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 68-NQ/TW xác định phát triển kinh tế tư nhân trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế quốc gia, tạo thành thế “kiềng ba chân” vững chắc cho nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập thành công.

Về bản chất, TCTD huy động tiền gửi của người gửi tiền để cấp tín dụng cho khách hàng, TCTD có trách nhiệm hoàn trả tiền gửi cho người gửi tiền. Do đó, khi TCTD không thể thu hồi nợ do thiếu các công cụ pháp lý thì quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền cũng bị ảnh hưởng.

Vì vậy, khi thể chế về xử lý nợ xấu, xử lý TSBD của khoản nợ xấu được hoàn thiện, nợ xấu được giải quyết, nguồn vốn tín dụng sẽ được khơi thông, TCTD sẽ có cơ sở giảm lãi suất, người dân và doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng với chi phí hợp lý; đồng thời, quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền cũng được bảo vệ. Mọi lực lượng của kinh tế tư nhân đều là đối tượng thụ hưởng của các chính sách tại dự thảo Luật.

Như vậy, đề xuất luật hóa các quy định còn lại của Nghị quyết số 42/2017/QH14 tại dự thảo Luật lần này là nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, là sự chuyển hóa đúng đắn về mặt nhận thức vai trò của kinh tế tư nhân và cũng là sự đổi mới trong tư duy xây dựng pháp luật.

1.4. Một số ý kiến đề nghị bổ sung cơ sở cho việc luật hóa 03 chính sách của Nghị quyết số 42 xuất phát từ yêu cầu thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm kiểm soát tín dụng chặt chẽ, tránh rủi ro mất vốn khi cho vay (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và trên tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, cơ quan chủ trì đã thực hiện rà soát các Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW để bổ sung cơ sở cho việc luật hóa 03 chính sách của Nghị quyết số

42/2017/QH14 do 3 Nghị quyết trên là 3 trong số “Bộ tứ trụ cột”⁵ để giúp Việt Nam cất cánh. Cụ thể như sau:

(i) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định “xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước”.

(ii) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó bao gồm rà soát, hoàn thiện và thực thi hiệu quả quy định pháp luật về “bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân” nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý, khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, thực sự trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia.

(iii) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định “phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

Dự thảo Luật đã thể chế hóa đầy đủ các chính sách, đường lối của Đảng tại các Nghị quyết nêu trên.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, hồ sơ dự thảo Luật đã cập nhật kinh nghiệm quốc tế và có rà soát với hệ thống pháp luật Việt Nam để đảm bảo quy định của dự thảo Luật phù hợp, đồng bộ. Bên cạnh đó, các quy định về tuân thủ các thỏa thuận trong hợp đồng, trách nhiệm công khai thông tin,... trong hoạt động thu giữ, quyền không bị kê biên tài sản cũng như việc hoàn trả TSBD đã thực hiện nguyên tắc bảo đảm, bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân như chỉ đạo tại các Nghị quyết của Đảng. Dự thảo Luật nếu được thông qua sẽ là cơ sở để góp phần khơi thông mọi nguồn lực của xã hội, trong đó bao gồm nguồn vốn tín dụng, người dân và doanh nghiệp sẽ có cơ hội tiếp cận nguồn vốn tín dụng

⁵ Cùng Nghị quyết số 59-NQ/TW về chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng.

với chi phí hợp lý; đồng thời, người gửi tiền cũng được bảo đảm quyền sở hữu tài sản thông qua việc chi trả kịp thời từ TCTD. Mọi lực lượng của kinh tế tư nhân (như TCTD, người dân, doanh nghiệp) đều là đối tượng thụ hưởng của các chính sách tại dự thảo Luật và đều có thể tham gia hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo nói riêng.

1.5. Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ sở chính trị để hoàn thiện dự án Luật, trong đó có Kết luận của cấp có thẩm quyền về dự án Luật (01 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu và bổ sung như sau:

Thực hiện yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 1346/TB-VPQH ngày 28/4/2025 về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, NHNN đã báo cáo cấp có thẩm quyền về 02 nhóm chính sách của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng.

Tại văn bản số 14923-CV/VPTW (mật) ngày 20/5/2025, Bộ Chính trị đã có ý kiến chủ trương luật hóa 3 nội dung còn lại của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm tạo lập khung khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, xử lý vướng mắc, khó khăn trong việc xử lý nợ.

1.6. Một số ý kiến cho rằng khi TCTD và khách hàng đã có thỏa thuận về TSBĐ thì cần ưu tiên TCTD xử lý TSBĐ khi khách hàng không trả được nợ, tuy nhiên, nếu cán bộ tín dụng có tiêu cực thì phải xử lý theo quy định của pháp luật (02 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thống nhất với ý kiến của đại biểu Quốc hội, nếu cán bộ tín dụng có tiêu cực thì phải xử lý theo quy định của pháp luật. Tùy vào mức độ và hành vi sai phạm, cán bộ tín dụng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; bồi thường thiệt hại; trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm dân sự thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 206 Bộ luật Hình sự 2015 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Trên thực tế, cơ quan quản lý quản lý tổ chức và hoạt động của TCTD, trong đó có hoạt động cấp tín dụng bằng công cụ pháp luật và thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân được cấp tín dụng.

Để quản lý hoạt động cấp tín dụng, Luật các TCTD đã quy định về trách nhiệm tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng; cũng như quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính và trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định về trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó bao gồm việc thỏa thuận với khách hàng về mức cho vay căn cứ vào phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của tổ chức tín dụng; khi thực hiện vay, TCTD có trách nhiệm thực hiện phân loại, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định

Bên cạnh đó, cơ quan quản lý cũng đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, trong đó quy định về vi phạm quy định về cấp tín dụng như vi phạm do không kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định, cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, vi phạm giới hạn cấp tín dụng;... Hiện nay, NHNN đang rà soát để sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP và Nghị định 143/2021/NĐ-CP, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành cũng như tăng tính răn đe để hạn chế các hành vi vi phạm của các TCTD cũng như khách hàng sử dụng dịch vụ của các TCTD.

Đồng thời, cơ quan quản lý cũng thường xuyên có các văn bản chỉ đạo, điều hành, đề cao công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm pháp luật đi đôi với việc tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lạm quyền, thiếu trách nhiệm.

2. Về thời gian trình, hồ sơ dự án Luật; trình tự, thủ tục xây dựng chính sách, soạn thảo Luật; ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

2.1. Có ý kiến cho rằng hồ sơ dự án Luật được gửi cho đại biểu Quốc hội khá chậm làm ảnh hưởng đến quá trình nghiên cứu (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Trước những yêu cầu cấp bách để thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng mới được ban hành, để tiếp tục hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra và để đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình phát triển bứt phá, giàu

mạnh, hùng cường dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD theo trình tự, thủ tục rút gọn và thông qua tại 01 kỳ họp.

Đề xuất này đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại Thông báo số 1346/TB-VPQH ngày 28/4/2025 về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD.

Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, quy trình rút gọn cho phép việc trình để ban hành luật ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm.

2.2. Có ý kiến đề nghị rà soát kỹ thuật dự thảo Luật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật (01 ý kiến).

Chính phủ tiếp thu và rà soát hồ sơ dự án Luật để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14.

3. Về sự phù hợp của dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

3.1. Một số ý kiến đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ nội dung dự thảo Luật bảo đảm không ảnh hưởng, tác động đến các quyền công dân được quy định trong Hiến pháp; đối chiếu dự thảo Luật với các luật có liên quan như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Thi hành án dân sự, pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, xử lý vi phạm hành chính... để bảo đảm tính khả thi của các quy định và tính thống nhất của hệ thống pháp luật (02 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ xin được báo cáo như sau:

*** Về đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp của dự thảo Luật:**

Nội dung dự thảo Luật đã được Bộ Tư pháp thẩm định và không có nội dung vi phạm quy định của Hiến pháp. Chính phủ báo cáo làm rõ thêm như sau:

(i) Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm

Hiến pháp 2013, Bộ luật dân sự 2015 đã quy định:

(1) Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật;

(2) Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận;

(3) Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng;

(4) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực

Trong quan hệ tín dụng giữa bên đi vay và bên cho vay thì khi bên đi vay có nhu cầu, bên cho vay đã đưa một khoản tiền cho bên đi vay sử dụng; và bên đi vay đã cam kết hoàn trả lại khoản tiền đó đúng thời hạn đã thỏa thuận. Để bảo đảm cho việc thực hiện cam kết đó, bên đi vay hoặc bên thứ ba thỏa thuận dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay và ký thỏa thuận tự nguyện đồng ý cho bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm nếu không trả được nợ, gồm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng đã có thỏa thuận thì việc thực hiện thu giữ TSBĐ chính là việc tôn trọng và tuân thủ quy định của hợp đồng, tôn trọng thỏa thuận, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các bên đã giao kết trước đó và cũng nhằm tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội.

Trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận về thu giữ thì TCTD không được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm.

Do đó, việc quy định tại dự thảo Luật về thu giữ tài sản bảo đảm không xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu theo quy định tại Hiến pháp, phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự.

- Ngoài ra, khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Đồng thời, khoản 2, 4 Điều 15 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định “2. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; 4. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”.

Như vậy, ngay cả trong trường hợp Hiến pháp ghi nhận quyền con người, bao gồm quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, quyền có nơi ở hợp pháp, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở,... thì Hiến pháp cũng cho phép luật quy định các nội dung hạn chế việc thực hiện các quyền này vì một số lý do nhất định, bao gồm vì “trật tự, an toàn xã hội”. Một xã hội mà mọi chủ thể thượng tôn Hiến pháp và pháp luật mới có thể được coi là một xã hội có trật tự, an toàn.

Đồng thời, Điều 301 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”. Do đó, việc quy định về thu giữ tài sản bảo đảm để thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm để hoàn trả các nghĩa vụ nợ của khách hàng vay là đảm bảo tính thống nhất với quy định tại Điều 301 Bộ luật dân sự 2015.

(ii) Đối với quy định về kê biên TSBĐ

Quy định tại dự thảo Luật không đi ngược lại Điều 106 Hiến pháp do không tác động đến hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật. Về nguyên tắc, sau khi xử lý TSBĐ và trừ đi các chi phí, giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch (nếu có) phải được trả cho bên bảo đảm để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi đó, bên bảo đảm vẫn có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Phương thức xử lý cũng như thứ tự ưu tiên thanh toán này về cơ bản được thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 90 và khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án Dân sự.

Ngoài ra, về bản chất, mục đích của các giao dịch bảo đảm là để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Trong khi đó, nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở bản án, quyết định có hiệu lực – phát sinh sau thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm và không được bảo đảm bằng TSBĐ. Việc cho phép kê biên TSBĐ để thi hành án đối với trường hợp bên nhận bảo đảm không phải là bên được thi hành án có thể tước đi sự bảo hộ hợp pháp đối với bên cho vay – đã được bên vay/bên bảo đảm đồng thuận trước đó – làm vô hiệu hóa hiệu lực của pháp luật về giao dịch bảo đảm – không tạo ra một cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ. Đề xuất tại dự thảo Luật nhằm bảo vệ quyền hợp pháp của bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là bên được thi hành án.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật quy định một số ngoại lệ (trong trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ), TSBĐ khoản nợ xấu vẫn có thể bị kê biên để thi hành án.

Do đó, quy định về kê biên TSBĐ không xung đột với quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Thi hành án dân sự. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của Bộ Tư pháp, dự thảo Luật dự kiến được điều chỉnh nội dung tại Điều 198b theo hướng tài sản của *bên phải thi hành án* đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ bị kê biên, *xử lý theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự trong trường hợp hợp đồng bảo đảm đã được ký kết và phát sinh hiệu lực sau thời điểm bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật*; thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi

thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ *hoặc* trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đồng thời, bổ sung khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật (điều khoản chuyển tiếp) như sau: *“Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã bị kê biên, xử lý theo Điều 90 Luật Thi hành án dân sự trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa xử lý xong thì được tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự để thực hiện.”*

(iii) Đối với quy định về hoàn trả vật chứng của vụ án hình sự và tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính

Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó; b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;”.

Như vậy, pháp luật hiện hành *chưa có quy định* về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền xử lý TSBĐ của TCTD (bên nhận bảo đảm) cũng như ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả xử lý nợ xấu của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Dự thảo Luật quy định theo hướng hoàn trả vật chứng theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Như vậy, trong trường hợp bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu không đề nghị thì việc hoàn trả vật chứng được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Ngoài ra, khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “1. Người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo biện pháp ghi trong quyết định xử phạt hoặc *trả lại cho cá nhân, tổ chức nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.....*”.

Đối với trường hợp không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (khô 1 của khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính), pháp luật chưa có quy định về việc hoàn trả cho bên nhận bảo đảm mà chỉ quy định chung là “trả lại cho cá nhân, tổ chức”.

- Khoản 6 Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Quyền của bên thế chấp: 6. Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.”.

- Khoản 5 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Quyền của bên nhận thế chấp: 5. Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.”.

Như vậy, Bộ luật dân sự năm 2015 đã ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp trong việc yêu cầu bên thế chấp hoặc bên thứ 3 giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc giao tài sản thế chấp của bên thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý.

Tuy nhiên, thực tế cũng ghi nhận trường hợp bên bảo đảm sau khi nhận được tài sản do cơ quan có thẩm quyền hoàn trả, thì đã “tẩu tán” tài sản hoặc không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng xử lý. Cũng có trường hợp, bên bảo đảm cố tình tạo ra các vụ việc vi phạm hành chính nhưng chưa đến mức bị áp dụng hình thức tịch thu phương tiện vi phạm hành chính và khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả phương tiện vi phạm hành chính đó cho bên bảo đảm thì tổ chức tín dụng cũng không thu giữ được tài sản để xử lý.

Do vậy, việc luật hóa quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 về hoàn trả tài sản bảo là vật chứng trong vụ án hình sự cũng như bổ sung quy định về hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính tại Điều 198c nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, để bảo vệ quyền của bên nhận bảo đảm.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 198c như sau: “2. *Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, sau khi chấm dứt việc tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và không thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tịch thu, người ra quyết định tạm giữ trả tang vật, phương tiện theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ;* 3. *Việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi được hoàn trả theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm*”.

* Về việc rà soát dự thảo Luật với các luật có liên quan:

Cơ quan chủ trì đã rà soát dự thảo Luật với các luật có liên quan như Bộ luật Dân sự, Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ Luật Tố tụng,

dân sự cũng như Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Dữ liệu, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, xử lý vi phạm hành chính và xin báo cáo đại biểu Quốc hội như sau:

(i) Về tính tương thích của dự thảo Luật với các quy định tại Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính:

Thứ nhất, về tính tương thích của dự thảo Luật với Luật Thi hành án dân sự

Điều 90 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “1. *Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án*, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp *nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án*”.

Về bản chất, mục đích của các giao dịch bảo đảm là để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Trong khi đó, nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở bản án, quyết định có hiệu lực – phát sinh sau thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm và không được bảo đảm bằng TSBĐ. Do vậy, việc cho phép kê biên TSBĐ để thi hành án đối với trường hợp bên nhận bảo đảm không phải là bên được thi hành án có thể tước đi sự bảo hộ hợp pháp đối với bên cho vay – đã được bên vay/bên bảo đảm đồng thuận trước đó – làm vô hiệu hóa hiệu lực của pháp luật về giao dịch bảo đảm, không tạo ra một cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ.

Trong bối cảnh hiện nay, khối lượng công việc ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp, yêu cầu công việc ngày càng cao, trong khi biên chế còn thiếu, phải kiêm nhiệm nhiều, dễ gây ra tình trạng quá tải, tạo áp lực không nhỏ cho Tổng cục THADS trong thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao⁶. Do vậy, trên cơ sở thống nhất với Bộ Tư pháp, NHNN đề xuất hoàn thiện quy định về kê biên TSBĐ để vừa xử lý được vướng mắc của các TCTD, vừa không ảnh hưởng đến công tác thi hành án dân sự.

Thứ hai, về việc hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với các nội dung chưa được quy định cụ thể tại Bộ Luật Tố tụng hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu *hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó*; b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu *hoặc người quản lý hợp pháp* nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;”.

⁶ Báo cáo số 24/BC-TCTHADS ngày 23/01/2024, Báo cáo số 01/BC-TCTHADS ngày 03/01/2025

Như vậy, pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng.

- Khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “1. Người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo biện pháp ghi trong quyết định xử phạt hoặc trả lại *cho cá nhân, tổ chức* nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.....”.

Đối với trường hợp không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (khổ 1 của khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính), pháp luật chưa có quy định về việc hoàn trả cho bên nhận bảo đảm mà chỉ quy định chung là “trả lại cho cá nhân, tổ chức”.

- Trong khi đó, Bộ luật dân sự năm 2015 đã ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp trong việc yêu cầu bên thế chấp hoặc bên thứ 3 giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc giao tài sản thế chấp của bên thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý.

Tuy nhiên, thực tế phát sinh trường hợp bên bảo đảm sau khi nhận được tài sản do cơ quan có thẩm quyền hoàn trả, bên bảo đảm đã “tẩu tán” tài sản hoặc không giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm (TCTD) để xử lý. Cũng có trường hợp, bên bảo đảm cố tình tạo ra các vụ việc vi phạm hành chính nhưng chưa đến mức bị áp dụng hình thức tịch thu phương tiện vi phạm hành chính. Khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả phương tiện vi phạm hành chính đó cho bên bảo đảm thì tổ chức tín dụng cũng không thu giữ được tài sản để xử lý.

Do vậy, việc luật hóa quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự cũng như bổ sung quy định về hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính tại Điều 198c nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, “bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được” của bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm.

(ii) Dự thảo Luật không có nội dung liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về vấn đề giải quyết vụ án theo thủ tục, trình tự rút gọn không được luật hóa tại Luật Các TCTD năm 2024, tại Công văn số 200/TANDTC-PC ngày 13/1/2022, Tòa án nhân dân có ý kiến tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tranh chấp liên quan đến hợp đồng tài chính – tín dụng - một trong những lĩnh vực tranh chấp phức tạp, các bên đương

sự thường không hợp tác, các tranh chấp thường có số lượng lớn người cùng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì vậy, tòa án thường phải mất nhiều thời gian để xác minh, xem xét, thẩm định... do vậy, khi giải quyết các tranh chấp, Tòa án vẫn phải tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng thông thường trong khoảng thời gian ngắn là gây áp lực về mặt thời gian, không bảo đảm hiệu quả và khó thực thi trong thực tiễn. Ngân hàng Nhà nước nhận thấy việc quy định về thủ tục rút gọn trong giải quyết vụ án dân sự (khoản 1 Điều 317) hay không tiếp tục áp dụng thủ tục rút gọn (khoản 3 Điều 317) cần phải được tiếp cận và giải quyết thấu đáo khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự trong thời gian tới.

(iii) Ngoài ra, hiện nay, Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính đang trong quá trình xây dựng để sửa đổi, bổ sung. Do vậy, Chính phủ sẽ chỉ đạo NHNN phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chủ trì xây dựng các Luật trên để rà soát, đảm bảo thống nhất giữa các quy định có liên quan tại các dự thảo Luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đảm bảo đồng bộ thống nhất, góp phần khơi thông nguồn lực đầu tư, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc.

(iv) Bên cạnh đó, dự thảo Luật quy định rõ các điều kiện khác để thu giữ TSBĐ, bao gồm trách nhiệm công khai thông tin. Tuy nhiên, việc công khai thông tin chỉ bao gồm thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ mà không có các thông tin mang tính định danh. Do vậy, các quy định tại dự thảo Luật đảm bảo phù hợp với pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3.2. Có ý kiến đề nghị việc xây dựng dự án Luật cần tuân thủ các yêu cầu tại Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo và giải trình như sau:

Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã xác định: “Mục tiêu hàng đầu của công tác xây dựng pháp luật trong thời gian tới là tạo lập hệ thống pháp luật hoàn thiện, bảo đảm nền tảng pháp lý vững chắc, tạo động lực mạnh mẽ, bứt phá cho phát triển, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu chiến lược mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đề ra đưa đất nước vững bước tiến vào “kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Đồng thời, Kết luận số 19-

KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV xác định “Mục tiêu của công tác xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV là hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025”.

Để thực hiện các mục tiêu này cần “đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển”. Đồng thời, Kết luận số 119-KL/TW cũng xác định “Mở rộng tối đa các nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải ban hành bằng hình thức luật và giới hạn các nội dung được ban hành bằng hình thức nghị quyết; hạn chế đến mức thấp nhất việc ban hành pháp lệnh”. Trên cơ sở đó, cơ quan chủ trì đã nghiên cứu, đề xuất luật hóa bằng hình thức văn bản luật để góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển.

Bên cạnh đó, Kết luận số 119-KL/TW cũng đề ra việc “Quy định rõ Bộ Chính trị cho ý kiến đối với chính sách trong đề nghị xây dựng một số dự án luật lớn, quan trọng”. Đồng thời, Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật quy định trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật, bao gồm “Báo cáo xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Điều 14 của Quy định này và chỉ đạo thực hiện theo ý kiến của cơ quan có thẩm quyền của Đảng”.

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp lần thứ 44 (ngày 24/4/2025), Ban Thường vụ Đảng ủy NHNN đã có Tờ trình số 03/TTr-ĐUNHNN ngày 26/4/2025 báo cáo Đảng ủy Chính phủ về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD. Tại công văn số 192-CV/ĐU ngày 29/4/2025, Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ đã thông qua dự thảo Tờ trình Bộ Chính trị và giao đồng chí Bí thư Đảng ủy, Thống đốc NHNN hoàn thiện, ký Tờ trình báo cáo Bộ Chính trị.

Đồng chí Bí thư Đảng ủy, Thống đốc NHNN đã ký Tờ trình số 04-TTr/ĐUNHNN ngày 29/4/2025 báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị về xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

Tại văn bản số 14923-CV/VPTW (mật) ngày 20/5/2025, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo về chủ trương luật hóa 3 nội dung còn lại của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm tạo lập khung khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, xử lý

vướng mắc, khó khăn trong việc xử lý nợ cũng như quy định về thẩm quyền cho vay đặc biệt của NHNN.

Như vậy, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, cơ quan chủ trì đã rà soát để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra tại các văn bản chỉ đạo nêu trên.

4. Về việc bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; nguồn tài chính; nguồn nhân lực

4.1. Có ý kiến đề nghị đánh giá tác động khi xử lý nợ xấu, đặc biệt đối với các TCTD có tỷ lệ nợ xấu cao vì dễ gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, thậm chí có thể ảnh hưởng tới an ninh quốc gia (01 ý kiến)

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và như Tổng Bí thư Tô Lâm đã phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68/NQ-TW, chúng ta đang có những thách thức về an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Nợ xấu có thể là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc duy trì an ninh truyền thống và phi truyền thống vì nếu nợ xấu không được xử lý một cách hiệu quả sẽ mang lại nhiều tác động tiêu cực đối với nền kinh tế. Trong đó tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng với lãi suất hợp lý và cũng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền khi TCTD không xử lý, thu hồi được nợ.

Cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn nếu không thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng sẽ có xu hướng tiếp cận các nguồn bất hợp pháp (như tín dụng đen), dễ dàng đẩy người dân, doanh nghiệp vào bước đường cùng. Điều này cũng làm ảnh hưởng lớn đến an ninh, trật tự, an toàn – xã hội cũng như làm suy giảm năng lực, khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc, ảnh hưởng bất lợi của kinh tế thế giới; không phát huy được hiệu quả cũng như vai trò của kinh tế tư nhân đối với sự phát triển của đất nước có thể khiến chúng ta thụt lùi và không có khả năng tận dụng được thời cơ chín muồi mà khoa học công nghệ đang mang lại.

Tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 73, ngày 15/01/2018, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ đạo Việt Nam cần “nâng cao chất lượng công tác dự báo, phân tích tình hình; nhận diện rõ đối tác, đối tượng; phát hiện từ sớm các mối đe dọa đến lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội để chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp về chủ trương, giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự; kiên quyết không để bị động, bất ngờ, nhất là về mặt chiến lược”.

Trên cơ sở đó, dự thảo Luật đã được NHNN dự báo, phân tích tình hình cũng như theo dõi diễn biến các cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu trong giai đoạn vừa qua, trong đó, nhiều ngân hàng – đặc biệt là các ngân hàng ở Châu Âu có tỷ lệ nợ xấu cao – là nhân tố ảnh hưởng tiêu cực đến các chức năng của hệ thống tài chính⁷ - để đề xuất giải pháp, báo cáo và trình xin ý kiến Bộ Chính trị. Tại văn bản số 14923-CV/VPTW (mật) ngày 20/5/2025, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo về chủ trương luật hóa 3 nội dung còn lại của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm tạo lập khung khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, xử lý vướng mắc, khó khăn trong việc xử lý nợ cũng như quy định về thẩm quyền cho vay đặc biệt của NHNN.

4.2. Có ý kiến đề nghị bổ sung đánh giá về việc bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (01 ý kiến).

Dự thảo Luật không có nội dung ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, để đảm bảo an ninh, trật tự tại địa bàn nơi tiến hành thu giữ TSBĐ, dự thảo Luật quy định việc tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã tại khoản 5 Điều 198a; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ TSBĐ. Tại các Công văn tham gia ý kiến, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cũng thống nhất với hồ sơ dự án Luật.

II. VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về phạm vi áp dụng 03 chính sách của Nghị quyết số 42 được đề xuất luật hóa

1.1. Một số ý kiến đề nghị quy định điều kiện được áp dụng 03 chính sách của Nghị quyết số 42 được đề xuất luật hóa là khoản vay đúng quy định, không vi phạm các quy định về cấp tín dụng để bảo đảm quyền lợi cho các bên, tránh tình trạng TCTD dựa vào các chính sách này để nới lỏng điều kiện cho vay, vi phạm quy định về cấp tín dụng (03 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nợ xấu của tổ chức tín dụng có thể phát sinh từ nguyên nhân khách quan hoặc nguyên nhân chủ quan. Việc xác định khoản vay đúng quy định phải thông

⁷ Olle Fredriksson and Niklas Frykström (2019), "Bad loans" and their effects on banks and financial stability, 14/3/2019, xem tại <https://www.riksbank.se/globalassets/media/rapporter/ekonomiska-kommentarer/engelska/2019/bad-loans-and-their-effects-on-banks-and-financial-stability.pdf>.

qua hoạt động thanh tra, thậm chí là hoạt động điều tra của cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, dù phát sinh từ nguyên nhân nào, kể cả trường hợp nợ xấu phát sinh có nguyên nhân do khoản cho vay không đúng quy định hoặc do hành vi vi phạm của TCTD hay vi phạm của chính khách hàng vay thì khách hàng vay vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận đối với TCTD trừ trường hợp bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành quyết định khác.

Nếu chỉ áp dụng quy định tại dự thảo đối với khoản vay đúng quy định dẫn đến việc xử lý nợ xấu cho các TCTD không toàn diện, ảnh hưởng việc đưa nguồn vốn vào nền kinh tế, ảnh hưởng khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng. Điều này sẽ khiến ngân hàng và các nguồn lực trong dân không phát huy được hiệu quả, không đóng góp xứng đáng cho sự phát triển của đất nước.

Do đó, Chính phủ xin giữ nguyên như dự thảo Luật.

1.2. Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung điều kiện thu giữ TSBĐ theo hướng trường hợp tài sản phát sinh tranh chấp trước khi TCTD yêu cầu thu giữ tài sản thì không thực hiện quyền thu giữ; trường hợp tranh chấp phát sinh sau khi TCTD thu giữ TSBĐ thì TCTD vẫn được thực hiện quyền thu giữ tài sản (01 ý kiến).

Về điều kiện thu giữ TSBĐ, khi tổng kết thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14, theo báo cáo của các TCTD, khách hàng có thể tạo ra tranh chấp và đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án như một hình thức để trốn tránh việc bị thu giữ TSBĐ. Tình trạng này diễn ra khá phổ biến đối với TSBĐ là bất động sản hoặc đối với động sản giữa chủ tài sản và người có quyền hưởng dụng phát sinh trên cơ sở hợp đồng thuê, mượn tài sản...

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì đã hoàn thiện điều kiện đã được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14 để phù hợp, khắc phục khó khăn trên thực tế. Cụ thể, điểm d khoản 2 Điều 198a quy định “Tài sản bảo đảm không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản”.

1.3. Có ý kiến đề nghị lưu ý trường hợp TSBĐ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đặc biệt với các dự án bất động sản liên quan đến bên thứ ba, tránh phát sinh vướng mắc, tranh chấp (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc quy định như tại dự thảo Luật không đồng nghĩa với việc các quyền dân sự hợp pháp của bên thứ ba đối với TSBĐ đương nhiên bị chấm dứt. Việc xử lý các giao dịch dân sự, trong đó có các giao dịch với các bên liên quan đến quyền sử dụng đất, bất động sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và thỏa thuận của các bên có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

1.4. Có ý kiến đề nghị NHNN quản lý chặt chẽ nợ xấu và có giải pháp ứng phó trong trường hợp thời gian tới nợ xấu tăng cao dẫn tới thanh khoản không bảo đảm (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, NHNN tiếp tục tăng cường công tác quản lý hoạt động của TCTD và chỉ đạo TCTD tăng cường công tác quản trị nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường quản trị rủi ro cũng như thúc đẩy hiệu quả xử lý nợ xấu.

Bên cạnh đó, NHNN thực hiện quản lý về tổ chức và hoạt động của TCTD, trong đó có hoạt động cấp tín dụng bằng công cụ pháp luật và thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cụ thể:

(i) Để hạn chế nợ xấu phát sinh do các nguyên nhân chủ quan, Luật các TCTD đã quy định về trách nhiệm của tổ chức tín dụng khi xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng; cũng như quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định về trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó bao gồm việc thỏa thuận với khách hàng về mức cho vay căn cứ vào phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của tổ chức tín dụng; khi thực hiện vay, TCTD có trách nhiệm thực hiện phân loại, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định

Ngoài ra, các văn bản trên cũng quy định về quyền và trách nhiệm của khách hàng vay trong việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu cho TCTD trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu,... nhằm hạn chế nợ xấu phát sinh do các nguyên nhân chủ quan từ phía khách hàng vay.

(ii) Để giải quyết tác động của nợ xấu phát sinh do các nguyên nhân khách quan, các văn bản quy phạm pháp luật cũng đã có các quy định việc

TCTD xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thực tế, trong giai đoạn khách hàng vay chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid 19.

Ngoài ra, Thống đốc NHNN cũng đã ban hành Thông tư số 53/2024/TT-NHNN quy định việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của Bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3.

(iii) Bên cạnh đó, NHNN cũng đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, trong đó quy định về vi phạm quy định về cấp tín dụng như vi phạm do không kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định, cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, vi phạm giới hạn cấp tín dụng;... Hiện nay, NHNN đang rà soát đề sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP, Nghị định số 143/2021/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành, đảm bảo tính răn đe đối với các hành vi vi phạm của các TCTD trong hoạt động kinh doanh.

2. Về sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có tài sản bảo đảm

2.1. Có ý kiến cho rằng việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm ảnh hưởng rất lớn đến ngân sách nhà nước và TCTD (02 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cân nhắc rủi ro ngân sách nhà nước phải bù lãi suất khi thực hiện cho vay đặc biệt theo quy định của dự thảo Luật (01 ý kiến). Một số ý kiến đề nghị quy định rõ nguồn vốn và quy mô cho vay đặc biệt (05 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc cho vay đặc biệt được NHNN thực hiện từ nguồn tiền thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, không sử dụng nguồn tiền từ ngân sách nhà nước. Do vậy, việc NHNN cho vay đặc biệt có lãi suất 0%/năm không dẫn đến rủi ro ngân sách nhà nước phải bù lãi suất.

Bên cạnh đó, mỗi TCTD có quy mô và khó khăn thanh khoản khác nhau, mức độ ảnh hưởng của các TCTD tới hệ thống TCTD là không giống nhau, do vậy, việc quy định cụ thể quy mô cho vay đặc biệt tại Luật hoặc tại văn bản hướng dẫn sẽ có thể không dự báo được hết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn. Điều này cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc

hội, theo đó, “đối với các nội dung quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, các vấn đề mới, có tính kiến tạo phát triển, các vấn đề chưa có thực tiễn kiểm nghiệm, luật chỉ quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng”.

2.2. Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của NHNN báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sau khi quyết định các khoản cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ, bảo đảm thẩm quyền quyết định của NHNN nhưng đặt dưới sự kiểm soát của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (02 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung yêu cầu NHNN báo cáo định kỳ với Quốc hội và Chính phủ về các khoản cho vay đặc biệt đã cấp, đối tượng, số tiền, thời hạn, kết quả cho vay (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị khi Thống đốc NHNN xem xét, quyết định cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ cần phải có ý kiến của các cơ quan, các bộ, ngành liên quan (Bộ Tài chính, Bộ Công an...) do nội dung này liên quan đến an ninh tiền tệ; quá trình thực thi Chính phủ cần có hướng dẫn cụ thể (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Việc cho vay đặc biệt của NHNN chỉ cho 02 trường hợp: (i) TCTD bị rút tiền hàng loạt (để chi trả cho người gửi tiền); và (ii) để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc của các TCTD được kiểm soát đặc biệt và chỉ áp dụng sau khi đã thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của NHNN như tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở... Do vậy, Luật Các TCTD (khoản 3 Điều 194) đã giao Thống đốc NHNN quy định về việc cho vay đặc biệt. NHNN đã ban hành Thông tư 37/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về cho vay đặc biệt. Thực tế, trong quá trình thực hiện việc cho vay đặc biệt, do tính chất nhạy cảm của hoạt động ngân hàng cũng như mức độ ảnh hưởng của khoản vay đặc biệt, NHNN đều trình báo cáo cấp có thẩm quyền về việc cho vay đặc biệt. Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD được ban hành, NHNN sẽ rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định về cho vay đặc biệt có liên quan.

(ii) Việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ cũng như việc phối hợp các bộ, ngành có liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ (như quy định tại điểm a, b, đ Điều 7 và khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 8 Quy chế làm việc).

Ngoài ra, khoản 4 Điều 95 Hiến pháp quy định: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, ...”. Đồng thời,

khoản 5 Điều 8 Luật Tổ chức chính phủ đã quy định: “cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp ... chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, người phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp ...”; khoản 1 Điều 18 Luật Tổ chức chính phủ cũng quy định trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc “chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công quản lý...”. Ngoài ra, khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc “quyết định theo thẩm quyền vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ mà mình là người đứng đầu theo quy định của pháp luật”.

Bên cạnh đó, Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ cũng đã quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Do vậy, không cần thiết quy định các nội dung liên quan đến trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội sau khi quyết định các khoản cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ cũng như không cần thiết quy định về việc phối hợp của các bộ, ngành có liên quan tại dự thảo Luật.

(iii) Về việc giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể:

Luật Các TCTD (khoản 3 Điều 194) đã giao Thống đốc NHNN quy định về việc cho vay đặc biệt. NHNN đã ban hành Thông tư 37/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về cho vay đặc biệt.

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD được ban hành, NHNN sẽ rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Thông tư số 37/2024/TT-NHNN.

Do đó, việc giao Chính phủ hướng dẫn việc cho vay đặc biệt của NHNN là không cần thiết.

2.3. Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể và chi tiết hơn, có thể bổ sung một điều khoản về thi hành để tránh lạm dụng việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm và không có TSBĐ (01 ý kiến). Nhiều ý kiến đề nghị quy định rõ trường hợp, tiêu chí, điều kiện cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ và mục đích sử dụng khoản vay; quy định trách nhiệm của đơn vị được vay và trách nhiệm của NHNN khi cho vay, kiểm soát dòng tiền để tránh rủi ro, tránh lạm dụng chính sách, làm giảm động lực tái cấu trúc nội tại của TCTD, tâm lý ỷ lại

vào khoản vay đặc biệt; quy định rõ ràng, minh bạch về trình tự, thủ tục cho vay và các biện pháp tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế tổn thất có thể xảy ra, phòng tránh rủi ro đạo đức, quản trị ngân hàng, rủi ro chính sách và hiệu ứng phụ, bảo đảm niềm tin và công bằng thị trường (14 ý kiến).

Đề nghị quy định những điều kiện cụ thể để cho vay đặc biệt nhằm phòng ngừa việc ỷ lại vào ngân sách nhà nước vì hiện có một số ngân hàng thương mại cổ phần đang trong vòng kiểm soát đặc biệt của NHNN, có nguy cơ đổ vỡ. Đồng thời, Ngân hàng thương mại cho vay tới 4-5% và huy động vốn, tuy nhiên, việc cho vay đặc biệt lãi suất 0% đối với một số ngân hàng thì quá ưu tiên và đây là những trường hợp đặc biệt nên cần có cảnh giác và trách nhiệm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về lĩnh vực này (01 ý kiến).

Trong hoạt động cho vay sẽ có rủi ro tín dụng. Do vậy, khi có rủi ro xảy ra thì trách nhiệm thuộc về cá nhân hay là tổ chức hay tập thể nào (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị quy định rõ về khoản vay đặc biệt (01 ý kiến)

Chính phủ xin báo cáo như sau:

(i) Việc cho vay đặc biệt của NHNN chỉ cho 02 trường hợp: (a) TCTD bị rút tiền hàng loạt (để chi trả cho người gửi tiền); và (b) để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc của các TCTD được kiểm soát đặc biệt và chỉ áp dụng sau khi đã thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của NHNN như tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở... Như vậy, hoạt động cho vay đặc biệt của NHNN là hoạt động cần thiết, ngăn chặn hiện tượng rút tiền hàng loạt tại TCTD cũng như ngăn chặn nguy cơ rủi ro lan truyền sang TCTD khác hoặc để hỗ trợ cho phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc nhằm tái cơ cấu các TCTD được kiểm soát đặc biệt nhằm mục tiêu đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD, an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Ngoài ra, khoản 3 Điều 194 Luật các TCTD năm 2024 giao Thống đốc NHNN quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 194 Luật các TCTD năm 2024, NHNN đã ban hành Thông tư số 37/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 để quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt; trong đó, quy định cụ thể mục đích, số tiền, thời hạn, tài sản bảo đảm, điều kiện tài sản bảo đảm, trả nợ vay, trách nhiệm của các bên liên quan,...

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, sau khi dự thảo Luật được ban hành, NHNN sẽ nghiên cứu, rà soát các vấn đề liên quan đến tiêu chí, điều kiện cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ và mục đích sử dụng khoản vay, trách nhiệm của đơn vị được vay và trách nhiệm của NHNN khi cho

vay, kiểm soát dòng tiền để sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2024/TT-NHNN để tránh rủi ro, tránh lạm dụng chính sách, làm giảm động lực tái cấu trúc nội tại của ngân hàng, tăng cường tính minh bạch về trình tự, thủ tục cho vay và tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế tổn thất có thể xảy ra, phòng tránh rủi ro đạo đức, rủi ro chính sách và hiệu ứng phụ, bảo đảm niềm tin và công bằng thị trường.

(ii) Liên quan đến trách nhiệm của NHNN, khoản 4 Điều 95 Hiến pháp quy định: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, ...”. Đồng thời, khoản 5 Điều 8 Luật Tổ chức chính phủ đã quy định: “cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp ... chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, người phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp ...”; khoản 1 Điều 18 Luật Tổ chức chính phủ cũng quy định trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc “chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công quản lý...”. Ngoài ra, khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc “quyết định theo thẩm quyền vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ mà mình là người đứng đầu theo quy định của pháp luật”.

Cho vay đặc biệt là hoạt động cho vay của NHNN nhằm đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD cũng chính là bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Cho vay đặc biệt không phải là hoạt động kinh doanh. Với tính chất như vậy, cho vay đặc biệt được quyền ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác, kể cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính có TSBĐ của bên vay đặc biệt (khoản 1 Điều 194 Luật các TCTD).

2.4. Có ý kiến cho rằng Nhà nước sẽ phải hình thành một quỹ để bù đắp cho hoạt động cho vay đặc biệt (01 ý kiến).

NHNN xin giải trình như sau:

Việc cho vay đặc biệt được NHNN thực hiện từ nguồn tiền thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, không sử dụng nguồn tiền từ ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, sau khi dự thảo Luật được thông qua, NHNN sẽ phối hợp với Bộ Tài chính để rà soát các quy định về xử lý các khoản cho vay đặc biệt của NHNN theo quy định về chế độ tài chính của NHNN.

2.5. Một số ý kiến cho rằng việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm có thể tạo ra lợi thế cho TCTD yếu kém khi phục hồi, gây mất bình đẳng trong cạnh tranh kinh doanh và gây thiệt hại cho Nhà nước (02 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cân nhắc thiết kế điều luật, bảo đảm rõ ràng về nội dung, thẩm quyền, phạm vi quyết định của NHNN (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị cần quy định lãi suất 0%/năm chỉ áp dụng cho TCTD thuộc diện kiểm soát đặc biệt, tái cơ cấu bắt buộc hoặc có ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính quốc gia (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị giao NHNN quy định chi tiết về mức lãi suất (cả lãi suất 0%/năm và lãi suất lớn hơn 0%/năm) (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Theo quy định của Luật các TCTD, việc cho vay đặc biệt của NHNN chỉ được thực hiện trong 02 trường hợp: (i) TCTD bị rút tiền hàng loạt (để chi trả cho người gửi tiền); và (ii) để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc của các TCTD được kiểm soát đặc biệt. Như vậy, trường hợp cho vay đặc biệt của NHNN quy định tại Luật các TCTD hiện hành cũng là các trường hợp đại biểu đã nêu.

Ngoài ra, thông thường, khi có nhu cầu thanh khoản, TCTD đã được NHNN hỗ trợ qua các công cụ thực hiện chính sách tiền tệ như tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng hoặc thực hiện nghiệp vụ thị trường mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thực hiện mua, bán giấy tờ có giá với các thành viên).

Việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm chỉ được NHNN thực hiện khi TCTD rơi vào tình trạng rất khó khăn về thanh khoản do bị khách hàng rút tiền hàng loạt hoặc để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc với mục tiêu bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, giữ vững an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia, ổn định, trật tự, an toàn xã hội hoặc hỗ trợ thực hiện các phương án tái cơ cấu TCTD đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các TCTD bị rút tiền hàng loạt hoặc yếu kém, phải vay đặc biệt của NHNN, tùy trường hợp cụ thể, NHNN xem xét quyết định áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp theo thẩm quyền theo quy định về can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt của Luật Các TCTD 2024.

Do vậy, việc cho vay đặc biệt của NHNN với lãi suất 0%/năm nhằm bảo đảm lợi ích tổng thể, dài hạn đối với an ninh, kinh tế, xã hội và an toàn hệ thống TCTD mà không nhằm tạo ra bất kỳ lợi thế cạnh tranh cho TCTD nào. Hơn nữa, việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ khi một TCTD bị rút tiền hàng loạt cũng là biện pháp ngăn chặn các rủi ro lan truyền sang các TCTD khác theo hiệu ứng domino.

Như vậy, các trường hợp được vay đặc biệt của NHNN theo quy định tại Luật các TCTD là các trường hợp đại biểu Quốc hội đã nêu, bao gồm thuộc diện kiểm soát đặc biệt, tái cơ cấu bắt buộc hoặc có ảnh hưởng đến sự ổn định của tài chính quốc gia.

(ii) Về quy định thẩm quyền, phạm vi quyết định của NHNN: tại Luật Các TCTD đã quy định tại các Điều 192, Điều 193. Dự thảo Luật chỉ điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ hiện nay thành NHNN. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, sau khi Luật được ban hành, NHNN sẽ rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Thông tư 37/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về cho vay đặc biệt.

(iii) Về cơ chế kiểm soát, công khai, và đánh giá hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn vay đặc biệt

Khoản 5 Điều 8 Luật Tổ chức chính phủ đã quy định: “cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp ... chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, người phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp ...

Do vậy, NHNN chịu trách nhiệm báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo định kỳ quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan, người phân cấp để cơ quan, người phân cấp kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp.

Riêng đối với vấn đề công khai: Chính phủ cho rằng hoạt động ngân hàng là vấn đề phức tạp, nhạy cảm và có thể ảnh hưởng đến an ninh tài chính, tiền tệ. Do vậy, căn cứ các quy định tại khoản 20, 21, 22, 23, 24 Điều 3 Quyết định số 2182/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực ngân hàng, NHNN sẽ công khai thông tin theo quy định của pháp luật.

2.6. Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc cho vay đặc biệt không có TSBĐ vì về nguyên tắc phải bảo toàn nguồn vốn, không thể cho vay với lãi suất 0%/năm mà không có TSBĐ (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị cân nhắc không quy định mức lãi suất của khoản vay đặc biệt là 0%, mà có thể quy định một mức lãi suất thấp dưới lãi suất tái chiết khấu, tái cấp vốn tùy theo điều kiện, kết quả hoạt động, khả năng thanh khoản, mức đột tín nhiệm... của TCTD và giao thẩm quyền cho Thống đốc NHNN quyết định lãi suất cho vay đặc biệt (01 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 37/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của NHNN quy định về cho vay đặc biệt không bao gồm việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm, khoản vay không có TSBĐ, do đó, đề nghị rà soát các quy định hiện hành về cho vay đặc biệt, bảo đảm tính tương thích và phù hợp của hệ thống pháp luật (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung văn bản quy định chi tiết về TSBĐ của khoản vay đặc biệt, gửi kèm hồ sơ dự án Luật để đại biểu Quốc hội nghiên cứu, thảo luận, trong đó làm rõ loại tài sản, tiêu chí TSBĐ cho khoản vay đặc biệt (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Thứ nhất, khi có nhu cầu thanh khoản, TCTD đã được NHNN hỗ trợ qua các công cụ thực hiện chính sách tiền tệ như tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở (là các khoản vay có lãi suất)....

Thứ hai, về trường hợp vay đặc biệt của NHNN, theo quy định tại khoản 1 Điều 192 Luật các TCTD, Tổ chức tín dụng được vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 191 của Luật hoặc để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc.

Do vậy, việc NHNN cho TCTD vay đặc biệt là biện pháp nhằm mục tiêu bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, giữ vững an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia, ổn định, trật tự, an toàn xã hội. Nhìn từ khía cạnh này, việc cho vay đặc biệt là biện pháp cuối cùng và cần phải là biện pháp đủ mạnh để có thể thực hiện mục tiêu trên.

Thứ ba, trong điều kiện nguồn lực của Bảo hiểm tiền gửi và NSNN còn hạn chế, việc cho phép TCTD phá sản là không dễ dàng (do những hệ lụy đối với sự ổn định chính trị, xã hội, an ninh) thì biện pháp cho vay đặc biệt, kể cả khi phải cho vay không có TSBĐ là biện pháp cần thiết để hạn chế các tổn thất nghiêm trọng hơn về mặt kinh tế, chính trị, trật tự an toàn xã hội cũng như ảnh hưởng bất lợi đến an toàn hệ thống TCTD.

Thứ tư, việc các khoản cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm chỉ được NHNN thực hiện khi TCTD rơi vào tình trạng rất khó khăn về thanh khoản do bị khách hàng rút tiền hàng loạt hoặc để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc với mục tiêu bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, giữ vững an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia, ổn định, trật tự, an toàn xã hội hoặc hỗ trợ thực hiện các phương án tái cơ cấu TCTD đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Với các trường hợp trên, TCTD đã rất khó khăn và hoạt động không sinh lời, nếu cho vay có lãi suất thì các TCTD sẽ càng khó khăn và có thể khó thực hiện đề án tái cơ cấu.

Thứ năm, khoản cho vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả để tăng tính chặt chẽ đối với khoản cho vay.

Sau khi Luật được ban hành, Thống đốc NHNN sẽ rà soát để sửa đổi, bổ sung quy định về TSBĐ cho các khoản vay đặc biệt của NHNN.

*Về tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt, Chính phủ xin được giải trình như sau:

Hiện nay, trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 194 Luật các TCTD, Thống đốc NHNN ban hành Thông tư số 37/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về cho vay đặc biệt. Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN đã quy định về tài sản bảo đảm cho khoản cho vay đặc biệt, bao gồm: (i) tín phiếu Ngân hàng Nhà nước; trái phiếu Chính phủ (gồm: tín phiếu Kho bạc, trái phiếu Kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương, công trái xây dựng Tổ quốc, trái phiếu Chính phủ do Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ Hỗ trợ phát triển) được Thủ tướng Chính phủ chỉ định phát hành); trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn; trái phiếu Chính quyền địa phương trong Danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước; trái phiếu được phát hành bởi ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (trừ các ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc); trái phiếu được phát hành bởi tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt (trừ ngân hàng thương mại quy định tại điểm b khoản này), trái phiếu được phát hành bởi doanh nghiệp khác; (ii) quyền đòi nợ; khoản lãi phải thu.

Ngoài ra, Điều 14 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN cũng quy định về điều kiện tài sản bảo đảm. Trong đó, Giấy tờ có giá phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Được phát hành bằng đồng Việt Nam; b) Đang được lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả trực tiếp lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước hoặc lưu ký tại Tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; c) Không phải là giấy tờ có giá do bên vay đặc biệt phát hành (đối với giấy tờ có giá quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư này); d) Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá không ngắn hơn thời hạn của khoản vay đặc biệt;...

2.7. Một số ý kiến đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về cơ chế kiểm soát trước khi quyết định cho vay đặc biệt, đồng thời bổ sung quy định về trách nhiệm của NHNN, giao Thống đốc NHNN quy định tiêu chí, điều kiện cho vay đặc biệt đối với khoản vay lãi suất 0% và khoản vay không có TSBĐ (04 ý kiến). Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về cơ chế kiểm soát, giám sát khoản vay đặc biệt (05 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định các nguyên tắc tiêu chí khung về TSBĐ

cho khoản vay đặc biệt, ví dụ về loại tài sản, yêu cầu về pháp lý và khả năng thanh khoản tối thiểu, Thống đốc NHNN quy định chi tiết dựa trên khung tiêu chí này để việc thực hiện bảo đảm tính minh bạch (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định ngưỡng dư nợ cho vay đặc biệt mà Chính phủ phải báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhằm kiểm soát việc cho vay, tránh xảy ra các rủi ro cũng như tạo cơ chế đặc cách kéo dài (01 ý kiến)

Có ý kiến cần có tiêu chí rõ ràng về đối tượng được hưởng vay đặc biệt tránh bị lạm dụng để hỗ trợ thanh khoản những tổ chức tín dụng yếu kém, không đủ điều kiện thị trường (01 ý kiến)

Có ý kiến cho rằng khoản cho vay đặc biệt có khối lượng không nhỏ, do đó, cần bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính của NHNN, nếu cho vay đặc biệt thì phần nào sẽ thu hẹp dư địa chính sách tiền tệ và ảnh hưởng nhất định đến nhu cầu vốn cho phát triển nền kinh tế (01 ý kiến).

Chính phủ có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:

(i) Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo NHNN rà soát các vấn đề liên quan đến cơ chế kiểm soát, giám sát khoản vay đặc biệt; các tiêu chí, điều kiện cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ.

Luật các TCTD (khoản 3 Điều 194) đã có quy định giao “Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt”.

Vì vậy, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, sau khi dự thảo Luật được ban hành, NHNN sẽ rà soát, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2024/TT-NHNN.

(ii) Về đối tượng vay đặc biệt của NHNN, việc cho vay đặc biệt của NHNN chỉ cho 02 trường hợp: (a) TCTD bị rút tiền hàng loạt (để chi trả cho người gửi tiền); và (b) để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc của các TCTD được kiểm soát đặc biệt và chỉ áp dụng sau khi đã thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của NHNN như tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở...

Như vậy, theo quy định của Luật các TCTD 2024, chỉ TCTD bị rút tiền hàng loạt và TCTD thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc của các TCTD được kiểm soát đặc biệt mới được vay đặc biệt của NHNN.

(iii) Mỗi TCTD có quy mô và khó khăn thanh khoản khác nhau cũng như ảnh hưởng của các TCTD tới hệ thống TCTD là không giống nhau, do vậy, việc quy định ngưỡng dư nợ cho vay đặc biệt tại Luật hoặc tại văn bản hướng dẫn sẽ có thể không dự báo được hết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn. Điều này cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội, theo đó, “đối với các nội dung quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, các vấn đề mới, có

tính kiến tạo phát triển, các vấn đề chưa có thực tiễn kiểm nghiệm, luật chỉ quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng”. Ngoài ra, do nguồn tiền vay không phải là ngân sách nhà nước nên việc báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng có thể tạo ra gánh nặng, áp lực công việc cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, NHNN sẽ rà soát các vấn đề liên quan đến hoạt động cho vay đặc biệt của NHNN. Trường hợp dự thảo Luật được thông qua, NHNN sẽ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2024/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt để kiểm soát việc cho vay đặc biệt, về TSBĐ của khoản vay đặc biệt, tránh xảy ra các rủi ro phát sinh.

(iv) Liên quan đến tác động của khoản cho vay đặc biệt: Mặc dù việc cho vay đặc biệt được NHNN thực hiện từ nguồn tiền thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, không sử dụng nguồn tiền từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, sau khi dự thảo Luật được thông qua, NHNN sẽ phối hợp với Bộ Tài chính để rà soát các quy định về xử lý các khoản cho vay đặc biệt của NHNN theo quy định về chế độ tài chính của NHNN.

2.8. Có ý kiến đề nghị quy định rõ trường hợp được áp dụng cơ chế cho vay đặc biệt không có TSBĐ; cân nhắc bổ sung tại khoản 1 Điều 193 như sau: “Việc cho vay đặc biệt không có TSBĐ chỉ áp dụng đối với TCTD có vai trò hệ thống hoặc đang đứng trước nguy cơ đổ vỡ, gây mất an toàn cho hệ thống ngân hàng. NHNN phải căn cứ đánh giá tác động lan truyền và phương án phục hồi khả thi để quyết định việc cho vay này”, đồng thời, bổ sung thêm điều kiện giám sát, hậu kiểm (01 ý kiến).

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

(i) Theo quy định tại khoản 1 Điều 192 Luật Các TCTD, việc cho vay đặc biệt của NHNN chỉ được thực hiện trong 02 trường hợp: (i) TCTD bị rút tiền hàng loạt (để chi trả cho người gửi tiền); và (ii) để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc của các TCTD được kiểm soát đặc biệt.

Để ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ lan truyền, bảo đảm an toàn hệ thống các TCTD, kịp thời ổn định trật tự và an toàn xã hội, với nhiệm vụ bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD, NHNN cần phải thực hiện cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản đối với TCTD có nguy cơ/mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống TCTD.

Trên thực tế, có trường hợp TCTD có đủ tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt nhưng cũng đã có trường hợp/giai đoạn cấp bách, tài sản của TCTD rất

hạn chế, không đáp ứng yêu cầu tài sản bảo đảm khoản vay đặc biệt theo quy định nhưng NHNN vẫn phải cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm. Nếu không cho vay đặc biệt, TCTD sẽ không có khả năng chi trả cho người gửi tiền, ảnh hưởng đến quyền lợi của người gửi tiền, nguy cơ gây ra tình trạng rút tiền lan truyền dẫn đến nguy cơ mất an toàn hệ thống TCTD, kéo theo sự bất ổn của kinh tế, chính trị, xã hội.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, NHNN rà soát các vấn đề liên quan đến điều kiện vay đặc biệt, công tác giám sát, hậu kiểm. Sau khi dự thảo Luật được ban hành, NHNN sẽ rà soát, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2024/TT-NHNN quy định về việc cho vay đặc biệt theo các nội dung nêu trên.

2.9. Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật chỉ sửa đổi khoản 1 Điều 193 trong khi vẫn giữ khoản 4 Điều 193 quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm và không có TSBĐ trên cơ sở đề xuất của NHNN; đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 193 cho phù hợp (01 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng khoản 1 Điều 193 dự thảo Luật quy định “lãi suất cho vay đặc biệt của NHNN là 0%/năm”, như vậy mọi khoản vay đặc biệt của NHNN đều có lãi suất 0%/năm, do đó, nếu quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay của NHNN đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm thì Thủ tướng Chính phủ sẽ phải quyết định mọi khoản vay của NHNN. Vì vậy, để thống nhất với khoản 1 Điều 193 dự thảo Luật, đề nghị xem xét, sửa đổi quy định tại khoản 4 như sau: “Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay không có TSBĐ đối với TCTD trên cơ sở đề xuất của NHNN” (01 ý kiến).

Chính phủ có ý kiến giải trình như sau:

Khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 193 Luật các TCTD; khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật bãi bỏ khoản 4 Điều 193 Luật các TCTD. Do vậy, các quy định sửa đổi, bổ sung đã đảm bảo tính thống nhất giữa dự thảo Luật và Luật các TCTD hiện hành.

2.10. Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật chưa quy định cơ chế kiểm soát, dễ dẫn đến áp dụng tiêu chí chung, không tính đến yếu tố đặc thù của các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, lĩnh vực nhiều rủi ro trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hoặc có thể lạm quyền cá nhân trong việc quyết định tiêu chí lĩnh vực cho vay đặc biệt. Đối với những lĩnh vực mà khoản vay có nguy cơ cao xảy ra nợ xấu do yếu tố khách quan, thiên tai, dịch bệnh, kết quả nghiên cứu không thành công, vì vậy, nên bổ sung cơ chế kiểm soát thông qua

Hội đồng thẩm định trước khi quyết định tiêu chí, lĩnh vực cho vay đặc biệt, với đại diện của các cơ quan, ban, ngành như Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính, đại diện các TCTD, bổ sung lĩnh vực ưu tiên cho vay đặc biệt về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, dự án đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Khoản 3 Điều 24 Luật NHNN quy định NHNN cho vay đối với TCTD, không cho vay đối với tổ chức, cá nhân khác, vì vậy, các yếu tố đặc thù của các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, lĩnh vực nhiều rủi ro,... không ảnh hưởng đến hoạt động cho vay đặc biệt của NHNN.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội về việc rà soát cơ chế kiểm soát, sau khi dự thảo Luật được ban hành, NHNN sẽ rà soát, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2024/TT-NHNN quy định về việc cho vay đặc biệt cho phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật.

2.11. Có ý kiến đề nghị tham khảo kinh nghiệm quốc tế về xử lý các khoản vay không có TSBĐ (01 ý kiến). Một số ý kiến cho rằng theo kinh nghiệm quốc tế, các Ngân hàng Trung ương thực hiện cho vay tái cấp vốn với các ngân hàng thương mại cần vay đặc biệt, không cho vay với lãi suất 0%/năm (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Để xử lý các khủng hoảng tài chính có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống, pháp luật một số quốc gia đều có các cơ chế hỗ trợ thanh khoản. Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Chính phủ xin báo cáo thêm kinh nghiệm của Thụy Sĩ, cụ thể:

Tại Thụy Sĩ, liên quan đến hỗ trợ thanh khoản khẩn cấp (emergency liquidity assistance), Điều 9.1 Luật Ngân hàng trung ương quy định, NHTW Thụy Sĩ thực hiện vai trò người cho vay cuối cùng. Với chức năng này, NHTW cung cấp hỗ trợ thanh khoản khẩn cấp cho 1 hoặc nhiều ngân hàng nội địa nếu các ngân hàng này không còn đủ khả năng cấp vốn cho các hoạt động của mình trên thị trường.

Ngày 16/3/2023, Hội đồng liên bang Thụy Sĩ đã ban hành Pháp lệnh về khoản vay hỗ trợ thanh khoản bổ sung và cấp bảo lãnh của liên bang đối với khoản vay hỗ trợ thanh khoản của NHTW Thụy Sĩ cho các ngân hàng quan trọng hệ thống. Theo đó, Pháp lệnh cũng cho phép việc cấp bảo lãnh thanh toán từ liên bang Thụy Sĩ đối với các khoản vay của NHTW Thụy Sĩ để bảo đảm cho những thiệt hại (khoản lỗ) tiềm tàng từ khoản vay hỗ trợ thanh khoản.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định “xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại. Do vậy, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, cơ quan chủ trì đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế nhưng vẫn phải đảm bảo phù hợp với thực tiễn của Việt Nam.

(ii) Ngoài ra, việc quyết định cho vay đặc biệt chỉ áp dụng sau khi đã thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của Ngân hàng Trung ương như tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở... và chỉ trong 02 trường hợp theo quy định tại Luật Các TCTD 2024.

2.12. Có ý kiến đề nghị đánh giá rõ ưu điểm và nguy cơ rủi ro của chính sách này (01 ý kiến).

Việc cho vay đặc biệt nhằm ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ lan truyền, bảo đảm an toàn hệ thống các TCTD, kịp thời ổn định trật tự và an toàn xã hội, với nhiệm vụ bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD.. NHNN cần phải thực hiện cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản đối với TCTD có nguy cơ/mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống TCTD. Như vậy, nếu không cho vay đặc biệt, TCTD sẽ không có khả năng chi trả cho người gửi tiền, ảnh hưởng đến quyền lợi của người gửi tiền, nguy cơ gây ra tình trạng rút tiền lan truyền dẫn đến nguy cơ mất an toàn hệ thống TCTD, kéo theo sự bất ổn của kinh tế, chính trị, xã hội.

Về nguy cơ rủi ro của chính sách, như đã báo cáo đại biểu Quốc hội, việc cho vay đặc biệt được NHNN thực hiện từ nguồn tiền thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, không sử dụng nguồn tiền từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, sau khi dự thảo Luật được thông qua, NHNN sẽ phối hợp với Bộ Tài chính để rà soát các quy định về xử lý các khoản cho vay đặc biệt của NHNN theo quy định về chế độ tài chính của NHNN.

3. Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm (Điều 198a)

3.1. Quy định này dễ phát sinh tranh chấp trên thực tế nếu không được hướng dẫn một cách rõ ràng và thi hành một cách minh bạch; đề nghị việc TCTD thực hiện quyền thu giữ phải được giám sát bởi chính quyền địa phương, bảo đảm không xâm phạm đến TSBĐ hoặc gây rối trật tự công cộng (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Các nội dung tại Điều 198a đã quy định các yêu cầu, điều kiện thu giữ TSBĐ, trong đó bao gồm quy định về công khai thông tin về thu giữ TSBĐ của

khoản nợ xấu. Về trách nhiệm của cơ quan địa phương, dự thảo Luật quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 198a dự thảo Luật, theo đó, UBND cấp xã và cơ quan công an cấp xã có trách nhiệm trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.

Vai trò của các cơ quan này chỉ dừng lại ở việc xác nhận tình trạng thực tế và đảm bảo an ninh trật tự xã hội khi TCTD thực hiện biện pháp thu giữ, cũng như để ngăn ngừa việc TCTD lạm dụng quyền khi thu giữ, đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan.

Việc quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an cấp xã khi thu giữ tài sản bảo đảm sẽ tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân tại địa điểm thu giữ nói chung.

3.2. Về mặt lý luận, trường phái thông luật (common law) xử lý theo án lệ, dựa trên nguyên tắc “đã vay phải trả” và khi vay mà không trả được thì phải bán TSBĐ; trường phái luật dân sự (civil law) xử lý thông qua xét xử tại tòa án; mỗi trường phái đều có thuận lợi và vướng mắc riêng, quan trọng là các quy định phải được xây dựng cẩn kẽ, thận trọng, đúng nguyên tắc chủ nghĩa xã hội, Nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhân đạo, nhân văn, không trái đạo đức, không được lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, bảo đảm quyền và lợi ích, hợp pháp giữa các bên (01 ý kiến).

Về bản chất, hệ thống common law và civil law có sự khác biệt về hệ thống nguồn luật (không liên quan đến vấn đề tiếp cận pháp lý), đối với các nước theo hệ thống common law, nguồn luật bao gồm các án lệ có tính bắt buộc; trong khi đó, những nước theo hệ thống civil law, nguồn luật bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật, ở một số nước, các học thuyết của các học giả cũng được coi là nguồn luật⁸.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam không phải là common law và cũng không hoàn toàn giống civil law. Nền pháp chế của Việt Nam là “Pháp chế xã hội chủ nghĩa”, coi trọng việc lấp đầy các lỗ hổng pháp lý bằng quy phạm pháp luật do cơ quan lập pháp ban hành⁹.

Tại hồ sơ dự án Luật (Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo),

⁸ Key Features of Common Law or Civil Law Systems, xem tại <https://ppp.worldbank.org/public-private-partnership/legislation-regulation/framework-assessment/legal-systems/common-vs-civil-law>

⁹ Nguyễn Quang Đức, Những khác biệt của truyền thống pháp luật Common Law với truyền thống pháp luật Việt Nam, xem tại <https://danchuphapluat.vn/nhung-khac-biet-cua-truyen-thong-phap-luat-common-law-voi-truyen-thong-phap-luat-viet-nam>

cơ quan chủ trì soạn thảo đã cập nhật thêm thông tin về kinh nghiệm quốc tế được ghi nhận tại Luật mẫu của UNCITRAL về giao dịch bảo đảm cũng như quy định của một số quốc gia (Úc, Canada, Hoa Kỳ, Pháp) về việc luật hóa các quy định về thu giữ TSBĐ, ưu tiên giữa chủ nợ có bảo đảm bằng TSBĐ so với “chủ nợ” theo phán quyết, quyết định của Tòa án.

Trong số các quốc gia trên, Hoa Kỳ¹⁰ và Úc¹¹ là hai trong những quốc gia đại diện tiêu biểu cho hệ thống common law nhưng vẫn có các quy định ghi nhận quyền thu giữ TSBĐ tại các văn bản luật^{12,13}.

Như vậy, việc xử lý vấn đề không nằm ở hệ thống pháp luật “luật dân sự” (civil law) hay “thông luật” (common law) mà nằm ở cách tiếp cận và nguyên tắc pháp luật.

Ngoài ra, tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Đảng đã xác định quan điểm “bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân cũng đề ra nhiệm vụ, giải pháp trong việc “bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và *bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân*”.

¹⁰ Xem tại <https://ppp.worldbank.org/public-private-partnership/legislation-regulation/framework-assessment/legal-systems/common-vs-civil-law>

¹¹ Xem tại https://www.aph.gov.au/About_Parliament/House_of_Representatives/Powers_practice_and_procedure/00_-_Infosheets/Infosheet_23_-_Basic_legal_expressions#:~:text=The%20common%20law%20system%20is,inherited%20from%20the%20United%20Kingdom.

¹² Mục 123 của PPSA trao quyền cho chủ nợ có bảo đảm (secured party) được phép thu giữ TSBĐ nếu bên nợ không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng bảo đảm. Điều khoản này bao gồm các nội dung chính sau: (1) Quyền thu giữ TSBĐ. Theo Khoản (1) của Mục 123, chủ nợ có bảo đảm có thể thu giữ tài sản thế chấp bằng bất kỳ phương thức nào được pháp luật cho phép nếu bên nợ vi phạm nghĩa vụ. Khoản này cho phép chủ nợ không bị giới hạn bởi một quy trình cố định mà có thể áp dụng nhiều biện pháp miễn là phù hợp với pháp luật. Khoản này theo đó tạo điều kiện cho chủ nợ xử lý tài sản nhanh chóng, giảm chi phí và thời gian so với việc phải thông qua tòa án. Tuy nhiên, việc “bằng bất kỳ phương thức nào được pháp luật cho phép” cũng có nghĩa là phải tuân thủ các quy định khác của pháp luật Úc để tránh lạm quyền; Xem tại https://www.austlii.edu.au/cgi-bin/viewdoc/au/legis/cth/consol_act/ppsa2009356/s123.html

¹³ Điều khoản 9-609 Bộ luật Thương mại Thống nhất (Uniform Commercial Code - UCC) của Hoa Kỳ về quyền của chủ nợ trong việc thu giữ TSBĐ sau khi bên nợ vi phạm hợp đồng: (a) Quyền chiếm hữu TSBĐ: Sau khi bên nợ không thực hiện nghĩa vụ, chủ nợ có quyền: (1) Thu giữ TSBĐ; (2) Không cần di dời nhưng có thể làm cho thiết bị không thể sử dụng được và xử lý tài sản ngay tại địa điểm của bên nợ theo quy định tại Điều 9-610; (b) Quy trình thu giữ tư pháp và phi tư pháp: Chủ nợ có thể thực hiện thu giữ bằng: (1) Thủ tục tư pháp (thông qua tòa án); (2) Không cần thủ tục tư pháp, miễn là không vi phạm trật tự công cộng (không gây mất trật tự, không có sự cưỡng ép bất hợp pháp); (c) Yêu cầu tập hợp TSBĐ: Chủ nợ có thể yêu cầu bên nợ tập hợp tài sản tại một địa điểm nhất định để thuận tiện cho việc thu giữ. Xem tại <https://www.law.cornell.edu/ucc/9/9-609>

Đề xuất về quyền thu giữ TSBĐ tiếp tục được cập nhật không chỉ thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW,... mà còn có sự tham khảo các kinh nghiệm quốc tế để xác định cách tiếp cận phù hợp, không phụ thuộc vào hệ thống pháp lý của các quốc gia đó, đảm bảo việc cân bằng giữa quyền lợi hợp pháp của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ với các quyền hợp pháp của bên bảo đảm bằng tài sản.

3.3. Có ý kiến đề nghị cân nhắc sự cần thiết bổ sung biện pháp thu giữ TSBĐ của TCTD khi phát sinh nợ xấu vào dự thảo Luật lần này do thực tiễn có nhiều vấn đề phức tạp như bên cấp tín dụng chiếm ưu thế hơn so với bên đi vay, tài sản có thể đang phát sinh tranh chấp, bên thế chấp không tự nguyện giao tài sản, các vấn đề về tổ chức cưỡng chế, bảo đảm an ninh trật tự ở địa phương... (01 ý kiến).

Hệ thống pháp luật Việt Nam là hệ thống luật thành văn, các tranh chấp được xử lý truyền thống, qua tòa án, tức là áp dụng các quy định của luật tố tụng, luật thi hành án dân sự, nhất là những trường hợp như tài sản đảm bảo là đa sở hữu hoặc đa chủ nợ hay tài sản đảm bảo là dự án bất động sản. Khi xử lý qua hệ thống tòa và qua thi hành án thì quyền và lợi ích hợp pháp của các bên thì sẽ đảm bảo hơn. Tuy nhiên, dự thảo Luật cho phép ngân hàng trực tiếp thu giữ tài sản đảm bảo của người dân, cá nhân, tổ chức. Về cơ bản theo tinh thần lập luận trong tờ trình đã rõ nhưng cần đảm bảo tính nhân văn, nhân quyền theo đúng như Điều 106 của Hiến pháp (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị các quy định phải bảo đảm tính nhân văn, nhân quyền, phù hợp quy định tại Điều 106 Hiến pháp năm 2013 (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo và bổ sung thông tin cụ thể như sau:

(i) Về sự cần thiết luật hóa quy định về thu giữ TSBĐ

Thứ nhất, việc luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBĐ là cần thiết nhằm xử lý trường hợp bên bảo đảm không tự nguyện giao tài sản.

Theo quy định hiện hành, trường hợp người đang giữ TSBĐ không giao TSBĐ thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, quá trình khởi kiện, tham gia tố tụng và tiến hành thi hành án theo quy định cho mỗi vụ án thường kéo dài nhiều năm, tạo nên tâm lý chây ỳ trả nợ của bên có nghĩa vụ. Về mặt pháp lý, Điều 301 Bộ luật dân sự cũng quy định bên cạnh cơ chế giải quyết tại Tòa án thì vẫn có cơ chế khác do Luật quy định.

Thứ hai, quy định về quyền thu giữ TSBĐ đã chứng minh hiệu quả trong quá trình triển khai thí điểm thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 (từ 2017-

2023), theo đó, tâm lý chủ động trả nợ của khách hàng vay đã có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ lệ chủ động trả nợ của khách hàng vay.

Thứ ba, NHNN cũng đã tiếp tục rà soát, cập nhật kinh nghiệm quốc tế về quyền thu giữ TSBĐ. Qua rà soát, bên cạnh việc xử lý tài sản bảo đảm thông qua thủ tục tố tụng tại Tòa án nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, tổ chức tín dụng cho vay, việc xử lý TSBĐ không qua con đường tố tụng (thu giữ tài sản bảo đảm) cũng đã được ghi nhận tại Bộ luật Mẫu về các Giao dịch bảo đảm của UNCITRAL, Bộ luật thương mại thống nhất Hoa Kỳ, Đạo luật bảo đảm tài sản cá nhân của Australia...

(ii) Về vấn đề tổ chức, bảo đảm an ninh, trật tự

Theo quy định tại dự thảo Luật, trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Đồng thời, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan, dự thảo Luật đã bổ sung quy định TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ TSBĐ.

Nhằm đảm bảo an ninh, trật tự cũng như sự minh bạch, công khai trong quá trình thu giữ, dự thảo Luật quy định về vai trò của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trong đó có Ủy ban nhân dân cấp xã và bổ sung làm rõ cơ quan công an là cơ quan công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ để đảm bảo phù hợp để đảm bảo phù hợp với tổ chức, bộ máy của cơ quan Công an địa phương sau khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy). Vai trò của các cơ quan này dừng lại ở việc xác nhận tình trạng thực tế và đảm bảo an ninh trật tự xã hội khi TCTD thực hiện biện pháp thu giữ, cũng như để ngăn ngừa việc TCTD lạm dụng quyền khi thu giữ, đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan, ngăn chặn các hành vi cưỡng chế trái pháp luật. Việc quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an khi thu giữ tài sản bảo đảm sẽ tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân tại khu vực thu giữ nói chung.

(iii) Về cân bằng quyền giữa bên vay và bên đi vay, điều kiện thu giữ TSBĐ

Hiến pháp 2013, Bộ luật dân sự 2015 đã quy định:

(1) Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật;

(2) Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận;

(3) Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng;

(4) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

Trong quan hệ tín dụng, khi bên đi vay có nhu cầu, bên cho vay đã đưa một khoản tiền cho bên đi vay sử dụng; và bên đi vay đã cam kết hoàn trả lại khoản tiền đó đúng thời hạn đã thỏa thuận. Để bảo đảm cho việc thực hiện cam kết đó, bên đi vay hoặc bên thứ ba dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay và ký thỏa thuận tự nguyện đồng ý cho bên cho vay xử lý TSBD nếu không trả được nợ, bao gồm việc đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBD của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý TSBD theo quy định pháp luật. Như vậy, việc thu giữ TSBD được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện đã có giữa bên đi vay và bên cho vay.

Trường hợp trong hợp đồng đã có thỏa thuận thì việc thực hiện thu giữ chính là việc tôn trọng và tuân thủ quy định của hợp đồng, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các bên đã giao kết trước đó và cũng nhằm tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội, đảm bảo thực thi hợp đồng như tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 68-NQ/TW.

Trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận về thu giữ thì TCTD không được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm. Do đó, việc quy định tại dự thảo Luật về thu giữ tài sản bảo đảm không xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu theo quy định tại Hiến pháp, phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự, đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các bên có liên quan.

Dự thảo Luật quy định rõ các điều kiện khác để thu giữ TSBD, bao gồm trách nhiệm công khai thông tin. Việc hoàn thiện các quy định về yêu cầu phải công khai thông tin, thông báo về thực hiện quyền thu giữ TSBD tại dự thảo Luật có ý nghĩa là điều kiện tiên quyết, qua đó đảm bảo minh bạch, công khai và là cơ sở để bên có nghĩa vụ được biết về việc thực hiện các nghĩa vụ mà mình đã cam kết, cũng như đảm bảo quyền tiếp cận thông tin theo quy định tại Điều 25 Hiến pháp. Ngoài ra, để đảm bảo chặt chẽ trong việc thu giữ cũng như làm cơ sở

thanh tra, kiểm tra trong hoạt động của TCTD sau này, dự thảo Luật quy định TCTD phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ TSBĐ.

Đồng thời, khoản 4 Điều 10 Luật Các TCTD 2024 đã quy định trách nhiệm công bố, công khai thông tin của TCTD như sau: “Công bố công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng”.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật không có bất kỳ quy định nào hạn chế quyền khiếu nại của các bên khi thu giữ, đặc biệt là quyền khiếu nại của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm khi có dấu hiệu cưỡng chế trái pháp luật. Việc khiếu nại của các bên trong trường hợp có tranh chấp, dấu hiệu cưỡng chế trái luật, tùy theo mức độ vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy, ngân hàng thương mại là trung gian tài chính, huy động vốn của người gửi tiền để cấp tín dụng. Việc cho vay, thu hồi nợ, trong đó có xử lý nợ xấu để thu hồi nợ không chỉ là yêu cầu để đảm bảo an toàn hoạt động của ngân hàng thương mại mà còn là yêu cầu đảm bảo ngân hàng thương mại thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền gửi cho người gửi tiền. Do đó, hoạt động xử lý nợ xấu là hoạt động rất quan trọng để đảm bảo bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền.

Do vậy, quy định về thu giữ TSBĐ được thiết kế bảo đảm tính nhân văn, nhân quyền khi thực hiện.

3.4. Có ý kiến cho rằng có thể vì một lý do khách quan, dự án đang trong quá trình vay nợ không bảo đảm đúng trình tự, thủ tục trả nợ vay, ngân hàng dùng giải ngân cho chủ đầu tư, gây khó khăn trong triển khai dự án, trường hợp phát sinh nợ xấu sẽ dẫn đến thu giữ TSBĐ. Do đó, đề nghị cần phải có hướng dẫn rõ ràng và minh bạch, quy định những trường hợp vì lý do khách quan, do những cú sốc của nền kinh tế hoặc thay đổi chính sách... mà doanh nghiệp chưa bảo đảm được quá trình trả nợ thì gia hạn thêm (01 ý kiến). Có ý kiến cho rằng theo phân loại nợ hiện nay, từ nhóm nợ thứ ba là nợ xấu; nếu thu giữ TSBĐ theo cách phân loại này sẽ không khuyến khích hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó, đề nghị cần nhắc quy định về các nhóm nợ xấu; phân loại các trường hợp rủi ro, nguyên nhân khách quan, chủ quan, các yếu tố tác động để đưa ra quyết định thu giữ TSBĐ, bảo đảm quyền lợi cho các doanh nghiệp (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

+ Hiện nay, theo quy định của thống đốc NHNN về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nợ xấu là các khoản nợ được phân loại vào nợ nhóm 3, 4, 5.

Trong đó, các khoản nợ được phân vào nhóm 3, 4, 5 bao gồm: (i) Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày (nợ nhóm 3); quá hạn từ 181 đến 360 ngày (nợ nhóm 4); quá hạn trên 360 ngày (nợ nhóm 5); (ii) Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, được miễn, giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ ...

+ Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là khoản nợ mà khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nhưng được TCTD đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ theo thời hạn/kỳ hạn được điều chỉnh và được TCTD quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kéo dài thời hạn/kỳ hạn trả nợ) cho khách hàng.

Như vậy, đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ là những khoản nợ chưa đến hạn thanh toán (do đã được TCTD đồng ý cho phép kéo dài thời hạn/kỳ hạn trả nợ).

+ Chương XII Luật Các TCTD năm 2024 quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm. Để áp dụng các quy định tại Chương XII Luật các TCTD, các TCTD cần phải đảm bảo các điều kiện:

(i) Khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm cần xử lý thuộc phạm vi khoản nợ xấu quy định tại Điều 195 Luật các TCTD (nợ xấu của TCTD bao gồm khoản nợ xấu hạch toán trong bảng cân đối kế toán theo quy định của Thống đốc NHNN...);

(ii) Việc xử lý tài sản bảo đảm phải thuộc trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo pháp luật về biện pháp bảo đảm¹⁴.

Như vậy, đối với trường hợp khách hàng có khoản nợ xấu (nợ nhóm 3, 4, 5) có tài sản bảo đảm thì TCTD chỉ áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tại Luật các TCTD khi khoản nợ quá hạn thanh toán.

3.5. Có ý kiến cho rằng việc trao quyền cho các TCTD được thu giữ TSBĐ mà không cần thông qua phán quyết của Tòa án tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm đến quyền sở hữu đã được hiến định, được pháp luật bảo vệ tuyệt đối. Trong bối cảnh thực tế tại Việt Nam, nhiều TSBĐ và vật thế chấp còn gắn liền với đời sống dân sinh, nếu không có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, việc TCTD tiến

¹⁴ Điều 299 Bộ luật dân sự quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm bao gồm: (i) Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; (ii) Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật; (iii) Trường hợp khác do các bên thỏa thuận hoặc luật có quy định

hành thu giữ trực tiếp có thể gây nên hệ lụy nghiêm trọng, đặc biệt khi xảy ra mâu thuẫn giữa bên bảo đảm và người đồng sở hữu hoặc cư trú thực tế. Điều này không chỉ phát sinh xung đột xã hội còn tiềm ẩn khả năng vi phạm quyền lợi của các bên liên quan vốn không có tiếng nói trong hợp đồng bảo đảm ban đầu. Các cơ quan thi hành án hiện hành vẫn đang đảm nhiệm vai trò trung gian, bảo đảm tính khách quan và hài hòa trong quá trình cưỡng chế tài sản, việc trao quyền thu giữ cho bên nhận bảo đảm là bên có lợi ích trực tiếp trong giao dịch có thể làm mất đi yếu tố công bằng và nghiêng cán cân giữa quyền lực tài chính và quyền lực dân sự. Vì vậy, đề nghị cân nhắc, bổ sung cơ chế giám sát độc lập hoặc bắt buộc có sự tham gia của cơ quan tư pháp nhằm tránh lạm dụng quyền thu giữ và bảo đảm quyền hợp pháp của người dân, đặc biệt trong các trường hợp TSBĐ có yếu tố cư trú, sinh kế hoặc tranh chấp (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị bổ sung điều kiện bảo vệ cư dân sinh sống hợp pháp trong trường hợp tài sản đảm bảo là nhà ở, tránh bị thu giữ đột ngột gây ảnh hưởng đến quyền có nơi ở của công dân và ổn định xã hội (01 ý kiến); thiếu cơ chế giám sát khi thu giữ. Đề nghị bắt buộc có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và cơ quan tư pháp trong các trường hợp thu giữ tài sản có yếu tố tranh chấp (01 ý kiến).

Việc cho phép các tổ chức tín dụng tự thu giữ tài sản đảm bảo mà không có quyết định của tòa án trong một số trường hợp có thể xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được quy định tại Điều 32 và Điều 53 của Hiến pháp cũng như nguyên tắc tôn trọng quyền tài sản trong Bộ luật Dân sự (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Về nguy cơ tiềm ẩn vi phạm quyền lợi của các bên

Để tránh các nguy cơ tiềm ẩn vi phạm quyền lợi của các bên, dự thảo Luật đã được thiết kế theo hướng công khai, minh bạch, cân bằng quyền và lợi ích giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm.

Theo đó, đối với bên bảo đảm, do việc không thực hiện nghĩa vụ dẫn đến hệ quả pháp lý là xử lý TSBĐ nên dự thảo Luật yêu cầu các bên phải có sự thỏa thuận của bên bảo đảm về việc đồng ý cho bên nhận bảo đảm thu giữ TSBĐ. Điều này thể hiện ý chí của bên bảo đảm về các hệ quả có thể xảy ra đối với quyền tài sản của mình.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng quy định việc bên thu giữ TSBĐ thực hiện công khai thông tin về thu giữ TSBĐ. Quy định này nhằm bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của bên bảo đảm cũng như bên thứ ba về việc thu giữ TSBĐ.

theo thỏa thuận đã được bên bảo đảm đồng ý trước đó. Quy định này cũng đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 25 Hiến pháp 2013 về quyền tiếp cận thông tin.

Đối với bên nhận bảo đảm, để được thu giữ TSBĐ, bên nhận bảo đảm phải thực hiện các trình tự, thủ tục nhất định, trong đó bao gồm công khai thông tin về thu giữ TSBĐ như đã đề cập ở trên. Đồng thời, để tránh việc lạm quyền, khoản 6, 7 Điều 198a dự thảo Luật cũng quy định bên thu giữ TSBĐ không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội và phải xây dựng, ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm quy định tại khoản 6 Điều này.

Như vậy, Chính phủ nhận thấy dự thảo Luật đã có cơ chế để kiểm soát việc tiến hành thu giữ TSBĐ, đảm bảo công khai, minh bạch.

(ii) Về quyền sở hữu hợp pháp của công dân được quy định tại Điều 32 và Điều 53 của Hiến pháp:

- Về Điều 32 Hiến pháp, dự thảo Luật đã quy định rõ về quyền thu giữ TSBĐ tại Điều 198a dự thảo Luật không phải là thu giữ vô điều kiện, thu giữ đơn phương mà được thực hiện theo quy trình, thủ tục chặt chẽ, trong đó yêu cầu việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật Dân sự 2015 cũng như tăng cường trách nhiệm tuân thủ, thực thi hợp đồng của các bên có liên quan.

- Điều 53 Hiến pháp quy định: “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. Theo đó, Điều 53 Hiến pháp không quy định về sở hữu của công dân.

(iii) Ngoài ra, các quy định tại dự thảo Luật cũng như quy chế nội bộ mà bên thu giữ TSBĐ phải xây dựng và ban hành theo quy định tại khoản 7 Điều 198a là cơ sở để cơ quan quản lý thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động thu giữ TSBĐ. Bên cạnh đó, dự thảo Luật không hạn chế quyền của các bên có liên quan trong việc khởi kiện ra tòa khi có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thu giữ TSBĐ.

(iv) Về đề xuất phải có cơ quan tư pháp tham gia với vai trò giám sát:

Khoản 1 Điều 102 Hiến pháp quy định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

Khoản 1 Điều 3 Luật Tổ chức tòa án nhân dân quy định “Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp bao gồm quyền xét xử, quyết định về tranh chấp, vi phạm pháp luật, về những vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; ...” không quy định chức năng giám sát.

Do vậy, việc yêu cầu cơ quan tư pháp – tòa án nhân dân – tham gia với vai trò giám sát việc thực hiện quyền thu giữ TSBĐ là không phù hợp với các quy định nêu trên. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an cấp xã trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn khi TCTD thực hiện quyền thu giữ TSBĐ.

3.6. Có ý kiến đề nghị cần có quy định về biện pháp xử lý khi bên thu giữ và người giữ TSBĐ không giao TSBĐ cho các TCTD (01 ý kiến).

Đề nghị bổ sung quy định rõ hơn đối với cơ chế về cưỡng chế hành chính trong trường hợp bên bảo đảm cố tình cản trở, không hợp tác. Khoản 5 Điều 198a dự thảo mới dừng lại ở nghĩa vụ hỗ trợ an ninh, trật tự của chính quyền địa phương, chưa đủ căn cứ pháp lý để tổ chức thực hiện yêu cầu cưỡng chế hành chính trong những trường hợp chống đối có tổ chức. Việc bổ sung này nhằm rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí và đảm bảo hiệu quả, hiệu lực thi hành quyền của các bên. (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị có cơ chế bảo đảm hài hòa lợi ích giữa TCTD và bên bảo đảm, người đang giữ TSBĐ. Trường hợp hợp đồng giữa bên bảo đảm và người đang giữ TSBĐ hình thành trước hợp đồng với TCTD và đã có đăng ký phù hợp thì lỗi thuộc về TCTD do không kiểm tra, xác minh thông tin của TSBĐ trước khi ký hợp đồng cho vay; trong trường hợp này cần có thỏa thuận thống nhất giữa các bên khi TCTD thu giữ TSBĐ cho khoản nợ xấu. Trường hợp hợp đồng giữa bên bảo đảm và người đang giữ TSBĐ có đăng ký phù hợp nhưng được hình thành sau hợp đồng ký kết với TCTD, trường hợp không đăng ký hoặc trường hợp đăng ký không phù hợp thì TCTD được quyền thu giữ TSBĐ cho khoản nợ xấu theo quy định của Luật này do trong trường hợp này lỗi thuộc về bên bảo đảm, người đang giữ TSBĐ (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ xin báo cáo thêm như sau:

(i) Khoản 1 Điều 198a dự thảo Luật đã quy định: “Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ *được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này*”.

Ngoài ra, khoản 5 Điều 198a quy định “Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm”.

Như vậy, trường hợp bên thu giữ TSBĐ đã đáp ứng các điều kiện, trình tự, thủ tục về thu giữ TSBĐ nhưng bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ không hợp tác, bên thu giữ TSBĐ vẫn có thể tiến hành thu giữ TSBĐ với sự chứng kiến chứng kiến và ký biên bản thu giữ TSBĐ của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm mà không cần có các biện pháp cưỡng chế hành chính do chủ thể tiến hành thu giữ TSBĐ không phải là cơ quan quản lý nhà nước.

(ii) Điều 198a quy định quyền thu giữ TSBĐ ngoài tòa. Trong khi đó, việc xác định lỗi phải do cơ quan tư pháp tiến hành. Do vậy, trường hợp các bên tiến hành thu giữ TSBĐ theo quy định tại Điều 198a nhưng không hiệu quả, các bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 301 Bộ Luật Dân sự và pháp luật về tố tụng.

(iii) Ngoài ra, liên quan đến mối quan hệ giữa các bên tham gia hợp đồng bảo đảm với bên thứ ba, Chính phủ xin báo cáo, giải trình thêm như sau:

- Điểm b khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật quy định một trong những điều kiện để có thể tiến hành thu giữ TSBĐ là “Hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật”.

Trong quan hệ tín dụng, khi bên đi vay có nhu cầu, bên cho vay đã đưa một khoản tiền cho bên đi vay sử dụng; và bên đi vay đã cam kết hoàn trả lại khoản tiền đó đúng thời hạn đã thỏa thuận. Để bảo đảm cho việc thực hiện cam kết đó, bên đi vay hoặc bên thứ ba dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay và ký thỏa thuận tự nguyện đồng ý cho bên cho vay xử lý TSBĐ nếu không trả được nợ, bao gồm việc đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định pháp luật. Như vậy, việc thu giữ TSBĐ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện đã có giữa bên đi vay và bên cho vay.

Trường hợp trong hợp đồng đã có thỏa thuận thì việc thực hiện thu giữ chính là việc tôn trọng và tuân thủ quy định của hợp đồng, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các bên đã giao kết trước đó và cũng nhằm tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội, đảm bảo thực thi hợp đồng như tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 68-NQ/TW.

Trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận về thu giữ thì TCTD không được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật Dân sự 2015. Như vậy, quy định điều kiện này đã đảm bảo cân bằng quyền lợi của các bên, tôn trọng quyền tự do thỏa thuận cũng như trách nhiệm thực thi hợp đồng của các bên liên quan.

- Trường hợp bên thứ ba cùng là bên nhận bảo đảm, Điều 296 Bộ Luật Dân sự đã quy định tương đối đầy đủ việc một tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ. Theo đó, một tài sản có thể được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ, nếu có giá trị tại thời điểm xác lập giao dịch bảo đảm lớn hơn tổng giá trị các nghĩa vụ được bảo đảm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trường hợp phải xử lý tài sản để thực hiện một nghĩa vụ đến hạn thì các nghĩa vụ khác tuy chưa đến hạn đều được coi là đến hạn và tất cả các bên cùng nhận bảo đảm đều được tham gia xử lý tài sản. Bên nhận bảo đảm đã thông báo về việc xử lý tài sản có trách nhiệm xử lý tài sản, nếu các bên cùng nhận bảo đảm không có thỏa thuận khác. Trường hợp các bên muốn tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ chưa đến hạn thì có thể thỏa thuận về việc bên bảo đảm dùng tài sản khác để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ chưa đến hạn.

Việc thanh toán số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp và thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận TSBĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 307, 308 Bộ Luật Dân sự và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

- Trường hợp bên thứ ba không phải là bên cùng nhận bảo đảm nhưng có giao dịch dân sự hợp pháp, ngay tình với bên bảo đảm, việc quy định như tại dự thảo Luật không đồng nghĩa với việc các quyền dân sự hợp pháp của bên thứ ba đối với TSBĐ đương nhiên bị chấm dứt. Việc xử lý các giao dịch dân sự, trong đó có các giao dịch với các bên liên quan đến quyền sử dụng đất, bất động sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và thỏa thuận của các bên có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

3.7. Có ý kiến đề nghị cần nhắc thiết lập cơ chế khiếu nại, phản hồi khẩn cấp trong trường hợp có tranh chấp hoặc có dấu hiệu cưỡng chế trái pháp luật (01 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật chưa quy định rõ cơ chế bảo vệ quyền lợi của bên đảm bảo khi có khiếu nại hoặc tranh chấp phát sinh, chưa quy định rõ khả năng tạm hủy việc thu giữ trong trường hợp có dấu hiệu sai phạm hoặc có tranh chấp về quyền sở hữu tài sản (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật không hạn chế quyền khiếu nại của các bên khi thu giữ, đặc biệt là quyền khiếu nại của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm khi có dấu hiệu cưỡng chế trái pháp luật. Bên bị vi phạm có quyền khiếu nại theo quy định pháp luật hiện hành.

3.8. Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung các cơ chế pháp lý liên quan đến trách nhiệm của các bên trong xử lý TSBĐ; làm rõ hơn phạm vi thực hiện quyền thu giữ, biện pháp thu giữ TSBĐ của TCTD, vai trò của cơ quan nhà nước trong quá trình thu giữ, việc đảm bảo tính nhân văn và tránh lạm dụng quyền thu giữ gây tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người đi vay; cơ chế công khai, minh bạch, nhất là trình tự, thủ tục, biện pháp thu giữ TSBĐ để không vi phạm các quyền hợp pháp của cá nhân; cơ chế kiểm tra, giám sát của NHNN, vai trò can thiệp sớm để phát hiện các TCTD có dấu hiệu mất an toàn (04 ý kiến).

Trên thực tế, có những tình huống rõ ràng là những tổ chức tài chính khi thu giữ tài sản đảm bảo vẫn còn lạm quyền, gây những bất ổn trật tự nhất định. Do vậy, cần quy định cụ thể về sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan công an cấp xã (01 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

(i) Trách nhiệm của các bên trong quá trình thu giữ:

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì đã rà soát và nhận thấy, dự thảo Luật đã quy định quyền, nghĩa vụ của các bên, đặc biệt TCTD chỉ được thu giữ khi có các điều kiện quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật. Việc thu giữ chỉ được thực hiện sau khi TCTD đã thực hiện trách nhiệm công khai thông tin theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật. Khi thực hiện thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội (khoản 6 Điều 198a dự thảo Luật).

(ii) Vai trò của cơ quan nhà nước, cụ thể là vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an cấp xã:

Dự thảo Luật quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 198a, theo đó, UBND cấp xã và cơ quan công an cấp xã có trách nhiệm trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.

Vai trò của các cơ quan này chỉ dừng lại ở việc xác nhận tình trạng thực tế và đảm bảo an ninh trật tự xã hội khi TCTD thực hiện biện pháp thu giữ, cũng như để ngăn ngừa việc TCTD lạm dụng quyền khi thu giữ, đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan.

Việc quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an cấp xã khi thu giữ tài sản bảo đảm sẽ tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân tại địa điểm thu giữ nói chung.

(iii) Cơ chế công khai, minh bạch hóa

Dự thảo Luật đã quy định đầy đủ về điều kiện thu giữ, trình tự, thủ tục công khai thông tin thu giữ TSBĐ cũng như vai trò của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thu giữ. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

Thứ hai, quy định về thu giữ TSBĐ không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan.

Thứ ba, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của TCTD bán nợ; TCTD được chuyển giao bắt buộc được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho TCTD nhận chuyển giao bắt buộc hoặc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc. Đồng thời, TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm.

Đồng thời, quy định về yêu cầu công khai thông tin tại dự thảo Luật chỉ yêu cầu công khai thông tin về TSBĐ mà không có nội dung công khai về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của bên bảo đảm, đảm bảo các quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình,... của bên bảo đảm không bị vi phạm.

(ii) Về cơ chế kiểm tra, giám sát của NHNN

Khoản 7 Điều 198a dự thảo Luật đã có quy định về trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng quy định nội bộ về thực hiện thu giữ TSBĐ, bao gồm việc thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản 6 Điều 198a dự thảo Luật.

Việc các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện quy định của pháp luật và quy định nội bộ cũng là cơ sở để NHNN thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát. Ngoài ra, việc thực hiện thu giữ TSBĐ nói riêng, cũng như việc thực hiện các hoạt động của TCTD là đối tượng chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của NHNN theo quy định tại Chương V Luật Ngân hàng Nhà nước, Thông tư số 17/2023/TT-NHNN và các văn bản liên quan.

** Về điều kiện để TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu:*

3.8.1. Một số ý kiến đề nghị làm rõ hơn điều kiện thực hiện quyền thu giữ TSBĐ (03 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị có hướng dẫn cụ thể về các trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự (01 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng khi hợp đồng/thỏa thuận được đại diện hợp pháp của các bên ký kết thì có cơ sở xác định các bên đã đồng thuận, thống nhất và đồng ý với tất cả các nội dung ghi trong hợp đồng/thỏa thuận được ký kết, trong đó có nội dung “bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật”. Việc bổ sung cụm từ “bên bảo đảm đồng ý cho” là không cần thiết và gây khó khăn trong thi hành Luật đối với những trường hợp hợp đồng/thỏa thuận thiếu cụm từ này (thực tế quá trình thi hành Nghị quyết số 42 đã gặp vướng mắc liên quan nội dung này). Do đó, đề nghị xem xét bỏ nội dung “bên bảo đảm đồng ý cho” tại điểm b khoản 2 Điều 198a (02 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Điều 198a dự thảo Luật đã quy định đầy đủ về điều kiện thu giữ, trình tự, thủ tục công khai thông tin thu giữ TSBĐ trên cơ sở kế thừa quy định đã được thực hiện có hiệu quả trong gần 07 năm thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14. Bên cạnh đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng tác động (các TCTD, Công ty Quản lý tài sản Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng,...), cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung một số hạn chế của Nghị quyết số 42/2017/QH14 để hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục để thu giữ TSBĐ, đảm bảo tính khả thi trong thực hiện. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

Thứ hai, quy định về thu giữ TSBĐ không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan.

Thứ ba, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của TCTD bán nợ; TCTD được chuyển giao bắt buộc được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho TCTD nhận chuyển giao bắt buộc hoặc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc. Đồng thời, TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ.

(ii) Điều 299 Bộ luật Dân sự đã quy định các trường hợp xử lý TSBĐ:

“1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

2. Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật.

3. Trường hợp khác do các bên thỏa thuận hoặc luật có quy định.”

Quy định trên về cơ bản rõ ràng, đầy đủ và không cần hướng dẫn thêm. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan theo dõi tình hình thực hiện quy định tại Điều 299 Bộ Luật Dân sự và sẽ hướng dẫn thêm nếu thực tế phát sinh vướng mắc.

(iii) Theo quy định tại khoản 2 Điều 398 Bộ luật Dân sự, nội dung của hợp đồng có thể có các nội dung, bao gồm quyền, nghĩa vụ của các bên; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và phương thức giải quyết tranh chấp... Đối với bên bảo đảm, do việc không thực hiện nghĩa vụ dẫn đến hệ quả pháp lý là xử lý TSBĐ nên dự thảo Luật yêu cầu các bên phải có sự thỏa thuận rõ ràng, thể hiện sự tự nguyện, ý chí của bên bảo đảm về việc đồng ý cho bên nhận bảo đảm thu giữ TSBĐ. Vì vậy, quy định về việc bên bảo đảm thể hiện sự đồng ý tại hợp đồng bảo đảm về việc *bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật* là cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu TSBĐ.

Do vậy, Chính phủ xin giữ nguyên quy định tại dự thảo Luật. .

3.8.2. *Có ý kiến đề nghị làm rõ điều kiện “TSBĐ không đang bị tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định pháp luật, không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định pháp luật” để quá trình thực hiện được thuận lợi (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị nghiên cứu và cân nhắc giữ lại các quy định liên quan đến trường hợp có tranh chấp phát sinh trong quá trình xử lý TSBĐ (01 ý kiến).*

Có ý kiến đề nghị đối với trường hợp đã thế chấp tài sản tại TCTD thì phải ưu tiên TCTD xử lý TSBĐ theo hợp đồng bảo đảm đã ký (01 ý kiến). Một số ý kiến đề nghị bổ sung nội dung “Trường hợp TSBĐ của khoản nợ xấu là tài sản của bên thứ ba mà bên được bảo đảm là doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và đang trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ TSBĐ đó và xử lý theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong quá trình giải quyết phá sản theo quy định của pháp luật”. Nội dung này đã được quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, TSBĐ của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân có hiệu lực từ ngày 01/7/2018 (hiện hết hiệu lực) nhằm hướng dẫn chi tiết để tháo gỡ vướng

mắc cho bên nhận bảo đảm khi áp dụng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 42 (02 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

(i) Khi tổng kết thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14, theo báo cáo của các TCTD, khách hàng có thể tạo ra tranh chấp và đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án như một hình thức để tránh việc bị thu giữ. Tình trạng này diễn ra khá phổ biến đối với TSBĐ là bất động sản hoặc đối với động sản có quan hệ giữa chủ tài sản và người có quyền hưởng dụng phát sinh trên cơ sở hợp đồng thuê, mượn tài sản... Ngoài ra, các TCTD gặp khó khăn nếu chỉ quy định TSBĐ đang không bị tranh chấp do khó có khả năng để xác định tài sản đang tranh chấp; đặc biệt đối với động sản.

(ii) Ngoài ra, trong quá trình thực hiện thí điểm Nghị quyết số 42/2017/QH14, các TCTD gặp khó khăn trong việc tra cứu thông tin liên quan đến tình trạng pháp lý của TSBĐ để có thể xác định “TSBĐ không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền”. Điều này dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện để đảm bảo tuân thủ điều kiện này.

Do vậy, trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 68-NQ/TW về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo môi trường kinh doanh để tuân thủ, NHNN đề xuất điều chỉnh điều kiện để thu giữ TSBĐ là “Tài sản bảo đảm không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản” nhằm khắc phục các vướng mắc trên thực tế.

(iii) Liên quan đến việc một tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ, khoản 1 Điều 296 Bộ Luật Dân sự quy định: “Một tài sản có thể được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ, nếu có giá trị tại thời điểm xác lập giao dịch bảo đảm lớn hơn tổng giá trị các nghĩa vụ được bảo đảm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Về thứ tự ưu tiên thanh toán, Điều 308 Bộ Luật Dân sự quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận TSBĐ. Dự thảo Luật chỉ quy định về quyền thu giữ TSBĐ. Các vấn đề khác như xử lý TSBĐ, thanh toán số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp, thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận TSBĐ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật dân sự.

(iv) Chính phủ nhất trí ý kiến của đại biểu Quốc hội về việc phải ưu tiên xử lý cho ngân hàng. Tuy nhiên, trường hợp chỉ cho phép thu giữ TSBĐ khi bên bảo đảm có thỏa thuận rõ ràng trong hợp đồng, tài sản không bị tranh chấp và

đang trong diện hợp pháp thu giữ thì sẽ không phù hợp, có thể là lý do để bên có nghĩa vụ trốn tránh việc bị thu giữ trong khi họ là bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng với bên cho vay. Ngoài ra, bên bảo đảm đã được thông tin về việc thu giữ theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 198a dự thảo Luật. Đồng thời, dự thảo Luật không hạn chế quyền khiếu nại của bên bảo đảm.

(v) Liên quan đến vấn đề xử lý TSBĐ khi bên bảo đảm được mở thủ tục phá sản. Về bản chất, dự thảo Luật đã được thiết kế theo hướng tương tự hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại Điều 8 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Theo đó, trường hợp Tòa án nhân dân thụ lý vụ việc phá sản đối với chủ sở hữu TSBĐ – bên bảo đảm, việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với các chủ nợ có bảo đảm bị tạm đình chỉ. Do vậy, bên nhận bảo đảm không được tiến hành thu giữ TSBĐ khi TSBĐ là đối tượng của việc tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản. Quy định này đã được thể hiện tại điểm c khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật.

3.8.3. Một số ý kiến đề nghị bổ sung hướng xử lý đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không có thỏa thuận thu giữ TSBĐ (02 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định về quyền thu giữ TSBĐ nên áp dụng cho các hợp đồng ký sau khi Luật có hiệu lực hoặc cần bổ sung điều khoản chuyển tiếp (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị nếu bên bảo đảm đã vi phạm nghĩa vụ nghiêm trọng, tài sản có đăng ký biện pháp bảo đảm hợp pháp thì TCTD sẽ tiến hành thu giữ theo thủ tục công khai tương tự như trường hợp hợp đồng có thỏa thuận về quyền thu giữ TSBĐ theo quy định của dự thảo Luật này (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị làm rõ điều kiện về thỏa thuận theo “văn bản khác”; đề nghị Thống đốc NHNN quy định cụ thể, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Đối với trường hợp hợp đồng tín dụng đã ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không có thỏa thuận thu giữ TSBĐ

Điểm b khoản 2 Điều 198a quy định một trong những điều kiện để có thể tiến hành thu giữ TSBĐ là “Hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật”.

Ngoài ra, khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự quy định “3. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.”.

Do vậy, các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu tại văn bản/thỏa thuận khác cũng có giá trị tương đương như hợp đồng bảo đảm. Nội dung này về cơ bản đã được quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2017/QH14. Quy định này phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự.

(ii) Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ bỏ cụm từ “hoặc văn bản khác” quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 198a. Lý do:

Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ Luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định: “...Hợp đồng bảo đảm có thể là sự thỏa thuận giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm hoặc thỏa thuận giữa bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm và người có nghĩa vụ được bảo đảm. Hợp đồng bảo đảm có thể được thể hiện bằng hợp đồng riêng hoặc là điều khoản về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hình thức giao dịch dân sự khác phù hợp với quy định của pháp luật”.

Về bản chất, hợp đồng bảo đảm quy định tại dự thảo Luật phải phù hợp với quy định của Bộ Luật Dân sự và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (bao gồm quy định tại Nghị định số 21/2021/NĐ-CP nêu trên).

Do vậy, khái niệm về “hợp đồng bảo đảm” nêu trên đã bao quát được trường hợp các TCTD nêu về việc thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu có thể được thể hiện tại hợp đồng bảo đảm hoặc tại văn bản khác.

(iii) Đối với ý kiến bên bảo đảm đã vi phạm nghĩa vụ nghiêm trọng, tài sản có đăng ký biện pháp bảo đảm hợp pháp đủ điều kiện quy định về nợ xấu, TCTD chỉ được tiến hành thu giữ khi đáp ứng đầy đủ các quy định, trình tự, thủ tục theo quy định của dự thảo Luật này.

** Về công khai thông tin thu giữ TSBĐ:*

3.8.4. Có ý kiến đề nghị bổ sung đối tượng “người đang giữ TSBĐ” vào các quy định về trách nhiệm công khai thông tin tại điểm a khoản 3 Điều 198a (01 ý kiến).

Cơ quan chủ trì đã rà soát dự thảo Luật và nhận thấy quy định tại điểm c khoản 3 Điều 198a đã có quy định đối tượng là người đang giữ tài sản.

3.8.5. Có ý kiến đề nghị để tránh xảy ra kiện tụng, gây phức tạp trong việc thu giữ TSBĐ, cần nghiên cứu đối với tài sản thuộc sở hữu của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn cho phép kéo dài thời gian thông báo đến 30 ngày (dự thảo Luật quy định thời gian thông báo là 15 ngày) và phải dịch sang tiếng dân tộc (nếu có thể). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích nội dung thông báo cho người đồng bào dân tộc thiểu số biết (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Các quy định tại dự thảo Luật được áp dụng chung cho các khách hàng là tổ chức, cá nhân mà không có sự phân biệt vùng, miền để đảm bảo phù hợp với nguyên tắc đã được ghi nhận tại khoản 1 Điều 3 Bộ luật Dân sự, theo đó, “mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản”.

Dự thảo Luật chỉ quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc đảm bảo an ninh, trật tự cũng như sự minh bạch, công khai trong quá trình thu giữ, phù hợp với phạm vi trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật có liên quan.

Việc dịch ra tiếng dân tộc sẽ phụ thuộc vào khả năng đáp ứng của chính quyền địa phương cũng như cán bộ thực hiện thu giữ TSBĐ tại địa bàn mà không nên quy định tại dự thảo Luật.

3.8.6. Có ý kiến đề nghị giao cho Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo thêm như sau:

Điều 198a dự thảo Luật đã quy định đầy đủ, rõ ràng, cụ thể về điều kiện thu giữ, trình tự, thủ tục công khai thông tin thu giữ TSBĐ trên cơ sở kế thừa quy định đã được thực hiện có hiệu quả trong gần 07 năm thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14. Các nội dung quy định này của Nghị quyết số 42/2017/QH14 được thực hiện mà không cần Chính phủ quy định chi tiết.

Bên cạnh đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng tác động (các TCTD, Công ty Quản lý tài sản Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng,...), cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung các quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 để khắc phục những hạn chế trong quá trình thí điểm và đảm bảo hơn tính khả thi của quy định này.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo cơ quan chủ trì tiếp tục rà soát. Trường hợp cần thiết, NHNN sẽ ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.8.7. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung đối tượng “bên cùng nhận bảo đảm” vào điểm c khoản 3 Điều 198a (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Trên thực tiễn, không phải trường hợp nào TCTD cũng biết về việc có bên khác cùng nhận bảo đảm. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật cũng là cơ sở để các bên cùng nhận bảo đảm (nếu có) thông tin với bên thu giữ TSBĐ về việc nhận bảo đảm của mình để thực hiện việc xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật dân sự. Do vậy, việc quy định đối tượng là “bên cùng nhận bảo đảm” tại dự thảo Luật là không khả thi. Tuy nhiên, khi xử lý TSBĐ, bên nhận bảo đảm phải tuân thủ quy định pháp luật về quyền lợi của bên cùng nhận bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật dân sự.

3.8.8. Có ý kiến đề nghị xem xét, sửa đổi nội dung tại khoản 3 Điều 198a về công khai thông tin trước khi thực hiện thu giữ TSBĐ là bất động sản như sau: “Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, thực hiện công khai về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai phải được thực hiện như sau: a) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; b) Thông báo cho bên bảo đảm, bên được bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm nếu có; c) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thực hiện đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về việc thu giữ tài sản bảo đảm, phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm” (01 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng sau khi tiến hành sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, UBND cấp xã càng đóng vai trò quan trọng hơn, vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung thẩm quyền của UBND cấp xã trong việc niêm yết thông báo về việc công khai thông tin thu giữ TSBĐ tại điểm b khoản 3 Điều 198a. Quy định như vậy sẽ góp phần tăng cường trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc phối hợp thu giữ TSBĐ cũng như giúp cho người dân, tổ chức liên quan (nếu có) nắm được thông tin về việc thu giữ tài sản, hạn chế trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến

TSBĐ. Nội dung này cũng đã được quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 42 (01 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng cách thể hiện tại khoản 3 Điều 198a chưa làm rõ TCTD bắt buộc phải thực hiện tất cả các hình thức công khai hay được lựa chọn một trong số các hình thức đó.

Ngoài ra, từ thực tiễn xử lý TSBĐ và thu hồi nợ, đối với hình thức “đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình”, có thể xảy ra vướng mắc hoặc tiềm ẩn rủi ro tranh chấp về bảo vệ thông tin cá nhân. Trường hợp tài sản của cá nhân có thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng phải bảo đảm quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, hoặc tổ chức sở hữu tài sản không đồng ý việc công khai thông tin của tổ chức thì thực hiện theo dự thảo Luật sẽ vi phạm nguyên tắc thỏa thuận dân sự trong hợp đồng. Ngoài ra, việc đăng tải thông tin này có thể là không cần thiết nếu TCTD đã hoàn tất việc thông báo tới cơ quan chức năng và các bên liên quan. Do đó, đề nghị xem xét quy định nêu trên nhằm bảo đảm tính phù hợp, thống nhất với quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tránh xảy ra xung đột, khiếu nại, khiếu kiện trong quá trình tổ chức thực hiện (01 ý kiến).

Chính phủ tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và xin báo cáo thêm như sau:

(i) Cơ quan chủ trì đã rà soát lại và nhận thấy dự thảo Luật cơ bản đã được thiết kế theo trình tự như ý kiến của đại biểu Quốc hội. Tuy nhiên, về phương thức công khai thông tin, dự thảo Luật quy định bên thu giữ TSBĐ phải thực hiện đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình (không phải là quyền mà là trách nhiệm) để minh bạch hóa thông tin không chỉ đối với bên bảo đảm, bên đang giữ TSBĐ mà còn đối với các bên cùng nhận bảo đảm khác (nếu có). Tuy nhiên, việc công khai thông tin chỉ bao gồm công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ để bảo vệ các bí mật cá nhân của khách hàng vay/bên bảo đảm, bên đang giữ TSBĐ.

(ii) Dự thảo Luật bỏ quy định hình thức “Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm” do việc niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân phải do Ủy ban nhân dân thực hiện, TCTD không thể đến yêu cầu niêm yết văn bản thông báo tại Ủy ban nhân dân. Đồng thời, khoản 2 Điều 13 Luật Dân chủ cơ sở chỉ quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết các thông tin liên quan đến hoạt động của địa

phương. Việc công khai thông tin cũng đã được thực hiện bằng nhiều hình thức khác. Do đó, Chính phủ xin giữ nguyên quy định tại dự thảo Luật.

(iii) Liên quan đến các hình thức công khai thông tin, khoản 3, 4 Điều 198a quy định “Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây:...”. Điều này đồng nghĩa với việc bên thu giữ TSBĐ phải thực hiện cả 3 hình thức “Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; c) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có)”.

(iv) Liên quan đến quan ngại về việc ảnh hưởng đến quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, khoản 3, 4 Điều 198a chỉ quy định việc công khai thông tin về về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ, không bao gồm thông tin định danh cá nhân, do vậy, không có nội dung vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Tuy nhiên, để đảm bảo việc thu giữ TSBĐ được thực hiện một cách công khai, minh bạch và đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của bên bảo đảm, bên đang giữ TSBĐ (nếu có), dự thảo Luật quy định các hình thức công khai thông tin mà bên thu giữ TSBĐ phải thực hiện để cân bằng giữa trách nhiệm và quyền lợi của mình cũng như để bảo vệ quyền lợi của bên bảo đảm, bên đang giữ TSBĐ (nếu có) một cách hợp lý.

3.8.9. Có ý kiến đề nghị bổ sung hình thức thông báo bằng gửi thư bảo đảm, kể cả trường hợp thay đổi địa chỉ, nhiều nơi ở khu vực nông thôn, miền núi, người dân không có thói quen hoặc không được tiếp cận thuận lợi với công nghệ thông tin, việc bổ sung hình thức này sẽ khắc phục được các lý do khách quan mà thông tin công khai không đến được với bên bảo đảm (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Điểm c khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật đã quy định về phương thức thông báo thực hiện theo thỏa thuận; trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) cung cấp. Như vậy, quyền tiếp cận thông tin của bên bảo đảm được tôn trọng và bảo vệ theo đúng thỏa thuận của các bên.

3.8.10. Có ý kiến đề nghị bổ sung vào khoản 4 Điều 198a khoảng thời gian nhất định trước khi các TCTD tiến hành thu giữ TSBĐ (hiện đối với bất

động sản thì có thời hạn để thông báo nhưng đối với động sản lại không có thời hạn) (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung khoản 4 Điều 198a theo hướng làm rõ: (1) Nội dung thông tin nào phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử. Dự thảo Luật chưa quy định cụ thể nội dung thông tin thu giữ TSBĐ cần được thực hiện công khai và đăng tải trên trang thông tin điện tử, có thể dẫn đến trường hợp mỗi TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin thu giữ TSBĐ khác nhau, không bảo đảm thống nhất (02 ý kiến), (2) Thời điểm đăng tải thông tin trước bao nhiêu ngày so với ngày tiến hành thu giữ và thời hạn tối thiểu thực hiện đăng tải thông tin (việc chưa có quy định thời hạn tối thiểu thực hiện việc đăng tải thông tin và gửi thông báo, dễ khiến các TCTD thực hiện thông báo quá sát với ngày thu giữ, không bảo đảm được quyền tiếp cận thông tin kịp thời của các bên liên quan, tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp và khiếu kiện) (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Đối với trường hợp TSBĐ là động sản, cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy việc quy định thời hạn thông báo là không khả thi vì tính chất “động”, tài sản rất dễ bị di dời của động sản,... Thời điểm thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin do bên thu giữ TSBĐ chủ động, đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều kiện, trình tự, thủ tục trước khi tiến hành thu giữ TSBĐ.

(ii) Về nội dung công khai thông tin thu giữ động sản, cơ quan chủ trì tiếp thu theo hướng bổ sung thông tin công khai khi thu giữ động sản bao gồm tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ.

(iii) Về thời hạn công khai thông tin, khoản 3 Điều 198a quy định “Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ”. Tuy nhiên, như đã giải trình ở trên, đối với trường hợp TSBĐ là động sản, dự thảo Luật không quy định thời hạn cụ thể thực hiện công khai thông tin trước khi tiến hành thu giữ để tránh trường hợp bên bảo đảm có nhiều thời gian để tẩu tán TSBĐ.

* Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã và cơ quan Công an cấp xã:

3.8.11. Có ý kiến đề nghị xem xét tính khả thi trong việc giao trách nhiệm cho UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã tham gia quá trình thu giữ TSBĐ. Trên thực tế, các cơ quan này không có chức năng, thẩm quyền, không được tiếp cận thông tin pháp lý liên quan đến hợp đồng bảo đảm các khoản nợ xấu hay quyền sở hữu tài sản thu giữ. Vì vậy trong quá trình thực thi, UBND cấp xã và

cơ quan Công an cấp xã có cần tiến hành xác minh tài sản bị thu giữ thực sự là TSBĐ cho khoản nợ xấu hay không; họ có đủ cơ sở để xác định chủ sở hữu, hiện trạng pháp lý hay tình trạng tranh chấp liên quan đến tài sản hay không. Nếu không có cơ chế hướng dẫn rõ ràng, việc yêu cầu cán bộ cấp xã chứng kiến và ký biên bản thu giữ có thể dẫn đến nguy cơ bị lạm dụng như một hình thức hợp pháp hóa cho hành vi cưỡng chế từ phía TCTD. Mặt khác, các quy định này đặt ra gánh nặng không nhỏ với nguồn lực và trách nhiệm cho cấp cơ sở vốn dĩ đang bị quá tải trong công việc quản lý hành chính trên địa bàn. Khi đặt UBND xã và cơ quan Công an cấp xã vào vị trí trung gian, một bên là TCTD, một bên là người dân có nguy cơ mất tài sản nhưng không có quyền tài phán và công cụ pháp lý tương xứng, dễ dẫn đến xung đột, khiếu nại, thậm chí phát sinh trách nhiệm ngoài mong muốn cho cán bộ địa phương. Vì vậy, đề nghị cần làm rõ ranh giới trách nhiệm của những cơ quan này, giới hạn vai trò và mức độ bảo đảm an toàn trật tự khu vực theo đúng chức năng quản lý hành chính, tránh trao quyền hoặc buộc phải thực hiện trách nhiệm pháp lý vượt quá phạm vi chuyên môn và thẩm quyền được giao (01 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng khoản 5 Điều 198a chưa phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, vì Luật Tổ chức chính quyền địa phương không giao trách nhiệm này cho cấp xã và cán bộ cấp xã cũng không có thẩm quyền cưỡng chế dân sự. Do vậy, quy định này có thể dẫn đến rủi ro pháp lý trong thực tiễn để thi hành (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật quy định sự tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã trong việc đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình thu giữ TSBĐ, không quy định UBND và Công an cấp xã có trách nhiệm phải xác minh tài sản bảo đảm hay xác minh chủ sở hữu tài sản.

Đối với Công an nhân dân, Điều 3 Luật Công an nhân dân quy định: “Công an nhân dân là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, Điều 23 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, bảo đảm quyền

con người, giải quyết các vấn đề liên quan đến phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Do vậy, vai trò của UBND và Cơ quan Công an cấp xã đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan. Ngoài ra, UBND và Cơ quan Công an cấp xã không thực hiện cưỡng chế dân sự mà chỉ đóng vai trò gìn giữ, bảo đảm an ninh, trật tự khu vực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Việc quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội khi thu giữ tài sản bảo đảm sẽ tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân tại khu vực thu giữ nói chung.

3.8.12. Một số ý kiến đề nghị quy định cụ thể tiêu chí, điều kiện, cách thức để UBND cấp xã, cơ quan Công an cấp xã thực hiện chức năng bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi tiến hành thu giữ TSBĐ (02 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật quy định về việc xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu. Việc tham gia của chính quyền địa phương nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi tiến hành thu giữ TSBĐ.

Do vậy, việc thực hiện bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Công an nhân dân, Luật Chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3.8.13. Có ý kiến cho rằng việc huy động UBND cấp xã, cơ quan Công an cấp xã tham gia trên thực tế rất khó do các cơ quan này không có thông tin về hợp đồng tín dụng; việc xác định biện pháp thu giữ có trái đạo đức xã hội, vi phạm điều cấm hay không cũng rất khó khăn (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

(i) Về việc tham gia của chính quyền địa phương

Vai trò của UBND và Cơ quan Công an cấp xã đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan. Việc quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an khi thu giữ tài sản bảo đảm cũng nhằm tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân tại khu vực thu giữ nói chung. Dự thảo Luật không quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan Công an cấp xã xử lý thông tin liên quan đến hợp đồng tín dụng.

(ii) Về việc xác định “trái đạo đức xã hội, vi phạm điều cấm”

Cụm từ “đạo đức xã hội” đã được quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp. Điều 123 Bộ Luật Dân sự đã giải thích “đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng” do vậy không cần thiết quy định chi tiết về nội dung này tại dự thảo Luật.

3.8.14. Có ý kiến đề nghị làm rõ làm vai trò của UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có TSBĐ trong quá trình thu giữ tài sản, bổ sung cơ chế kiểm soát phù hợp để bảo đảm các TCTD thực hiện đúng quy định và không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người vay, đặc biệt các hoạt động này tác động trực tiếp tới quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức mà không thực hiện thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đồng thời, nghiên cứu, bổ sung giao thẩm quyền cho NHNN quy định TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có cơ chế cung cấp thông tin đầy đủ cho bên bảo đảm về quyền thu giữ TSBĐ trong giao kết hợp đồng cho vay, cũng như xây dựng quy chế, trình tự, thủ tục thu giữ TSBĐ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức mua bán, xử lý nợ, để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân có liên quan (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Về vai trò của UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã

Do việc thực hiện quyền thu giữ TSBĐ có thể ảnh hưởng đến quyền tài sản của bên bảo đảm cũng như có thể ảnh hưởng đến an ninh, trật tự - xã hội khi bên bảo đảm thực hiện thu giữ TSBĐ, dự thảo Luật quy định sự tham gia của UBND cấp xã và Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, *trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình* thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.

Do vậy, vai trò của UBND và Cơ quan Công an cấp xã đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan. Việc quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an khi thu giữ tài sản bảo đảm cũng nhằm tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân tại khu vực thu giữ nói chung.

(ii) Về cơ chế kiểm soát TCTD trong việc thực hiện quyền thu giữ TSBĐ

Thứ nhất, để tránh việc TCTD lạm quyền trong thu giữ TSBĐ, dự thảo Luật đã được thiết kế theo hướng quy định đầy đủ, công khai, minh bạch về điều kiện, trình tự, thủ tục thu giữ TSBĐ. Cụ thể là:

- Việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

- Quy định về thu giữ TSBĐ không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan.

- Để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của TCTD bán nợ; TCTD được chuyển giao bắt buộc được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho TCTD nhận chuyển giao bắt buộc hoặc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc. Đồng thời, TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm.

Thứ hai, NHNN thực hiện chính sách kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của TCTD.

Việc các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện quy định của pháp luật và quy định nội bộ (bao gồm quy chế nội bộ về việc thực hiện quyền thu giữ TSBĐ) cũng là cơ sở để NHNN thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát. Ngoài ra, việc thực hiện thu giữ TSBĐ nói riêng, cũng như việc thực hiện các hoạt động của TCTD là đối tượng chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của NHNN theo quy định tại Chương V Luật Ngân hàng Nhà nước, Thông tư số 17/2023/TT-NHNN và các văn bản liên quan.

(iii) Về cơ chế cung cấp thông tin cho bên bảo đảm về quyền thu giữ TSBĐ trong giao kết hợp đồng cho vay cũng như xây dựng quy chế, trình tự, thủ tục thu giữ TSBĐ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức mua bán, xử lý nợ, để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Khoản 4 Điều 10 Luật Các TCTD 2024 đã quy định trách nhiệm công bố, công khai thông tin của TCTD như sau: “Công bố công khai lãi suất tiền gửi, phí

dịch vụ, quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng”.

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD được ban hành, NHNN sẽ rà soát quy định của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản cấp tín dụng khác để bổ sung trách nhiệm công khai thông tin, giải thích rõ quyền, nghĩa vụ của khách hàng khi tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng.

3.8.15. Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật chưa quy định rõ trách nhiệm pháp lý và hành động cụ thể của chính quyền địa phương, lực lượng công an cấp xã trong trường hợp phát sinh tranh chấp, phản ứng cản trở từ phía bên bảo đảm hoặc người cư trú trong quá trình thu giữ TSBĐ, do đó, đề nghị bổ sung vào Điều 198a một khoản quy định như sau: “Trường hợp trong quá trình thu giữ TSBĐ mà phát sinh tình huống gây mất an ninh trật tự hoặc bị phản ứng từ bên bảo đảm, người cư trú, TCTD có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến UBND và Công an cấp xã nơi có tài sản để phối hợp lập biên bản chứng kiến và bảo đảm việc thu giữ được thực hiện công khai, minh bạch và đúng pháp luật” (01 ý kiến).

Đề nghị quy định thêm trong trường hợp TCTD đánh giá được bên bảo đảm hợp tác thì tiến hành thu giữ, tuy nhiên, nếu đánh giá được bên bảo đảm không hợp tác thì TCTD có thể phối hợp trước với UBND, cơ quan công an để xuống thu giữ nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn sẽ tốt hơn tránh trường hợp việc mất an ninh, trật tự đã xảy ra thì chính quyền xuống mới can thiệp (01 ý kiến).

(i) Về trách nhiệm của cơ quan nhà nước, Chính phủ xin giải trình như sau:

- Điều 3 Luật Công an nhân dân quy định: “Công an nhân dân là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”.

- Điều 23 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp

pháp khác của công dân, bảo đảm quyền con người, giải quyết các vấn đề liên quan đến phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trách nhiệm pháp lý và hành động cụ thể của chính quyền địa phương là (i) bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; và (ii) bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, bảo đảm quyền con người, giải quyết các vấn đề liên quan đến phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn.

(ii) Về đề nghị của đại biểu Quốc hội về bổ sung quy định tại Điều 198a dự thảo Luật, NHNN tiếp thu ý kiến của đại biểu, đã rà soát dự thảo Luật và nhận thấy, khoản 5 Điều 198a đã quy định: "... Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm". Theo đó, dự thảo Luật đã quy định rõ việc UBND cấp xã xử lý khi phát sinh tình huống gây mất an ninh trật tự hoặc bị phản ứng từ bên bảo đảm, người cư trú như ý kiến của đại biểu.

Ngoài ra, khoản 5 Điều 198a quy định: "Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm; Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm".

Như vậy, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm mà không chỉ tham gia khi bên bảo đảm, bên đang giữ TSBĐ không hợp tác.

3.8.16. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định "Trong trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ chứng kiến và ký biên bản thu giữ TSBĐ" do thực tiễn xảy ra tranh chấp khi người đang giữ TSBĐ và người trực tiếp sử dụng tài sản không hợp tác (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung trường hợp bên đang giữ tài sản (nếu có) không hợp tác hoặc không có mặt thì vẫn tiến hành thu giữ TSBĐ theo quy định (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế giám sát khi thu giữ TSBĐ; đề nghị bắt buộc có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và cơ quan tư pháp trong các trường hợp thu giữ TSBĐ có tranh chấp (01 ý kiến). Một số ý kiến cho rằng để đảm bảo sự an toàn, minh bạch, đề nghị bổ sung tại khoản 5 Điều 198a quy định về sự chứng kiến giám sát của đại diện UBND cấp xã trong suốt cả quá trình thực hiện việc thu giữ TSBĐ, không chỉ khi bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì đã rà soát và nhận thấy quy định tại khoản 5 Điều 198a: “Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm..Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm” đã đảm bảo nội dung như ý kiến phát biểu của đại biểu. Việc tham gia của UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã trong suốt cả quá trình thực hiện việc thu giữ TSBĐ được thực hiện phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã theo quy định của pháp luật có liên quan mà không cần thiết phải cụ thể hóa tại dự thảo Luật để tránh tạo ra các xung đột luật.

3.8.17. Có ý kiến cho rằng khoản 4, khoản 5 Điều 198a không có quy định về trách nhiệm kiểm tra, giám sát nội dung thông báo thu giữ tài sản của các cơ quan. Trường hợp thông báo không đúng thực tế và thông báo không đến được với đối tượng hoặc bị lạm dụng để hợp thức hóa hành vi cưỡng chế thì chưa rõ trách nhiệm nếu xảy ra hậu quả (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo như sau:

Về trách nhiệm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, dự thảo Luật đã quy định vai trò của UBND cấp xã, cơ quan công an cấp xã. Trường hợp TCTD không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, vi phạm quyền của bên bảo đảm thì sẽ bị xử lý theo quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân hàng hoặc các trách nhiệm pháp lý khác (nếu có).

Bên cạnh đó, trường hợp bên bảo đảm bị vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp thì bên bảo đảm có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định pháp luật hiện hành.

**Về ủy quyền thu giữ TSBĐ:*

3.8.18. Có ý kiến đề nghị tại khoản 6 Điều 198a bổ sung trách nhiệm quản trị nội bộ trong kiểm soát các thiết chế hoặc cá nhân nhân danh TCTD thực hiện thu giữ TSBĐ và đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm giám sát, giải trình việc thực thi quyền thu giữ TSBĐ để tránh việc lạm dụng và đảm bảo công bằng với bên vay (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì đã rà soát và nhận thấy ý kiến đại biểu Quốc hội về trách nhiệm quản trị nội bộ của TCTD chính là yêu cầu về xây dựng quy định nội bộ (là quy định mới so với Nghị quyết 42/2017/QH14).

Khoản 7 Điều 198a quy định TCTD, chi nhánh NHNNg, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ TSBĐ, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ TSBĐ.

Thông tư số 13/2018/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) và Thông tư số 14/2023/TT-NHNN quy định kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với tất cả hoạt động, quy trình nghiệp vụ, các bộ phận tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng đảm bảo hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng tuân thủ quy định của pháp luật; kiểm soát ngăn chặn xung đột lợi ích, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm;...

NHNN thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm việc tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của TCTD.

Về trách nhiệm giám sát, giải trình, dự thảo Luật đã quy định vai trò của UBND cấp xã, cơ quan công an cấp xã cũng như việc bảo đảm quyền khiếu nại, khởi kiện của bên bị vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.8.19. Có ý kiến đề nghị đối với tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, cần quy định phải am hiểu về phong tục tập quán, xung đột văn hóa của đồng bào, nghiêm cấm sử dụng biện pháp cưỡng chế trái pháp luật hoặc gây mất an ninh trật tự vì nhiều tài sản của vùng gắn với phong tục truyền thống, vật dụng thiêng, đất rừng gắn với tín ngưỡng... Nếu những hoạt động thu giữ tài sản này không được tìm hiểu kỹ, không tham khảo sẽ gây nhiều phức tạp, mâu thuẫn trong quá trình thực hiện (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã có quy định không được áp dụng biện pháp trái pháp luật, trái đạo đức xã hội. Bên cạnh đó, dự thảo Luật chỉ quy định về thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu. Các bên có liên quan (TCTD/khách hàng) phải thỏa

thuận cụ thể về việc nhận và xử lý TSBĐ trong quá trình ký kết các hợp đồng tín dụng.

3.8.20. Một số ý kiến cho rằng quy định trong quá trình thu giữ TSBĐ, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ TSBĐ không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội là không khả thi vì hiện nay không có quy định cụ thể như thế nào là trái đạo đức xã hội; điều này phụ thuộc nhiều vào đánh giá chủ quan dẫn đến TCTD rất khó xác định biện pháp như thế nào được coi là không trái đạo đức xã hội trong quá trình thu giữ TSBĐ, có thể ảnh hưởng đến việc thu hồi, xử lý nợ của các TCTD. Do đó, đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để các TCTD có cơ sở triển khai các biện pháp thu giữ TSBĐ trong thực tế (04 ý kiến) hoặc cân nhắc bỏ cụm từ này (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Cụm từ “đạo đức xã hội” đã được quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp. Điều 123 Bộ Luật Dân sự đã giải thích “đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng” do vậy không cần thiết quy định chi tiết nội dung này tại dự thảo Luật.

3.8.21. Một số ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 7 Điều 198a quy định bắt buộc TCTD phải gửi quy trình xử lý TSBĐ cho bên vay hoặc bên thế chấp ngay từ thời điểm ký kết hợp đồng nhằm bảo đảm tính minh bạch và công khai (01 ý kiến).

Chính phủ tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD được ban hành, NHNN sẽ rà soát để sửa đổi, bổ sung các yêu cầu này trong Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) và các quy định về cấp tín dụng khác.

3.8.22. Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật chưa có quy định rõ ràng về quyền khiếu nại, tố cáo cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bảo đảm khi việc thu giữ TSBĐ diễn ra sai quy định hoặc gây ra hậu quả nghiêm trọng. Điều này có thể dẫn đến tình trạng người có tài sản đảm bảo có thể mất nhà, mất tài sản nhưng lại không có đầy đủ công cụ pháp lý để tự bảo vệ mình (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật không hạn chế quyền của các bên trong việc khởi kiện ra tòa. Do vậy, khách hàng/bên bảo đảm có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi

ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật khi có hành vi vi phạm pháp luật của bên thu giữ TSBĐ trong quá trình thực hiện thu giữ TSBĐ.

3.8.23. Có ý kiến đề nghị cân nhắc tính khả thi của quy định về trường hợp thu giữ TSBĐ khi hai bên ký hợp đồng có thỏa thuận vì thực tiễn đã phát sinh vướng mắc không thực hiện được nên bắt buộc phải có Tòa án nếu hai bên không đồng ý giao tài sản (02 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Theo quy định hiện hành, trường hợp người đang giữ TSBĐ không giao TSBĐ thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, quá trình khởi kiện, tham gia tố tụng và tiến hành thi hành án theo quy định cho mỗi vụ án thường kéo dài nhiều năm, sự kéo dài về mặt thời gian cũng tạo nên tâm lý chây ỳ trả nợ của bên có nghĩa vụ. Điều 301 Bộ luật dân sự cũng quy định bên cạnh cơ chế giải quyết tại Tòa án thì vẫn có cơ chế khác do Luật quy định.

(ii) Các khó khăn của việc xét xử thông qua Tòa án ảnh hưởng đến việc xử lý nợ xấu dẫn đến thời gian xử lý bị kéo dài, chậm xử lý các khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu nên làm giảm hiệu quả của công tác xử lý nợ xấu, không giải phóng được “cục máu đông nợ xấu” trong nền kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng.

(iii) Ngoài ra, quy định như tại dự thảo mang lại cho bên nhận bảo đảm một sự lựa chọn để xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu. Trường hợp thực hiện quy định về thu giữ TSBĐ không phù hợp với mục tiêu của bên nhận bảo đảm, bên nhận bảo đảm vẫn có quyền yêu cầu Tòa án xử lý vụ việc.

3.8.24. Có ý kiến cho rằng cần xem xét kỹ lưỡng sự cần thiết của việc luật hóa các quy định về quyền thu giữ TSBĐ, đặc biệt phải “có van” và “có khóa” để tránh tạo ra tình trạng vô gia cư, bần cùng hóa xã hội, đặc biệt với nông dân, người nghèo gặp rủi ro do thiên tai (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Thứ nhất, việc luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBĐ là cần thiết để xử lý trường hợp khách hàng vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không tự nguyện giao tài sản. Như vậy, trường hợp bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ tự nguyện giao TSBĐ thì việc thu giữ TSBĐ theo quy định tại Luật này không cần thực hiện. Sự tự nguyện của bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ là “chiếc khóa” đầu tiên để kích hoạt quy định về thu giữ TSBĐ.

Ngược lại, trường hợp người đang giữ TSBĐ không giao TSBĐ, bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, quá trình khởi kiện,

tham gia tố tụng và tiến hành thi hành án theo quy định cho mỗi vụ án thường kéo dài nhiều năm, tạo nên tâm lý chây ỳ trả nợ của bên có nghĩa vụ. Điều 301 Bộ luật dân sự cũng quy định bên cạnh cơ chế giải quyết tại Tòa án thì vẫn có cơ chế khác do Luật quy định.

Thứ hai, quy định về thu giữ TSBĐ không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ, bao gồm việc công khai, minh bạch hóa thông tin, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan.

Đồng thời, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của TCTD bán nợ; TCTD được chuyển giao bắt buộc được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho TCTD nhận chuyển giao bắt buộc hoặc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc. Đồng thời, TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm.

Đây cũng chính là những chiếc “khóa” để đảm bảo TCTD không lạm quyền thu giữ TSBĐ, tránh tạo ra tình trạng vô gia cư, bản cứng hóa xã hội.

Thứ ba, quy định như tại dự thảo mang lại cho bên nhận bảo đảm một sự lựa chọn để xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu. Trường hợp thực hiện quy định về thu giữ TSBĐ không phù hợp với mục tiêu của bên nhận bảo đảm, bên nhận bảo đảm vẫn có quyền yêu cầu Tòa án xử lý vụ việc.

Thứ tư, theo quy định của pháp luật về ngân hàng, TCTD xem xét chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc chuyển nợ quá hạn; chấm dứt cho vay, xử lý nợ, miễn, giảm lãi tiền vay, phí. Như vậy, xử lý nợ (xử lý TSBĐ) không phải là biện pháp duy nhất TCTD thực hiện khi khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn hoặc không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc tiền lãi đúng thời hạn như đã thỏa thuận.

3.8.25. Một số ý kiến đề nghị thiết kế lại Điều 198a về quyền thu giữ TSBĐ theo nguyên tắc chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ tách ra thành một quy định khác (01 ý kiến). Một số ý kiến cho rằng việc bổ sung quyền thu giữ TSBĐ là phù hợp và bảo đảm tính công bằng (04 ý kiến), tuy nhiên, đề nghị cần có văn bản quy phạm pháp luật dưới luật để xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên

quan, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như cơ quan thi hành án dân sự trong việc hỗ trợ cho các TCTD khi có yêu cầu thực hiện thu giữ TSBĐ; trong luật giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thu giữ và xử lý TSBĐ (01 ý kiến). Có ý kiến cho rằng quy định của dự thảo Luật có thể xảy ra nguy cơ xung đột, nếu không kiểm soát kỹ lưỡng, việc lạm dụng quyền thu giữ sẽ dẫn đến xâm phạm quyền sở hữu, quyền cư trú hợp pháp của người dân, do đó, đề nghị tiếp tục rà soát hoặc giao cho Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để các TCTD có cơ sở triển khai các biện pháp thu giữ TSBĐ trong thực tế (01 ý kiến).

Cần nhắc bổ sung trong luật hoặc giao Chính phủ xây dựng nghị định hướng dẫn thi hành đối với quyền thu giữ tài sản bảo đảm (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định: “Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, có sự thống nhất cao thì kiên quyết thực hiện”; Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Ban Chấp hành trung ương về kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế xác định nhiệm vụ, giải pháp vừa có tính cấp bách, vừa tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, trong đó bao gồm “rà soát, tổng kết các cơ chế, chính sách đặc thù, mô hình thí điểm để luật hóa, mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng...”; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành trung ương về kết luận của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, trong đó yêu cầu “Mở rộng tối đa các nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải ban hành bằng hình thức luật và giới hạn các nội dung được ban hành bằng hình thức nghị quyết”.

Điều 198a dự thảo Luật đã quy định đầy đủ về điều kiện thu giữ, trình tự, thủ tục công khai thông tin thu giữ TSBĐ trên cơ sở kế thừa quy định đã được thực hiện có hiệu quả trong gần 07 năm thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14, nghĩa là đã được thực tiễn chứng minh là đúng.

Bên cạnh đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng tác động (các TCTD, Công ty Quản lý tài sản Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng,...), cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung một số quy định để khắc phục hạn chế, khó khăn của Nghị quyết số 42/2017/QH14, đảm bảo rõ ràng trong triển khai, thực hiện và có thể triển khai, thực hiện ngay.

Như vậy, các quy định tại Điều 198a đảm bảo tính ổn định; các quy định về trình tự, thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm đã đầy đủ, rõ ràng, cần được thể chế hóa tại luật. Do đó, việc giao Chính phủ xây dựng Nghị định hướng dẫn thi hành về quy định quyền thu giữ TSBĐ là không cần thiết.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ tiếp tục rà soát và theo dõi quá trình thực thi khi dự thảo Luật được thông qua. Trường hợp phát sinh vướng mắc, cơ quan chủ trì sẽ phối hợp với các bộ, ngành có liên quan để tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn.

3.8.26. Có ý kiến đề nghị để bảo đảm quyền lợi cho các bên yếu thế, đề nghị trong quá trình thực thi, hướng dẫn thực hiện, Chính phủ hoặc NHNN xem xét linh hoạt trong quy định xác định các nhóm nợ xấu để xử lý TSBĐ trong trường hợp không thu hồi được nợ; phân loại các trường hợp rủi ro, nguyên nhân khách quan, chủ quan và các nguyên nhân, các yếu tố tác động để có thể đưa ra quyết định thu hồi hoặc thu giữ TSBĐ (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Theo nghiên cứu của Ngân hàng Liên minh châu Âu, trong quan hệ tín dụng, ngân hàng cũng là đối tượng chịu ảnh hưởng của sự bất đối xứng về mặt thông tin do không phải lúc nào các thông tin về khách hàng (như lịch sử/ý thức thanh toán các hóa đơn bán lẻ, năng lực tài chính, mục đích thực sự của việc sử dụng vốn vay, khả năng quản lý tiền vay,...) cũng sẵn có để có thể đánh giá đầy đủ, chính xác khả năng trả nợ vay¹⁵.

Do vậy, bên cho vay và bên đi vay đều cần được nhìn nhận trên phương diện bình đẳng. Nguyên tắc này cũng đã được ghi nhận tại khoản 1 Điều 3 Bộ luật Dân sự, theo đó, “*mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản*”.

Theo quy định của pháp luật về ngân hàng, TCTD xem xét chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc chuyển nợ quá hạn; chấm dứt cho vay, xử lý nợ, miễn, giảm lãi tiền vay, phí. Như vậy, xử lý nợ (xử lý TSBĐ) không phải là biện pháp duy nhất TCTD thực hiện khi khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn hoặc không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc tiền lãi đúng thời hạn như đã thỏa thuận.

Hơn nữa, quy định tiêu chí nợ xấu được NHNN ban hành dựa trên thông lệ quốc tế về phân loại nợ, không nhằm mục đích để thu giữ TSBĐ.

¹⁵ Xem tại <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1829.en.pdf>

3.8.27. Có ý kiến đề nghị quyết định thu giữ tài sản nên mang tính chất tư pháp, cần có sự kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp thông qua cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là trong trường hợp người bị thu giữ không đồng ý với việc thu giữ và có căn cứ hợp pháp để phản đối (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Thứ nhất, trường hợp người đang giữ TSBĐ không giao TSBĐ thì bên nhận bảo đảm vẫn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, trên thực tế quá trình khởi kiện, tham gia tố tụng và tiến hành thi hành án theo quy định cho mỗi vụ án thường kéo dài nhiều năm, sự kéo dài về mặt thời gian cũng tạo nên tâm lý chây ỳ trả nợ của bên có nghĩa vụ. Điều 301 Bộ luật dân sự cũng quy định bên cạnh cơ chế giải quyết tại Tòa án thì vẫn có cơ chế khác do Luật quy định.

Thứ hai, quy định về quyền thu giữ TSBĐ đã chứng minh hiệu quả trong quá trình triển khai thí điểm, theo đó, tâm lý chủ động trả nợ của khách hàng vay đã có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ lệ chủ động trả nợ của khách hàng vay.

Thứ ba, quy định về quyền thu giữ TSBĐ phù hợp với thông lệ quốc tế. Qua rà soát, bên cạnh việc xử lý tài sản bảo đảm thông qua thủ tục tố tụng tại Tòa án nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, tổ chức tín dụng cho vay, việc xử lý TSBĐ không qua con đường tố tụng (thu giữ tài sản bảo đảm) cũng đã được ghi nhận tại Bộ luật Mẫu về các Giao dịch bảo đảm của UNCITRAL, Bộ luật thương mại thống nhất Hoa Kỳ, Đạo luật bảo đảm tài sản cá nhân của Australia...

Thứ tư, quy định như tại dự thảo mang lại cho bên nhận bảo đảm một sự lựa chọn để xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu. Trường hợp thực hiện quy định về thu giữ TSBĐ không phù hợp với mục tiêu của bên nhận bảo đảm, bên nhận bảo đảm vẫn có quyền yêu cầu Tòa án xử lý vụ việc.

3.8.28. Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về quyền thu giữ đối với tài sản cho thuê tài chính của các công ty cho thuê tài chính vào Điều 198a dự thảo Luật vì Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành chưa có quy định về việc thu hồi tài sản của công ty cho thuê tài chính khi bên thuê vi phạm hợp đồng (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Theo quy định tại Thông tư số 26/2024/TT-NHNN, bên cho thuê tài chính mua tài sản cho thuê tài chính theo yêu cầu bên thuê tài chính và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính trong suốt thời hạn cho thuê. Việc yêu

cầu hoàn trả tài sản cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Như vậy, tài sản cho thuê tài chính là tài sản thuộc sở hữu của bên cho thuê, không phải là tài sản bảo đảm của khoản cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính, do vậy, việc bổ sung tại Điều 198a là không phù hợp.

3.8.29. Có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu, đánh giá kỹ tác động những cơ chế trong xử lý TSBĐ khi những quy định xử lý TSBĐ của pháp luật hiện hành vẫn xảy ra nhiều vi phạm trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng, dẫn đến nợ quá hạn, nợ xấu (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì đã rà soát tác động những cơ chế trong xử lý TSBĐ khi những quy định xử lý TSBĐ của pháp luật hiện hành vẫn xảy ra nhiều vi phạm trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng, dẫn đến nợ quá hạn, nợ xấu và xin báo cáo như sau:

(i) Hiện nay, mặc dù đã có sự nỗ lực của các cấp, các ngành, khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng cũng như pháp luật về dân sự, về hoạt động tư pháp đã không ngừng được hoàn thiện, tạo nền tảng pháp lý để phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật trong một số thời điểm còn chưa thực sự thuận lợi hoặc còn khó khăn, vướng mắc. Ví dụ, pháp luật dân sự ghi nhận “ cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”; ghi nhận quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận và yêu cầu các chủ thể khác tôn trọng các cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, thỏa thuận bảo đảm thực hiện nghĩa vụ lại không hoàn toàn trao cho bên nhận bảo đảm một sự bảo hộ hợp lý, điều này có thể khiến các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài (như nhà đầu tư nước ngoài tại các TCTD liên doanh, cổ phần) quan ngại về môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

Quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nghị quyết số 27-NQ/TW là “bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa”. Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng đề ra nhiệm vụ, giải pháp trong việc “phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền lợi với lợi ích chính đáng đạt được” và “bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và *bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân*”.

Trong khi đó, việc không thực hiện nghĩa vụ của một bộ phận khách hàng vay khiến nợ xấu phát sinh và tiếp tục gia tăng trong thời gian vừa qua.

Do vậy, nếu không có công cụ pháp lý đủ mạnh mẽ để thể chế hóa các đường lối, chủ trương của Đảng, tình hình xử lý nợ xấu sẽ không tiến triển, đe dọa và tạo ra nhiều rủi ro tiềm ẩn cho nền kinh tế.

(ii) Bên cạnh đó, khi ngân hàng có cơ chế hiệu quả để xử lý nợ xấu, sẽ khuyến khích ngân hàng có thêm động lực để cho vay, hạ lãi suất cho vay do giảm chi phí khi thu hồi được giá trị từ các khoản nợ xấu; từ đó, doanh nghiệp và người dân có điều kiện tiếp cận, huy động vốn với lãi suất hợp lý nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, khi người dân và doanh nghiệp được tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng sẽ góp phần xóa bỏ “tín dụng đen”, từ đó góp phần giữ an ninh, trật tự xã hội, củng cố sự ổn định của hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, khi bên vay (người dân và doanh nghiệp) ý thức được hệ quả pháp lý của việc không chủ động thanh toán các khoản nợ đúng hạn, bên vay sẽ có xu hướng đánh giá kỹ càng, sử dụng vốn vay an toàn và hiệu quả hơn, từ đó nâng cao nhận thức, năng lực tài chính của người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, trường hợp luật hóa quy định về thu giữ TSBĐ thì TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ có thêm lựa chọn mà không nhất thiết phải sử dụng đến việc giải quyết tranh chấp thông qua con đường tố tụng, từ đó gìn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa bên vay và bên đi vay, đồng thời, giảm gánh nặng, áp lực cho hệ thống các cơ quan tư pháp, nhất là trong bối cảnh hiện nay, hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương đang được nghiên cứu để sắp xếp theo hướng tinh gọn tổ chức bộ máy.

3.8.30. Có ý kiến cho rằng tất cả việc xét xử, quyết định thu giữ TSBĐ hay không nên do tòa án quyết định (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Thứ nhất, theo quy định hiện hành, trường hợp người đang giữ TSBĐ không giao TSBĐ thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, quá trình khởi kiện, tham gia tố tụng và tiến hành thi hành án theo quy định cho mỗi vụ án thường kéo dài nhiều năm, sự kéo dài về mặt thời gian cũng tạo nên tâm lý chây ỳ trả nợ của bên có nghĩa vụ.

Liên quan đến một số hạn chế khi giải quyết yêu cầu thông qua Tòa án, hiện nay ghi nhận một số ý kiến như sau:

(i) Khó khăn trong việc nộp đơn khởi kiện do một số Tòa án viện nhiều lý do để không nhận đơn hoặc đề nghị TCTD nộp đơn tại nơi cư trú/nơi làm việc

của khách hàng mặc dù Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự là nơi có trụ sở của nguyên đơn (nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của các bên).

(ii) Nếu chỉ thông qua cơ chế khởi kiện để xử lý TSBĐ, số lượng các vụ kiện tăng mạnh, quá tải, ảnh hưởng tiến độ xử lý của Tòa, Cơ quan thi hành án chậm trong khi định biên nhân sự của Tòa án, cơ quan thi hành án không tăng, nhất là trong giai đoạn triển khai sắp xếp mô hình Tòa án, Cơ quan thi hành án cấp huyện. Tại Báo cáo số 24/BC-TCTHADS ngày 23/01/2024, 01/BC-TCTHADS ngày 03/01/2025 (sau 01 năm Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã hết hiệu lực thi hành), Tổng cục THADS cũng đã nêu nguyên nhân của những hạn chế trong công tác THADS, trong đó, khối lượng công việc ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp, yêu cầu công việc ngày càng cao, trong khi biên chế còn thiếu, phải kiêm nhiệm nhiều, dễ gây ra tình trạng quá tải, tạo áp lực không nhỏ cho Tổng cục cũng như các cơ quan THADS trong thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Tại báo cáo số 403/BC-CP ngày 11/10/2022, Chính phủ báo cáo nguyên nhân của một số hạn chế trong công tác THADS là quá tải trong công việc, ví dụ trung bình số việc, tiền mỗi năm mà mỗi chấp hành viên phải giải quyết là: tại Bến Tre: 382 việc, 43 tỷ đồng; tại Bình Dương: 345 việc, 114 tỷ đồng; tại Long An: 341 việc, 106 tỷ đồng; tại TP Hồ Chí Minh: 335 việc, 436 tỷ đồng; tại Cần Thơ: 334 việc, 118 tỷ đồng... Bên cạnh đó, năng lực, trình độ của đội ngũ công chức, Chấp hành viên một số cơ quan THADS chưa đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong khi tính chất vụ việc thi hành án ngày càng phức tạp. Ngoài ra, nguồn lực bảo đảm cho công tác THADS (kinh phí hoạt động, trụ sở, kho vật chứng của một số cơ quan THADS địa phương, hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng công nghệ thông tin) chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

(iii) Thời gian giải quyết kéo dài vì quy trình tố tụng tại Tòa án phức tạp, kéo dài (có thể khoảng 5-10 năm do khách hàng bỏ trốn không xác minh được địa chỉ cư trú; cần xác minh, tổng đạt; vụ việc có yếu tố nước ngoài; TSBĐ phát sinh tranh chấp,...), nhiều cấp xét xử, từ đó, làm tăng chi, chậm quá trình thu hồi nợ và ảnh hưởng đến hoạt động, quản lý rủi ro của ngân hàng.

(iv) Tăng chi phí thu hồi nợ vì các chi phí liên quan đến khởi kiện và tham gia tố tụng có thể là gánh nặng cho các ngân hàng, đặc biệt đối với các vụ án có giá trị TSBĐ không lớn hoặc vụ việc phức tạp, kéo dài, trong khi TCTD vẫn phải trích lập dự phòng rủi ro, vẫn phải trả chi phí huy động vốn. Do vậy, thực trạng này có thể gây ra rủi ro lớn cho các TCTD có hàm lượng cho vay bán lẻ tỷ trọng cao, phải xử lý nhiều món nợ xấu có giá trị nhỏ, phạm vi địa lý phân tán.

(v) Khó khăn trong việc thi hành án do gặp phải sự chống đối, cố ý che giấu tài sản của bên phải thi hành án; vướng mắc pháp lý liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các cơ quan; thời gian thi hành án kéo dài và Luật Thi hành án dân sự chưa quy định thời gian cụ thể ra quyết định cưỡng chế thi hành án và thời hạn cụ thể tổ chức cưỡng chế.

(vi) Khó khăn trong việc xác định các thay đổi, biến động của TSBĐ do sự thiếu hợp tác của chủ tài sản trong quá trình Tòa án xem xét, thẩm định, xác định các yếu tố biến động của TSBĐ hoặc trường hợp chủ tài sản/người đang giữ TSBĐ có hành vi xây dựng chồng lấn dẫn tới diện tích của TSBĐ có thể bị sai lệch so với thời điểm thế chấp.

(vii) Tạo nên tâm lý chung về việc cố tình không bàn giao tài sản, chây ỳ, không hợp tác với TCTD nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ việc tranh chấp. Trong khi đó, trong quá trình thí điểm thực hiện Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14, tâm lý chủ động trả nợ của khách hàng vay đã có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ lệ chủ động trả nợ của khách hàng vay.

Thứ hai, qua rà soát, bên cạnh việc xử lý tài sản bảo đảm thông qua thủ tục tố tụng tại Tòa án nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, tổ chức tín dụng cho vay, việc xử lý TSBĐ không qua con đường tố tụng (thu giữ tài sản bảo đảm) cũng đã được ghi nhận tại Bộ luật Mẫu về các Giao dịch bảo đảm của UNCITRAL, Bộ luật thương mại thống nhất Hoa Kỳ, Đạo luật bảo đảm tài sản cá nhân của Australia... và cũng phù hợp với quy định tại Điều 301 Bộ luật Dân sự.

Thứ ba, quy định như tại dự thảo mang lại cho bên nhận bảo đảm một sự lựa chọn để xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu. Trường hợp thực hiện quy định về thu giữ TSBĐ không phù hợp với mục tiêu của bên nhận bảo đảm, bên nhận bảo đảm vẫn có quyền yêu cầu Tòa án xử lý vụ việc.

4. Về kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu (Điều 198b)

4.1. Có ý kiến đề nghị mở rộng đối tượng không chỉ là tài sản của người thi hành án đang được sử dụng làm TSBĐ cho khoản nợ xấu mà cả TSBĐ cho khoản nợ tại TCTD không phải khoản nợ xấu (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 cũng như tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu. Do vậy đối với các

khoản nợ chưa phải là nợ xấu, việc xử lý TSBĐ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.2. Có ý kiến đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét tách riêng các trường hợp không kê biên tài sản trong quá trình xử lý TSBĐ, để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch và thuận tiện cho việc áp dụng trong thực tế (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cân nhắc những tài sản mà người vi phạm sở hữu một cách hợp pháp thì không kê biên để thi hành án (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Về kỹ thuật lập pháp, cơ quan chủ trì xin tiếp thu và rà soát, nghiên cứu thêm.

(ii) Về ý kiến đề nghị cân nhắc những tài sản mà người vi phạm sở hữu một cách hợp pháp thì không kê biên để thi hành án

Cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng, phạm vi điều chỉnh của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD luật hóa quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 về việc tài sản của người phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu không bị kê biên theo pháp luật Thi hành án dân sự.

Việc xác định bên thứ ba ngay tình hay người vi phạm sở hữu hợp pháp sẽ được xem xét trong quá trình kê biên và theo pháp luật thi hành án dân sự, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

4.3. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu xử lý trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác ngoài tài sản đang được cầm cố, thế chấp và có giá trị lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm. Nếu không dùng phần giá trị lớn hơn để trả cho những người thi hành án khác sẽ không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ, dẫn đến sự bất bình đẳng giữa các ngân hàng và các chủ nợ, đồng thời việc thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự sẽ bị tổn động. Cơ quan thi hành án dân sự sẽ không có căn cứ để tổng đạt quyết định chưa đủ điều kiện hay hoãn thi hành án vì người phải thi hành án vẫn còn tài sản. Đồng thời, nghiên cứu phương án xử lý trường hợp tòa xét xử tranh chấp khác, đương sự tẩu tán tài sản bằng việc đưa tài sản thế chấp tại các TCTD nhằm trốn tránh nghĩa vụ phải thanh toán để tòa xét xử (01 ý kiến).

Một số ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định cơ chế phối hợp, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể (02 ý kiến). Có ý kiến cho rằng đối với những tài sản giá trị lớn, vượt quá giá trị thế chấp, phần còn lại có thể kê biên và cần phải cụ thể hóa cách thức thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ hoặc NHNN. Có ý kiến cho rằng để tránh trường hợp né tránh việc kê biên bằng cách thế chấp tài

sản tại TCTD, cần quy định rõ ràng hơn hoặc giao cho NHNN hướng dẫn cụ thể nội dung này (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Về thanh toán tiền thi hành án

Thứ tự thanh toán tiền thi hành án đã được quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung). Trong đó, khoản 3 Điều 47 quy định: “3. Trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án hoặc trường hợp bán tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể thì số tiền thu được từ việc bán tài sản cầm cố, thế chấp, bị kê biên được ưu tiên thanh toán cho bên nhận cầm cố, thế chấp hoặc bên có nghĩa vụ được bảo đảm sau khi trừ án phí của bản án, quyết định đó, chi phí cưỡng chế và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 115 của Luật này; Trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là người được thi hành án thì người nhận cầm cố, thế chấp được ưu tiên thanh toán trước khi thanh toán các khoản theo quy định tại Điều này”.

Đối với trường hợp không kê biên TSBĐ (như trường hợp hợp đồng bảo đảm đã được ký kết và phát sinh hiệu lực trước thời điểm bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật), việc xử lý TSBĐ cũng như thứ tự thanh toán tiền xử lý TSBĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 308 Bộ luật Dân sự. Đồng thời, khoản 2 Điều 307 Bộ Luật Dân sự quy định “2. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm” để bên bảo đảm thanh toán tiền phải thi hành án cho bên có liên quan (nếu có).

Việc bên phải thi hành án cố tình trốn tránh thi hành án bằng cách sử dụng TSBĐ để làm tài sản thế chấp. Điều 198b đã quy định “Tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ bị kê biên, xử lý theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự trong trường hợp hợp đồng bảo đảm đã được ký kết và phát sinh hiệu lực sau thời điểm bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật “. Do vậy, hợp đồng bảo đảm phát sinh sau thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực, tài sản của người phải thi hành án vẫn có thể bị kê biên.

(ii) Về đề nghị giao Chính phủ quy định cơ chế phối hợp, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể về việc tổng đạt quyết định chưa đủ điều kiện hay hoãn thi hành án:

Chính phủ xin giải trình như sau:

Căn cứ các quy định hiện hành, không cần thiết giao Chính phủ quy định cơ chế phối hợp, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tại Luật này, vì:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật THADS, quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải thông báo cho đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó.

Điểm b, c khoản 6 Điều 44 Luật THADS quy định: “b) Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay; c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”

Như vậy, khi nhận được quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án và các yêu cầu của cơ quan THA, bên nhận bảo đảm thông tin về việc tài sản của bên phải thi hành án đang được/không là TSBĐ của khoản nợ xấu, tình trạng của khoản nợ... để cơ quan THA có cơ sở xác minh điều kiện thi hành án, bao gồm việc kê biên tài sản hay không.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo cơ quan chủ trì tiếp tục phối hợp Bộ Tư pháp để rà soát. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện quy định tại Luật sau khi được thông qua, NHNN sẽ phối hợp Bộ Tư pháp để xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý.

4.4. Có ý kiến cho rằng hiện nay Bộ Tư pháp đang chủ trì nghiên cứu và tham mưu xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi), NHNN cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp để rà soát, nghiên cứu các quy định về pháp luật về thi

hành án dân sự, có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong quá trình thi hành các luật này (01 ý kiến).

Chính phủ tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội và chỉ đạo cơ quan chủ trì phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp để rà soát, nghiên cứu các quy định về pháp luật về thi hành án dân sự.

4.5. Đề nghị cần làm rõ thứ tự ưu tiên giữa vụ thi hành án và quyền xử lý tài sản đảm bảo của tổ chức tín dụng (ưu tiên nghĩa vụ cấp dưỡng, bồi thường tổn thất sức khỏe, tính mạng,...)(02 ý kiến); Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát các trường hợp thi hành bản án liên quan đến quyền lợi của bên thứ ba (ngoài nội dung về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đã được quy định tại Điều 198b) để bảo đảm minh bạch, khách quan, tránh lạm dụng hoặc tạo ra rào cản, khó khăn cho cơ quan thi hành án cũng như các bên liên quan trong quá trình thi hành bản án, quyết định (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thi hành án dân sự và các TCTD để bảo đảm xử lý minh bạch và tránh tranh chấp (01 ý kiến); cần phải có ý kiến bằng văn bản từ cơ quan thi hành án trước khi xử lý TSBĐ đang được kê biên (01 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng quy định này có thể phát sinh mâu thuẫn trong thực tế thi hành, nếu không xác định rõ hiệu lực của hợp đồng đảm bảo và thời điểm phát sinh quyền ưu tiên. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hiệu lực ưu tiên của hợp đồng bảo đảm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thi hành án dân sự và các tổ chức tín dụng để đảm bảo xử lý minh bạch và tránh tranh chấp (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

(i) Điều 198b đã quy định “Tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ bị kê biên, xử lý theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự trong trường hợp hợp đồng bảo đảm đã được ký kết và phát sinh hiệu lực sau thời điểm bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật “.

Căn cứ quy định trên, thứ tự ưu tiên sẽ được xác lập như sau:

- Trường hợp hợp đồng bảo đảm phát sinh sau thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực, tài sản của bên phải thi hành án vẫn có thể bị kê biên. Việc thanh toán tiền thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 90 và khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự. Theo đó, trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án hoặc

trường hợp bán tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể thì số tiền thu được từ việc bán tài sản cầm cố, thế chấp, bị kê biên *được ưu tiên thanh toán cho bên nhận cầm cố, thế chấp hoặc bên có nghĩa vụ được bảo đảm* sau khi trừ án phí của bản án, quyết định đó, chi phí cưỡng chế và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 115 của Luật này; Trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà bên nhận cầm cố, thế chấp *không phải là người được thi hành án thì người nhận cầm cố, thế chấp được ưu tiên thanh toán trước khi thanh toán các khoản theo quy định tại Điều này*.

- Trường hợp hợp đồng bảo đảm phát sinh trước thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực, tài sản của bên phải thi hành án không bị kê biên. Việc thanh toán số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp và thứ tự ưu tiên thanh toán được thực hiện theo quy định tại Điều 307, Điều 308 Bộ Luật Dân sự.

- Trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe là một trong những trường hợp mà cơ quan thi hành án được phép kê biên TSBĐ.

(ii) Các vấn đề liên quan đến hiệu lực của hợp đồng bảo đảm và thời điểm phát sinh quyền ưu tiên được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

(iii) Về cơ chế phối hợp giữa cơ quan thi hành án và TCTD, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan chủ trì rà soát và phối hợp với cơ quan có liên quan để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo.

(iv) Về rà soát các trường hợp thi hành bản án liên quan đến quyền lợi của bên thứ ba (ngoài nội dung về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đã được quy định tại Điều 198b) để bảo đảm minh bạch, khách quan, tránh lạm dụng hoặc tạo ra rào cản, khó khăn cho cơ quan thi hành án cũng như các bên liên quan trong quá trình thi hành bản án, quyết định, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan chủ trì rà soát và phối hợp với cơ quan có liên quan để sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết).

5. Về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính (Điều 198c)

5.1. Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “hình sự” vào sau cụm từ “vụ án và thi hành án” tại khoản 1 Điều 198c (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo thêm như sau:

Điều 198c về hoàn trả vật chứng được quy định thống nhất với cách thức quy định điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan của Quốc hội, Bộ Tư pháp để hoàn thiện kỹ thuật đối với dự thảo Luật.

5.2. Có ý kiến cho rằng để hạn chế thủ tục hành chính không cần thiết, đề nghị xem xét chỉnh lý nội dung ở khoản 2 Điều 198c như sau: “Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ là TSBĐ của khoản nợ xấu, sau khi chấm dứt việc tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 125, Luật Xử lý vi phạm hành chính và không thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tịch thu, người ra quyết định tạm giữ thực hiện các thủ tục trả tang vật, phương tiện cho bên nhận bảo đảm là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ” (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ rà soát, hoàn thiện nội dung cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 198c dự thảo Luật.

5.3. Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định đối với TSBĐ không liên quan đến hành vi phạm tội, có nguồn gốc hợp pháp hoặc được hình thành từ vốn vay của TCTD, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải tỏa kê biên, gỡ bỏ các biện pháp ngăn chặn và bàn giao tài sản cho TCTD để xử lý theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Bộ Tư pháp hoàn thiện dự thảo Luật.

5.4. Một số ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế kiểm soát chặt chẽ, tránh nguy cơ xung đột lợi ích và bảo đảm công bằng giữa các bên trong quan hệ dân sự. Trên thực tế, nhiều TSBĐ có giá trị lớn hơn nhiều lần so với giá trị nghĩa vụ được bảo đảm tại một thời điểm cụ thể hoặc được sử dụng để bảo đảm đồng thời cho nhiều nghĩa vụ khác nhau với nhiều bên nhận bảo đảm theo hợp đồng hoặc giao dịch độc lập. Khi đó một bên nhận bảo đảm đơn phương đề nghị hoàn trả được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận mà không có quy trình kiểm tra, đối chiếu phân biệt rõ ràng thì quyền lợi, lợi ích của các bên còn lại sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, làm phát sinh tranh chấp pháp lý phức tạp và khiếu kiện kéo dài. Ngoài ra, trên thực tiễn, việc xử lý tài sản có nhiều trường hợp, tài sản thuộc sở hữu của nhiều người hoặc bị tranh chấp sở hữu hoặc đang trong quá trình phân chia, thừa kế khiến cho việc hoàn trả tài sản cho bên nhận bảo đảm vô tình tạo ra hậu quả pháp lý vượt ngoài tầm kiểm soát của cơ quan hoàn trả, đẩy rủi ro sang bên thứ ba không có cơ chế tự bảo vệ. Vì vậy, để bảo đảm khách quan, minh bạch, hài hòa cho lợi ích chủ thể trong quan hệ dân sự, phù hợp với nguyên tắc xử lý TSBĐ được Bộ luật Dân sự, Luật Thi hành án dân sự và các

luật có liên quan, đề nghị bổ sung cơ chế xử lý rõ ràng và có tính phân loại cụ thể: (1) Yêu cầu các TCTD khi đề nghị hoàn trả phải cung cấp đầy đủ thông tin về giá trị, nghĩa vụ được bảo đảm, tình trạng pháp lý của tài sản và thông báo cho các bên cùng nhận bảo đảm nếu có; (2) Trong trường hợp có nhiều bên nhận bảo đảm cần có sự đồng thuận hoặc văn bản xác nhận thỏa thuận giữa các bên hoặc quyết định của cơ quan tài phán nếu có tranh chấp; (3) Trường hợp giá trị tài sản vượt quá nghĩa vụ cần có quy định xác định giá trị tương ứng để tránh việc một bên nhận bảo đảm đơn phương chiếm hữu toàn bộ tài sản và gây thiệt hại cho các bên còn lại (02 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Dự thảo Luật chỉ quy định về việc hoàn trả TSBĐ của khoản nợ xấu nhằm bảo đảm quyền được xử lý TSBĐ của bên nhận bảo đảm.

Việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn phải tuân thủ quy định hiện hành tại Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: khoản 3 Điều 296 Bộ Luật Dân sự quy định: “Trường hợp phải xử lý tài sản để thực hiện một nghĩa vụ đến hạn thì các nghĩa vụ khác tuy chưa đến hạn đều được coi là đến hạn và tất cả các bên cùng nhận bảo đảm đều được tham gia xử lý tài sản. Bên nhận bảo đảm đã thông báo về việc xử lý tài sản có trách nhiệm xử lý tài sản, nếu các bên cùng nhận bảo đảm không có thỏa thuận khác”; khoản 2 Điều 307 Bộ Luật Dân sự quy định: “Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm.”.

Đồng thời, thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định tại Điều 308 Bộ luật Dân sự.

(ii) Đối với trường hợp tài sản thuộc sở hữu và đồng thời của nhiều người hoặc bị tranh chấp sở hữu hoặc đang trong quá trình phân chia, thừa kế:

Dự thảo Luật chỉ quy định hoàn trả tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu. Khoản 1 Điều 295 Bộ luật Dân sự cũng quy định: “Tài sản bảo đảm phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm...”. Việc xác lập, giao dịch bảo đảm và xử lý TSBĐ là tài sản chung được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngoài ra, trường hợp quá trình phân chia, thừa kế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: “Trường hợp bên bảo đảm là cá nhân chết, pháp nhân chấm dứt tồn tại thì quyền truy đòi tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm không chấm dứt nhưng thực hiện

theo quy định tại Điều 658 của Bộ luật Dân sự và quy định khác về thừa kế của Bộ luật Dân sự trong trường hợp bên bảo đảm là cá nhân chết hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật về giải thể pháp nhân, phá sản trong trường hợp bên bảo đảm là pháp nhân bị giải thể, bị tuyên bố phá sản.”

Đồng thời, khoản 3 Điều 198c dự thảo Luật quy định rõ: “Việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi được hoàn trả theo quy định khoản 1 khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý tài sản bảo đảm”.

5.5. Có ý kiến đề nghị cân nhắc nội dung quan hệ dân sự đã được thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm về quyền thu giữ TSBĐ (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính không yêu cầu, không đặt ra vấn đề thỏa thuận về giao TSBĐ trong hợp đồng bảo đảm, việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền trả lại TSBĐ được thực hiện trực tiếp với cơ quan đang giữ TSBĐ mà không phải đáp ứng các trình tự, thủ tục, điều kiện như đối với quy định về quyền thu giữ TSBĐ.

5.6. Một số ý kiến đề nghị quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thời điểm hoàn trả, thời hạn tối đa để các cơ quan có thẩm quyền xem xét và quyết định việc hoàn trả TSBĐ kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lệ của TCTD, quy định rõ hơn về trách nhiệm của cơ quan đang tạm giữ tài sản trong việc bảo quản, tránh làm mất mát và hư hỏng tài sản (02 ý kiến).

Đề nghị nên quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, trình tự và thời điểm hoàn trả, tránh dẫn đến lạm quyền hoặc mâu thuẫn giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, cần có biên bản hoàn trả ký xác nhận giữa cơ quan tố tụng và bên nhận bảo đảm để tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quá trình xử lý tiếp theo (01 ý kiến).

Dự thảo chưa quy định thời hạn cụ thể để hoàn trả tài sản khi có đủ điều kiện dẫn đến tình trạng trì hoãn và thiếu trách nhiệm. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ quy định trên đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ và có tính khả thi cao. (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Khoản 1 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự quy định: “Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội

đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản”.

Do vậy, tùy thuộc vào giai đoạn giải quyết vụ án, việc xử lý vật chứng do cơ quan có thẩm quyền (Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định; Viện kiểm sát; Chánh án Tòa án; Hội đồng xét xử) thực hiện theo quy trình xử lý như quy trình các cơ quan nêu trên hiện đang thực hiện đối với việc hoàn trả tài sản/vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó.

Việc quy định thời hạn hoàn trả tại dự thảo Luật có thể không phù hợp với tiến độ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật có liên quan.

5.7. Có ý kiến cho rằng quy định về tài sản, tang vật, vật chứng hình sự hoặc vi phạm hành chính được hoàn trả cho bên bảo đảm không có sự tham gia của người có tài sản như bị can, bị cáo hay là đương sự trong vụ việc vi phạm hành chính có thể dẫn đến phát sinh tranh chấp quyền sở hữu giữa các bên, giữa ngân hàng và người phạm tội, người vi phạm, người bị hại; tạo áp lực cho cơ quan thi hành pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Về bản chất, Bộ luật Dân sự đã ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp trong việc yêu cầu bên thế chấp hoặc bên thứ 3 giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ (khoản 5 Điều 323) cũng như quy định trách nhiệm của bên thế chấp trong việc giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý (khoản 6 Điều 320).

Tuy nhiên, trên thực tế phát sinh trường hợp bên thứ 3, bên bảo đảm không giao TSBĐ cho bên nhận thế chấp, điều này cũng có thể xảy ra sau khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Do vậy, về cơ bản, sự tham gia của chủ sở hữu trong trường hợp này là không cần thiết, tránh việc chủ sở hữu cố tình lợi dụng điều kiện này để không hợp tác, gây khó khăn cho việc hoàn trả TSBĐ cho bên nhận bảo đảm.

5.8. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định xử lý trường hợp TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm TCTD không bị thất thu tài sản, không xử lý được nợ xấu (01 ý kiến). Có ý kiến cho rằng hiện Chính phủ đang trình Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính, do đó, nên cân nhắc quy định nội dung này ở luật nào cho phù hợp (01 ý kiến). Có ý kiến cho rằng nội dung sửa

đổi, bổ sung Điều 125 của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (dự kiến trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9) quy định “Trường hợp chấm dứt việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là TSBĐ của khoản nợ xấu thì trả lại theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ”. Như vậy, quy định này về nội hàm là trùng với quy định tại khoản 2 Điều 198c của dự thảo Luật (về tình huống, chủ thể đề nghị, điều kiện trả lại TSBĐ). Do đó, đề nghị xử lý vấn đề này theo hướng dẫn chiếu áp dụng quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, bởi lẽ, đây là luật chuyên ngành điều chỉnh việc xử lý tài sản có liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Điều 198c liên quan đến hoàn trả tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính. Đây là cơ chế riêng nhằm xử lý nợ xấu, do vậy, việc quy định tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD là nhằm đảm bảo sự thống nhất về khuôn khổ pháp lý liên quan đến xử lý nợ xấu. Đối với các tài sản khác không phải là TSBĐ của khoản nợ xấu, việc hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, để đảm bảo thống nhất với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD, cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tư pháp để thống nhất về việc xử lý nội dung liên quan đến hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính.

5.9. Một số ý kiến cho rằng nội dung tại Điều 198c liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan khác nhau (gồm cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan xử lý vi phạm hành chính, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ...). Do đó, đề nghị bổ sung nội dung giao Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 198c để xác định rõ quy trình, điều kiện, trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong việc xử lý TSBĐ trong các trường hợp nêu trên. Có ý kiến đề xuất trong Điều 198c bổ sung nội dung giao Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn để thi hành điều này (01 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cần có biên bản hoàn trả ký xác nhận giữa cơ quan tổ tụng và bên nhận bảo đảm (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự:

Khoản 1 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự quy định: “Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản”.

Do vậy, tùy thuộc vào giai đoạn giải quyết vụ án, việc xử lý vật chứng do cơ quan có thẩm quyền (Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định; Viện kiểm sát; Chánh án Tòa án; Hội đồng xét xử) thực hiện theo quy trình xử lý như quy trình các cơ quan nêu trên hiện đang thực hiện đối với việc hoàn trả tài sản/vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó.

Nội dung này hiện nay cũng không được hướng dẫn tại văn bản dưới luật.

(ii) Về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính:

Hiện nay, việc trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu đang được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ tiếp tục rà soát, và phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính để hướng dẫn nội dung về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính nếu thực tiễn, triển khai thi hành Luật có vướng mắc, khó khăn.

5.10. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về hoàn trả tài sản cho thuê tài chính là vật chứng trong vụ án hình sự, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính cho công ty cho thuê tài chính (01 ý kiến).

Cơ quan chủ trì xin giải trình như sau:

Theo quy định tại Thông tư số 26/2024/TT-NHNN, bên cho thuê tài chính mua tài sản cho thuê tài chính theo yêu cầu bên thuê tài chính và *nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính trong suốt thời hạn cho thuê.*

Như vậy, tài sản cho thuê tài chính là tài sản thuộc sở hữu của bên cho thuê, không phải là tài sản bảo đảm của khoản cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự¹⁶ và khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính¹⁷, cơ quan có thẩm quyền hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự, tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Do vậy, việc quy định hoàn trả tài sản cho thuê tài chính là vật chứng trong vụ án hình sự, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính cho công ty cho thuê tài chính là không cần thiết và cũng không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật.

5.11. Có ý kiến cho rằng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Bộ luật Tố tụng hình sự, việc xử lý tang vật là quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng, không chịu sự chi phối của bên thứ ba (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Thông nhất với ý kiến của đại biểu Quốc hội, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định “3. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này *có quyền*: a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó; b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;...”. Điều 198c dự thảo Luật không nhằm mục đích quy định theo hướng ảnh hưởng đến quyền của cơ quan tố tụng. Cơ quan tố tụng vẫn có quyền xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật về Tố tụng hình sự.

Dự thảo Luật chỉ quy định *đối tượng nhận lại tài sản* đã thu giữ, tạm giữ khi cơ quan tố tụng đã xác định tài sản đã thu giữ, tạm giữ không phải là vật chứng hay khi cơ quan tố tụng đã xác định vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án để đảm bảo phát huy tối đa hiệu lực, hiệu quả của các giao dịch bảo đảm đã được ký kết hợp pháp và phát sinh hiệu lực.

¹⁶ 3. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng *cho chủ sở hữu* hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó; b) Trả lại ngay vật chứng *cho chủ sở hữu* hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án,

¹⁷ Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại *cho chủ sở hữu*, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 26 của Luật này thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tương tự đối với việc hoàn trả tang vật, phương tiện bị tạm giữ, khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “Người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo biện pháp ghi trong quyết định xử phạt hoặc *trả lại cho cá nhân, tổ chức nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ*, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề...”. Dự thảo Luật không tác động đến quyền của người ra quyết định tạm giữ trong việc thực thi chức năng, nhiệm vụ mà chỉ quy định theo hướng làm rõ *đối tượng nhận lại tài sản nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ*.

6. Về quy định chuyển tiếp và điều khoản thi hành (Điều 2 và Điều 3 dự thảo Luật)

6.1. *Có ý kiến đề nghị rà soát, thống nhất thẩm quyền của NHNN và Thống đốc NHNN tại Điều 2, bảo đảm rõ thẩm quyền để không ảnh hưởng tới việc tổ chức thực hiện (01 ý kiến).*

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội theo hướng Chính phủ bỏ quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật, không quy định chuyển tiếp đối với các khoản cho vay đặc biệt đã được Thống đốc NHNN quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực.

6.2. *Có ý kiến đề nghị làm rõ tại quy định chuyển tiếp các biện pháp xử lý nợ xấu quy định trong Luật này có được áp dụng đối với các khoản nợ xấu phát sinh trước thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hay không hay chỉ áp dụng đối với những khoản nợ xấu phát sinh từ khi Luật này có hiệu lực thi hành (02 ý kiến).*

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, NHNN sẽ phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Bộ Tư pháp để làm rõ trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật.

6.3. *Có ý kiến đề nghị làm rõ hiệu lực áp dụng có lợi cho bên yếu thế (người vay và người bị xử lý tài sản), bổ sung cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh trong giai đoạn chuyển tiếp nếu có xung đột giữa các quy định cũ và mới (01 ý kiến).*

Chính phủ xin được tiếp thu và chỉ đạo cơ quan chủ trì rà soát, bổ sung tại dự thảo Luật (nếu cần thiết):

6.4. *Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ "có lãi suất thì" tại điểm b khoản 2 Điều 3 và sửa lại như sau: "Trường hợp khoản vay đặc biệt áp dụng lãi suất 0% trên năm kể từ ngày luật này có hiệu lực thi hành"*

Có ý kiến đề nghị làm rõ tại điểm c khoản 2 Điều 3 những trường hợp như thế nào thì được xem xét gia hạn hoặc tiêu chí nào để được xem xét gia hạn, để

ngợi Ngân hàng Nhà nước có văn bản quy định cụ thể hoặc hướng dẫn những trường hợp được xem xét gia hạn và được gửi kèm theo hồ sơ dự án luật để đại biểu Quốc hội nghiên cứu và thảo luận (01 ý kiến).

Đối với ý kiến liên quan đến điểm b và điểm c khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật, Chính phủ xin được tiếp thu ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội và báo cáo thẩm tra chính thức của Ủy ban Kinh tế và Tài chính theo hướng bỏ quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật, không quy định chuyển tiếp đối với các khoản cho vay đặc biệt đã được Thống đốc NHNN quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực.

6.5. Đề nghị sửa lại khoản 1, khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật như sau để đảm bảo nguyên tắc, điều kiện, mức độ gia hạn, chẳng hạn như chỉ xem xét gia hạn nếu tổ chức tín dụng đang thực hiện đề án tái cơ cấu được phê duyệt, tránh lạm dụng kéo dài tình trạng yếu kém:

- Khoản 1: “Đối với các khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định trước ngày luật này có hiệu lực:

a. Các bên tiếp tục thực hiện theo quyết định cho vay đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ và hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký kết;

b. Đề nghị thay đổi toàn bộ so với dự thảo là việc gia hạn thời hạn vay đặc biệt điều chỉnh lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều này”

- Khoản 2: thay từ “được” bằng từ “các bên” tại điểm a; “trường hợp cho vay” thì nên thay bằng “hợp đồng cho vay”, “trường hợp hợp đồng cho vay đặc biệt” tại điểm b cho phù hợp với nguyên tắc tài chính; sửa điểm c như sau: “Ngân hàng Nhà nước căn cứ đề xuất của tổ chức tín dụng, tình hình thực tế và quy định hiện hành để xem xét, điều chỉnh thời hạn vay đặc biệt phù hợp với quy định tại luật này và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước” để đảm bảo tính toàn diện.

Chính phủ xin được tiếp thu và chỉ đạo cơ quan chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật (nếu cần thiết). Đồng thời, tiếp thu ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội và báo cáo thẩm tra chính thức của Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Chính phủ bỏ quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật, không quy định chuyển tiếp đối với các khoản cho vay đặc biệt đã được Thống đốc NHNN quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực.

6.6. Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát, xác định đầy đủ, toàn diện các trường hợp cần chuyển tiếp khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành, bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật, tránh tạo khoảng trống pháp lý hoặc xung đột pháp luật; đồng thời, đề xuất thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật theo đúng quy định, bảo đảm đủ thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thi hành Luật (01 ý kiến).

Chính phủ xin được tiếp thu và chỉ đạo cơ quan chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật (nếu cần thiết).

Đối với quy định về hiệu lực của Luật, Thông báo số 1346/TB-VPQH ngày 28/4/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã kết luận “Hồ sơ dự án Luật bảo đảm yêu cầu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đủ điều kiện trình Quốc hội xem xét tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV theo quy trình 01 kỳ họp, soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn”. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025, Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ đề xuất Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 để các bên có liên quan có đủ thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thi hành Luật.

7. Về các nội dung khác

7.1. Có ý kiến đề nghị Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình chi tiết các nội dung trong Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, việc tiếp thu, giải trình các nội dung trong báo cáo thẩm tra sẽ được Chính phủ thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Trên cơ sở quy định tại khoản 5 Điều 38 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ đã có Báo cáo số 443/BC-CP ngày 16/5/2025 về việc tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội.

Tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 16/5/2025, NHNN đã có Báo cáo số 177/BC-NHNN ngày 28/5/2025 báo cáo, tiếp thu, giải trình ý kiến các đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ.

Ngoài ra, trên cơ sở quy định tại Điều 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 21 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, sau khi có ý kiến thảo luận tại

Hội trường, cơ quan trình chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo và xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo luật trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

7.2. Một số ý kiến đề nghị làm rõ và thống nhất thuật ngữ “tổ chức mua bán, xử lý nợ”, rà soát khái niệm cũng như quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi, điều kiện, tiêu chuẩn hoạt động (vốn điều lệ, quy trình mua, bán nợ, thu giữ TSBD và trách nhiệm trong xử lý tranh chấp...) của tổ chức này. Khoản 4 Điều 2 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định “Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ (sau đây gọi là tổ chức mua bán, xử lý nợ)”, tuy nhiên, thực tế hiện nay, có nhiều mô hình tổ chức mua bán, xử lý nợ như Công ty Quản lý tài sản (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) hay công ty quản lý nợ (AMC) của TCTD (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, có đối tượng áp dụng là đối tượng áp dụng của Luật các TCTD 2024.

Theo đó, tại khoản 4 Điều 2 Luật các TCTD quy định đối tượng áp dụng của Luật bao gồm: “4. Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ (sau đây gọi là tổ chức mua bán, xử lý nợ).”.

Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “Công ty Quản lý tài sản¹⁸ là doanh nghiệp đặc thù, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ...”.

Điều 1 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27/10/2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của công ty TNHH một thành viên mua bán nợ Việt Nam quy định phạm vi điều chỉnh, theo đó, “Nghị định này quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam¹⁹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

¹⁸ Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)

¹⁹ DATC

Như vậy, VAMC và DATC đều là Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

7.3. Có ý kiến đề nghị bổ sung định nghĩa cũng như điều kiện xác định khoản nợ xấu trong phần giải thích từ ngữ để bảo đảm việc áp dụng thống nhất, tránh hiểu nhầm hoặc vận dụng sai (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Điều 195 Luật Các TCTD đã có quy định cụ thể về nợ xấu. Theo đó, “nợ xấu được áp dụng các quy định tại Chương này bao gồm:

1. Nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm khoản nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán;

2. Nợ xấu mà tổ chức mua bán, xử lý nợ đã mua của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng chưa thu hồi được nợ.”.

7.4. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu một số quy định về tiền số, tài sản số làm khung pháp lý để cho phép triển khai loại hình này cũng như quản lý hiệu quả hơn (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo, nội dung này không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật.

7.5. Có ý kiến cho rằng Nghị quyết số 66-NQ/TW xác định việc xây dựng và thi hành pháp luật là đột phá của đột phá trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm phòng ngừa, cảnh báo vi phạm pháp luật, tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các vi phạm về lạm quyền và thiếu trách nhiệm. Do vậy, khi ban hành những chính sách đột phá như tại dự thảo Luật, Chính phủ cần có các giải pháp cụ thể để bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy công tác xây dựng và thi hành pháp luật và “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Trên thực tế, NHNN quản lý tổ chức và hoạt động của TCTD, trong đó có hoạt động cấp tín dụng bằng công cụ pháp luật và thực hiện việc thanh tra, kiểm

tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân được cấp tín dụng, cụ thể:

(i) Để quản lý nợ xấu phát sinh do các nguyên nhân chủ quan từ phía các TCTD, Luật các TCTD đã quy định về trách nhiệm tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng; cũng như quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính và trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định về trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó bao gồm việc thỏa thuận với khách hàng về mức cho vay căn cứ vào phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của tổ chức tín dụng; khi thực hiện vay, TCTD có trách nhiệm thực hiện phân loại, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định

Ngoài ra, các văn bản trên cũng quy định về quyền và trách nhiệm của khách hàng vay trong việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu cho TCTD trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu,... nhằm hạn chế nợ xấu phát sinh do các nguyên nhân chủ quan từ phía khách hàng vay.

(ii) Để quản lý nợ xấu phát sinh do các nguyên nhân khách quan, các văn bản quy phạm pháp luật cũng đã có các quy định việc TCTD xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thực tế, trong giai đoạn khách hàng vay chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid 19.

Ngoài ra, Thống đốc NHNN cũng đã ban hành Thông tư số 53/2024/TT-NHNN quy định việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của Bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3.

(iii) Bên cạnh đó, NHNN cũng đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, trong đó quy định về vi phạm quy định về cấp tín dụng như vi phạm do không kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định, cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, vi phạm

giới hạn cấp tín dụng;... Hiện nay, NHNN đang rà soát để sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP, Nghị định 143/2021/NĐ-CP, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành cũng như tăng tính răn đe để hạn chế các hành vi vi phạm của các TCTD cũng như khách hàng sử dụng dịch vụ của các TCTD.

(iv) Đồng thời, NHNN cũng thường xuyên có các văn bản chỉ đạo, điều hành, đề cao công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm pháp luật đi đôi với việc tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lạm quyền, thiếu trách nhiệm.

7.6. Có ý kiến đề nghị có quy định yêu cầu các TCTD thực hiện nghiêm các quy định về sàng lọc tín dụng, thẩm định tín dụng cũng như thiết lập các giới hạn tín dụng dựa trên khả năng thanh toán của khách hàng, đồng thời, xây dựng quy trình thu hồi nợ hiệu quả, tránh tình trạng nới lỏng những quy định về cho vay và TSBĐ (01 ý kiến).

Chính phủ tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội. Các nội dung trên đã được quy định tại Điều 101, 102 Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung). NHNN sẽ tiếp tục chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra hoạt động cấp tín dụng của TCTD trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

7.7. Có ý kiến đề nghị để không thiệt hại cho đồng bào dân tộc thiểu số, tránh xảy ra phức tạp, kiện tụng, cần bổ sung quy định đối với tài sản thuộc sở hữu của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn khi định giá cần phải có sự tham gia của Hội đồng định giá cấp xã, cộng đồng hoặc tổ nhóm dân cư (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nội dung quy định tại dự thảo Luật có tính chất áp dụng chung, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng vay. Việc định giá TSBĐ sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự và các văn bản có liên quan về định giá tài sản mà không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật các TCTD.

7.8. Có ý kiến đề nghị bổ sung điều khoản quy định về việc xử lý tín dụng trong trường hợp thiên tai rủi ro hay các trường hợp đặc biệt khoản nợ xấu khó đòi và điều khoản xử lý các khoản nợ trong trường hợp bất khả kháng, đặc biệt, liên quan đến nhóm đối tượng của vùng khó khăn, đối tượng người nghèo hiện chỉ có Ngân hàng Chính sách Xã hội được Nhà nước tài trợ có điều khoản quy

định liên quan vấn đề này nên để các TCTD khác tham gia nhiều hơn trong quá trình này phải có điều khoản quy định áp dụng chung (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định đối với khoản nợ xấu của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, TCTD phải xem xét gia hạn nợ, giảm lãi suất nếu nguyên nhân vỡ nợ do thiên tai, dịch bệnh hoặc rủi ro khách quan. Trường hợp TSBĐ là đất ở, nhà ở duy nhất, đề nghị báo cáo NHNN quyết định đối với khoản vay đặc biệt này để áp dụng lãi suất bằng 0% (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Về sự tham gia của các ngân hàng:

Xét về tính chất hoạt động, khoản 1 Điều 16 Luật các TCTD quy định ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước. Xét về nguồn vốn, Điều 18 Luật các TCTD quy định “vốn điều lệ của ngân hàng chính sách do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác”. Xét về bảo đảm hoạt động, Điều 23 Luật các TCTD quy định “ngân hàng chính sách được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán; được cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định của pháp luật; Ngân hàng chính sách không phải thực hiện dự trữ bắt buộc, không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Trong khi đó, khoản 23 Điều 4 Luật các TCTD quy định ngân hàng thương mại hoạt động nhằm mục tiêu lợi nhuận. Đồng thời Điều 144 Luật các TCTD quy định vốn của TCTD bao gồm vốn huy động.

Do vậy, hoạt động, vai trò của NHCS và các NHTM là không hoàn toàn giống nhau. Hoạt động của các NHTM thực hiện theo nguyên tắc tự chủ quy định tại Điều 7 Luật các TCTD, việc tham gia cấp tín dụng cho nhóm các đối tượng khách hàng ở vùng có điều kiện khó khăn, khách hàng là người nghèo thuộc quyền tự chủ của các ngân hàng thương mại.

Hiện nay, Nhà nước, Chính phủ đang có các chương trình hỗ trợ các đối tượng vùng khó khăn, đối tượng người nghèo như chính sách tín dụng ưu đãi, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021-2025 đang được thực hiện theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26

tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

(ii) Về đề xuất giảm lãi suất nếu nguyên nhân vỡ nợ do thiên tai, dịch bệnh hoặc rủi ro khách quan

Để xử lý các khoản nợ do thiên tai, dịch bệnh, các rủi ro mang tính khách quan, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để xử lý, cụ thể:

- Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn quy định thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ được thực hiện đến hết ngày 30/6/2024

- Thông tư 06/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn tiếp tục kéo dài thêm 6 tháng thời gian cơ cấu thời hạn trả nợ cho khách hàng

- Các Thông tư về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN)

- Ngoài ra, trong năm 2024, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 53/2024/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3 nhằm để hỗ trợ các khách hàng bị ảnh hưởng bởi bão Yagi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến hết năm 2025.

Đồng thời, nhằm hỗ trợ tín dụng cho đồng bào dân tộc thiểu số, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

Do vậy, không cần thiết bổ sung nội dung đối với khoản nợ xấu của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, tổ chức tín dụng phải xem xét gia hạn nợ, giảm lãi suất nếu nguyên nhân vỡ nợ do thiên tai, dịch bệnh hoặc rủi ro khách quan.

(iii) Ngoài ra, khoản 3 Điều 24 Luật NHNN quy định NHNN không cho vay đối với cá nhân, tổ chức không phải là TCTD. Do vậy, không áp dụng việc cho vay đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, việc cho vay và xử lý rủi ro của đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành đã báo cáo đại biểu Quốc hội.

7.9. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, rà soát và cân nhắc điều chỉnh phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật theo hướng mở rộng nhằm kịp thời bổ sung, xử lý các vướng mắc pháp lý phát sinh trên thực tế, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, góp phần tăng cường hiệu quả thực thi phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại và thực tiễn hoạt động của ngân hàng (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Chính phủ xin báo cáo, bổ sung thông tin như sau:

i) Thống nhất quan điểm của đại biểu Quốc hội về việc cần phải hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đồng bộ để không chỉ xử lý nợ xấu mà còn cơ cấu lại hệ thống TCTD như định hướng đột phá, chiến lược cho giai đoạn 2021-2025 đã được nêu tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Việc hoàn thiện pháp luật về xử lý nợ xấu phải đi đôi, gắn liền với hoàn thiện pháp luật về hoạt động ngân hàng, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ngân hàng.

ii) Tại phiên khai mạc Kỳ họp Quốc hội để thể chế hóa Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII, Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, cần vừa làm vừa rút kinh nghiệm; không nóng vội, nhưng cũng không cầu toàn, để mất thời cơ;...

Do vậy, trên cơ sở hoạt động tổng kết, khảo sát thực tiễn, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đánh giá tác động chính sách, lựa chọn chính sách cũng như nghiêm túc tiếp thu ý kiến của các đối tượng chịu tác động, cơ quan chủ trì đề xuất xử lý các vấn đề đang cản trở công tác xử lý nợ xấu, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc khơi thông mọi nguồn lực kinh tế tư nhân cũng như xử lý vấn đề thực tiễn liên quan đến việc quyết định cho vay đặc biệt, tránh xảy ra nguy cơ đổ vỡ của hệ thống các TCTD.

iii) Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của NHNN để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhằm góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, bảo đảm hoạt động của các TCTD hiệu quả hơn và hạn chế tình trạng nợ xấu.

7.10. Có ý kiến cho rằng Điều 200 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định TCTD được quyền xử lý dự án bất động sản, tuy nhiên, hiện nay không

có quy định về trình tự, thủ tục xử lý nên các TCTD không triển khai được trên thực tế, do đó, đề nghị Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục chuyển nhượng dự án bất động sản, một phần dự án bất động sản trong trường hợp TCTD xử lý TSBĐ (02 ý kiến). Một số ý kiến cho rằng việc chuyển nhượng dự án bất động sản là TSBĐ là điểm nghẽn rất lớn do thiếu văn bản hướng dẫn và sự phối hợp liên ngành còn chồng chéo; do đó đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển nhượng TSBĐ tại Điều 200 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (02 ý kiến) với các nội dung sau: (1) Bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn thủ tục chuyển quyền sở hữu và quyền sử dụng tài sản cho bên mua hoặc bên nhận chuyển nhượng TSBĐ của khoản nợ xấu vì hiện nay, đối với TSBĐ do ngân hàng thu giữ hoặc nhận bàn giao, ngân hàng là chủ sở hữu tài sản, tuy nhiên, việc sang tên và chuyển nhượng cho người mua chưa được hướng dẫn chi tiết và cụ thể theo từng loại TSBĐ (02 ý kiến); (2) Bổ sung quy định về trách nhiệm của các bộ, nhất là Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc hướng dẫn đăng ký biến động đất đai khi TCTD nắm giữ TSBĐ để xử lý nợ (01 ý kiến); (3) Bổ sung quy định theo hướng việc chuyển nhượng dự án bất động sản là TSBĐ có hiệu lực pháp lý ngay khi TCTD thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nhượng theo hợp đồng và theo quy định của Luật này, không phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn của pháp luật chuyên ngành khác. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm phối hợp và thời hạn giải quyết thủ tục của các bên liên quan nhằm tránh tình trạng trì hoãn kéo dài, gây thiệt hại cho các TCTD và cản trở việc xử lý nợ xấu (01 ý kiến)

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nội dung này không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát đề trình cấp thẩm quyền ban hành quy định hướng dẫn (nếu cần) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

7.11. Có ý kiến đề nghị phải có cơ chế liên thông cung cấp thông tin cho TCTD và các cơ quan, đơn vị để nắm được các thông tin liên quan đến việc xác định các TSBĐ khi thế chấp và xử lý (01 ý kiến).

Chính phủ tiếp thu và sẽ trao đổi thêm với các cơ quan có liên quan về nội dung này.

7.12. Có ý kiến cho rằng cần thận trọng phân tích, đánh giá chính sách, tránh dẫn đến cách hiểu do không xử lý được TSBĐ dẫn đến vấn đề nợ quá hạn, nợ xấu (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Chính phủ xin làm rõ thêm nội dung sau:

Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh gắn với rủi ro, việc phát sinh nợ xấu là điều không thể tránh khỏi. Xử lý nợ xấu là công việc thường xuyên, tạo sự luân chuyển vốn thuận lợi cho phát triển kinh tế. Trên thực tế, nợ xấu có thể phát sinh do các nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan.

Việc không xử lý được TSBĐ chỉ dẫn đến việc nợ xấu không được xử lý, không phải là nguyên nhân dẫn đến việc phát sinh nợ xấu. Nói cách khác, việc không xử lý được TSBĐ dẫn đến hệ quả là không xử lý được nợ xấu.

7.13. Có ý kiến đề nghị Chính phủ, Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, thiết kế thêm các điều khoản để bảo vệ bên cho vay, tránh sai sót, dẫn đến bên bảo đảm khởi kiện (01 ý kiến).

Đề nghị thiết kế một khoản ưu tiên mức độ xử lý TSBĐ của TCTD là cao nhất. Đồng thời, khi ngân hàng đã phát mãi tài sản thì thủ tục triển khai tại các cơ quan phối hợp (ví dụ như cơ quan tài nguyên v.v...) đang có những khó khăn, vướng mắc (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

(i) Theo nghiên cứu của Ngân hàng Liên minh châu Âu, trong quan hệ tín dụng, ngân hàng cũng là đối tượng chịu ảnh hưởng của sự bất đối xứng về mặt thông tin do không phải lúc nào các thông tin về khách hàng (như lịch sử/ý thức thanh toán các hóa đơn bán lẻ, năng lực tài chính, mục đích thực sự của việc sử dụng vốn vay, khả năng quản lý tiền vay,...) cũng sẵn có để có thể đánh giá đầy đủ, chính xác khả năng trả nợ vay²⁰.

Do vậy, bên cho vay và bên đi vay đều cần được nhìn nhận trên phương diện bình đẳng. Nguyên tắc này cũng đã được ghi nhận tại khoản 1 Điều 3 Bộ luật Dân sự, theo đó, “*mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản*”. Đồng thời, khoản 2, 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự quy định: “2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng; 3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”.

²⁰ Xem tại <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1829.en.pdf>

Để đảm bảo nguyên tắc trên được thực thi, dự thảo Luật đã có các quy định nhằm cân bằng quyền và lợi ích giữa bên bảo đảm và bên được bảo đảm.

Theo đó, *đối với bên bảo đảm*, do việc không thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm có thể dẫn đến hệ quả pháp lý là xử lý TSBĐ nên dự thảo Luật yêu cầu các bên phải có sự thỏa thuận của bên bảo đảm về việc đồng ý cho bên nhận bảo đảm thu giữ TSBĐ. Điều này thể hiện ý chí của bên bảo đảm về các hệ quả có thể xảy ra đối với quyền tài sản của mình.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng quy định việc bên thu giữ TSBĐ thực hiện công khai thông tin về thu giữ TSBĐ. Quy định này nhằm bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của bên bảo đảm cũng như bên thứ ba về việc thu giữ TSBĐ theo thỏa thuận đã được bên bảo đảm đồng ý trước đó. Quy định này cũng đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 25 Hiến pháp 2013 về quyền tiếp cận thông tin.

Đối với bên nhận bảo đảm, để được thu giữ TSBĐ, bên nhận bảo đảm phải thực hiện các trình tự, thủ tục nhất định, trong đó bao gồm công khai thông tin về thu giữ TSBĐ như đã đề cập ở trên. Đồng thời, để tránh việc lạm quyền, khoản 6, 7 Điều 198a dự thảo Luật cũng quy định bên thu giữ TSBĐ không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội và phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm quy định tại khoản 6 Điều này.

Về ưu tiên mức độ xử lý TSBĐ của TCTD là cao nhất: Chính phủ xin báo cáo thêm, Điều 199 Luật các TCTD 2024 đã quy định thứ tự ưu tiên thanh toán, cụ thể:

“1. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được phân chia theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Chi phí bảo quản tài sản bảo đảm;
- b) Chi phí thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm;
- c) Án phí của bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm;
- d) Khoản thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm đó gồm thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ;
- đ) Nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ;
- e) Nghĩa vụ khác không có bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

(ii) Tuy nhiên, dự thảo Luật chỉ quy định quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu. Việc xử lý TSBĐ cũng như đăng ký biến động, đăng ký quyền sở hữu được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

7.14. Có ý kiến cho rằng pháp luật hiện nay không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục chi trả tiền gửi khi khách hàng qua đời, đề nghị phải có hướng dẫn cụ thể hơn cho vấn đề này (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nội dung này không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì sẽ tiếp tục rà soát các nội dung quy định có liên quan theo yêu cầu của đại biểu Quốc hội.

7.15. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu trường hợp doanh nghiệp khi vay vốn ngân hàng đã thế chấp các tài sản trên đất; trong trường hợp vay dài hạn thì tài sản có biến động (ngoài tài sản đã được kê biên, doanh nghiệp có thể xây dựng thêm những tài sản khác trên đất), khi thi hành án đã phát mại tài sản, thu tiền trả lại ngân hàng và tài sản này được một tổ chức khác trúng đấu giá nhưng quyền sử dụng đất của doanh nghiệp cũ không bị thu hồi, dẫn đến không thể giao đất cho doanh nghiệp trúng đấu giá, gây vướng mắc trong thực tiễn (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nội dung này không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ rà soát các nội dung quy định có liên quan.

7.16. Một số ý kiến cho rằng theo quy định của Luật Quản lý thuế và văn bản hướng dẫn, trường hợp TSBĐ là tiền trên tài khoản hoặc tiền gửi tiết kiệm vẫn có thể bị cơ quan thuế yêu cầu phải trích chuyển để thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, do đó, đề nghị bổ sung quy định TSBĐ của khoản nợ xấu không bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (01 ý kiến).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ xin báo cáo thêm như sau:

Theo quy định của pháp luật, việc nhận TSBĐ đã trao cho bên nhận bảo đảm quyền ưu tiên cho chủ nợ có bảo đảm so với chủ nợ không có bảo đảm.

Theo quy định của Luật Các TCTD năm 2024, Luật Thi hành án dân sự thì quyền của chủ nợ có bảo đảm (TCTD) được ưu tiên thanh toán so với các nghĩa vụ khác không có bảo đảm, kể cả nghĩa vụ thuế. Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ tiếp tục phối hợp cùng các cơ quan của Quốc hội, Bộ Tư pháp để nghiên cứu rà soát và hoàn thiện dự thảo Luật.

7.17. Một số ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được bán đấu giá để thi hành bản án, quyết định của Tòa án không áp dụng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Đất đai năm 2024 (04 ý kiến). Một số ý kiến cho rằng hiện nay có trường hợp một số Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố yêu cầu điều kiện bán tài sản thi hành án gắn liền với đất cần phải đăng ký theo yêu cầu của chủ tài sản theo khoản 1 Điều 46 Luật Đất đai năm 2024, tuy nhiên, khi phát sinh nợ xấu, chủ sở hữu không đủ tiềm lực tài chính, thậm chí không có thiện chí để thực hiện việc đăng ký theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, dẫn đến tài sản không thể bán đấu giá, phát mại để xử lý thu hồi nợ, ảnh hưởng đến việc thi hành bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức thi hành án (người được thi hành án) (03 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất khi xử lý TSBĐ của TCTD (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau, nội dung này không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ rà soát các nội dung quy định có liên quan.

7.18. Khi khách hàng không có đủ điều kiện để trả lãi và vốn cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền phát mãi tài sản vì đã có hợp đồng thỏa thuận về việc đảm bảo tài sản. Cho nên, dù trong bất cứ trường hợp nào thì phải ưu tiên đối với các tổ chức tín dụng về thực hiện xử lý tài sản đảm bảo của khách hàng đối với các trường hợp vay. Tuy nhiên, nếu cán bộ tín dụng có tiêu cực (ví dụ trong khâu thẩm định cho vay) thì phải xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc ưu tiên các TCTD là hợp lý, tuy nhiên, trong một số trường hợp, trách nhiệm thuộc về tổ chức tín dụng cán bộ tín dụng (01 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu và giải trình như sau:

Tùy vào mức độ và hành vi sai phạm, nhân viên ngân hàng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; bồi thường thiệt hại; trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm dân sự thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 206 Bộ luật Hình sự 2015 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định tội vi phạm quy

định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Trên thực tế, cơ quan quản lý quản lý tổ chức và hoạt động của TCTD, trong đó có hoạt động cấp tín dụng bằng công cụ pháp luật và thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân được cấp tín dụng.

Để quản lý nợ xấu phát sinh do các nguyên nhân chủ quan từ phía các TCTD, Luật các TCTD đã quy định về trách nhiệm tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng; cũng như quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính và trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định về trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó bao gồm việc thỏa thuận với khách hàng về mức cho vay căn cứ vào phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của tổ chức tín dụng; khi thực hiện vay, TCTD có trách nhiệm thực hiện phân loại, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định

Bên cạnh đó, cơ quan quản lý cũng đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, trong đó quy định về vi phạm quy định về cấp tín dụng như vi phạm do không kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định, cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, vi phạm giới hạn cấp tín dụng;... Hiện nay, NHNN đang rà soát để sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành cũng như tăng tính răn đe để hạn chế các hành vi vi phạm của các TCTD cũng như khách hàng sử dụng dịch vụ của các TCTD.

Đồng thời, cơ quan quản lý cũng thường xuyên có các văn bản chỉ đạo, điều hành, đề cao công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm pháp luật đi đôi với việc tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lạm quyền, thiếu trách nhiệm.

7.19. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định khuyến khích phát triển thị trường mua bán nợ, hình thành các quỹ đầu tư vào nợ xấu và đơn giản hóa thủ

tục mua bán nợ quy mô lớn nhằm hoàn thiện hệ sinh thái xử lý nợ xấu theo cơ chế thị trường (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Để phát triển thị trường mua bán nợ thì cần có những bước chuẩn bị về cơ sở hạ tầng cũng như kiến trúc thượng tầng phù hợp; trong đó cần có sự phối hợp, chuẩn bị kỹ lưỡng, đánh giá tác động, cũng như nghiên cứu kinh nghiệm, bài học quốc tế.

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo NHNN phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đề ra soát, nghiên cứu về vấn đề này.

7.20. Có ý kiến cho rằng về nội dung liên quan đến quyền sở hữu chéo, đề nghị bổ sung nghĩa vụ chứng minh chủ sở hữu thực sự tại Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; quy định chế tài nghiêm khắc nếu việc sở hữu chéo có tình trạng cố tình che giấu thông tin bao gồm tước quyền biểu quyết buộc thoái vốn và xử lý theo quy định của pháp luật; nếu không kiểm soát được việc sở hữu chéo, ủy quyền, rủi ro thao túng vẫn sẽ tiếp tục tiếp diễn (01 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc bổ sung cơ chế cho NHNN định kỳ rà soát và điều chỉnh linh hoạt giới hạn sở hữu cổ phần phù hợp với diễn biến thực tiễn nhằm tăng tính chủ động trong giám sát các hoạt động có liên quan về sở hữu cổ phần (01 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau: Nội dung này không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì sẽ rà soát các nội dung quy định có liên quan và sẽ nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý (nếu cần thiết).

7.21. Đề nghị làm rõ về khái niệm; phân loại và quy định rõ phạm vi hoạt động; quy định khung trong điều kiện, tiêu chuẩn hoạt động như vốn điều lệ; quy trình hoạt động như mua, bán nợ, thu giữ tài sản bảo đảm và xử lý tranh chấp của tổ chức mua bán, xử lý nợ; trách nhiệm của tổ chức tín dụng đối với khách hàng có tài sản bảo đảm, các bên liên quan; cơ chế phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức thi hành án, các tổ chức tài chính khác, cơ chế kiểm tra, giám sát đặc biệt nhằm đảm bảo hiệu lực quản lý hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro hệ thống, tăng tính minh bạch, phòng, chống lợi ích nhóm, bảo vệ lợi ích các bên liên quan và đảm bảo gắn với yêu cầu ổn định, phát triển lành mạnh thị trường tài chính ngân hàng.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

(i) Về phân loại và quy định rõ phạm vi hoạt động; quy định khung trong điều kiện, tiêu chuẩn hoạt động như vốn điều lệ

Hiện nay, Luật các TCTD cũng như các văn bản hướng dẫn của Thống đốc NHNN đã quy định đầy đủ về phạm vi hoạt động ngân hàng tại Chương V Luật các TCTD; Thông tư số 61/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng; Thông tư số 20/2024/TT-NHNN ngày 28/4/2024 của Thống đốc NHNN quy định về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc NHNN quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng; ... đảm bảo tiệm cận với thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện phát triển của thị trường ngân hàng tại Việt Nam.

Liên quan đến vấn đề tài chính, Chương VIII Luật các TCTD đã quy định về Tài chính, hạch toán, báo cáo. Trong đó, quy định vốn và sử dụng vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hiện nay, Chính phủ đang hoàn thiện dự thảo quy định chi tiết chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(ii) Về quy trình hoạt động như mua, bán nợ, thu giữ tài sản bảo đảm và xử lý tranh chấp của tổ chức mua bán, xử lý nợ

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan chủ trì đã rà soát và nhận thấy, dự thảo Luật đã quy định quyền, nghĩa vụ của các bên, đặc biệt TCTD chỉ được thu giữ khi có các điều kiện quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật. Việc thu giữ chỉ được thực hiện sau khi TCTD đã thực hiện trách nhiệm công khai thông tin theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật. Khi thực hiện thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội (khoản 6 Điều 198a dự thảo Luật).

Dự thảo Luật đã quy định đầy đủ về điều kiện thu giữ, trình tự, thủ tục công khai thông tin thu giữ TSBD cũng như vai trò của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thu giữ. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc thu giữ TSBD chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBD của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBD theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBD đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

Thứ hai, quy định về thu giữ TSBD không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh

bach, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan.

Thứ ba, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của TCTD bán nợ; TCTD được chuyển giao bắt buộc được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho TCTD nhận chuyển giao bắt buộc hoặc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc. Đồng thời, TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm.

Đồng thời, quy định về yêu cầu công khai thông tin tại dự thảo Luật chỉ yêu cầu công khai thông tin về TSBĐ mà không có nội dung công khai về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của bên bảo đảm, đảm bảo các quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình,... của bên bảo đảm không bị vi phạm.

(iii) Về trách nhiệm của tổ chức tín dụng đối với khách hàng có tài sản bảo đảm, các bên liên quan

- Dự thảo Luật quy định trách nhiệm của TCTD trong việc thực hiện công khai thông tin – một trong những điều kiện để TCTD được thực hiện quyền thu giữ TSBĐ.

- Ngoài ra, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của TCTD bán nợ; TCTD được chuyển giao bắt buộc được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho TCTD nhận chuyển giao bắt buộc hoặc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc. Đồng thời, TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm.

Đồng thời, khoản 7 Điều 198a dự thảo Luật đã có quy định về trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng quy định nội bộ về thực hiện thu giữ TSBĐ, bao gồm việc thực

hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản 6 Điều 198a dự thảo Luật.

(iv) Về cơ chế phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức thi hành án, các tổ chức tài chính khác, cơ chế kiểm tra, giám sát đặc biệt nhằm đảm bảo hiệu lực quản lý hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro hệ thống, tăng tính minh bạch, phòng, chống lợi ích nhóm, bảo vệ lợi ích các bên liên quan và đảm bảo gắn với yêu cầu ổn định, phát triển lành mạnh thị trường tài chính ngân hàng

Chính phủ tiếp thu và sẽ trao đổi thêm với các cơ quan có liên quan về nội dung này.

7.22. Có ý kiến đề nghị rà soát những vấn đề phát sinh trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm những vấn đề nằm ở nghị định, thông tư để sửa đổi, bổ sung phù hợp, ví dụ như quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN và quy định về nhu cầu vốn không được cho vay theo Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (TCTD không cho vay để trả nợ khoản vay đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ) (01 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu toàn diện những khó khăn, bất cập trong hoạt động của các TCTD, các tổ chức khác có liên quan đến hoạt động tín dụng, ngân hàng để tổng kết, đánh giá và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng, bảo đảm hoạt động của các TCTD hiệu quả hơn, hạn chế nợ xấu hoặc xóa bỏ tình trạng nợ xấu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước nhằm thể chế hóa các văn bản chỉ đạo của Đảng, bảo đảm không chỉ có việc hoàn thiện khung khổ pháp lý về xử lý nợ xấu mà còn phải cơ cấu lại các TCTD, xử lý nhanh, dứt điểm nợ xấu, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số..., cụ thể: (1) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cụ thể hơn các quy định về quản trị rủi ro (áp dụng chuẩn theo thông lệ quốc tế); quy định cụ thể về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành để bảo đảm minh bạch, tránh xung đột; quy định cụ thể về hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập tại các TCTD; bổ sung quy định áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào hoạt động của các TCTD bảo đảm hoạt động hiệu quả và an toàn hệ thống; (2) Nghiên cứu bổ sung quy định để nâng cao quyền hạn của NHNN, tăng cường vai trò giám sát của NHNN để can thiệp sớm đối với các TCTD có dấu hiệu mất an toàn; bổ sung cơ chế giám sát từ xa và giám sát tại chỗ (quyền truy cập dữ liệu); (3) Hoàn thiện hơn khung pháp lý về xử lý TCTD yếu kém, hoạt động không hiệu quả, xây dựng các phương án xử lý như: chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc chuyển đổi mô hình hoạt động của các TCTD; (4) Nghiên cứu bổ sung quy định về ngân hàng số (không phải là ngân hàng truyền thống

có dịch vụ số) để hỗ trợ đổi mới sáng tạo, đây là quy định rất cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam và trên toàn cầu (01 ý kiến).

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

(i) Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) là văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh chung đối với hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Điều 19 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là việc TCTD xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng. Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ...”.

Quy định trên được quy định phù hợp với khoản 2 Điều 95 Luật các TCTD 2010/2017, theo đó, “...Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”. Ngoài ra, để hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng, Thống đốc NHNN cũng ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Thông tư số 02/2023/TT-NHNN chỉ áp dụng đối với phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày Thông tư này có hiệu lực (24/4/2023) đến hết ngày 31/12/2024. Do vậy, các nội dung cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ đối với các khoản nợ đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-NHNN thì sẽ được áp dụng theo quy định tại Thông tư này. Các nội dung liên quan đến cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan²¹.

²¹ Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-NHNN

(ii) Liên quan đến đề nghị rà soát lại những vấn đề có thể hiện nay chưa bắt cập nhưng sẽ phát sinh trong thời gian tới để xem xét, Chính phủ thống nhất ý kiến với đại biểu Quốc hội nhằm xây dựng khuôn khổ pháp lý đồng bộ, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con só”, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước”.

Tuy nhiên, tại phiên khai mạc Kỳ họp Quốc hội để thể chế hóa Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII, Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, *cần vừa làm vừa rút kinh nghiệm; không nóng vội, nhưng cũng không cầu toàn, để mất thời cơ,...*

Do vậy, trên cơ sở hoạt động tổng kết, khảo sát thực tiễn, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đánh giá tác động chính sách, lựa chọn chính sách cũng như nghiêm túc tiếp thu ý kiến của các đối tượng chịu tác động, cơ quan trình đề xuất xử lý các vấn đề đang cản trở công tác xử lý nợ xấu, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc khơi thông mọi nguồn lực kinh tế tư nhân cũng như xử lý vấn đề thực tiễn liên quan đến việc quyết định cho vay đặc biệt, tránh xảy ra nguy cơ đổ vỡ của hệ thống các TCTD.

Trong quá trình xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật Các TCTD 2024, Chính phủ đã thực hiện việc rà soát, đánh giá những khó khăn, bất cập trong hoạt động của TCTD để hoàn thiện cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của TCTD. Tuy nhiên, sau khi Luật Các TCTD 2024 được thông qua, tại các Hội nghị, các doanh nghiệp, các TCTD tiếp tục phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong xử lý nợ xấu, giảm chi phí lãi vay cho khách hàng.

Do vậy, Chính phủ đã chỉ đạo NHNN tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất luật hóa 03 nội dung còn lại của Nghị quyết 42/2017/QH14 để tiếp tục hoàn thiện quy định về xử lý nợ xấu, tháo gỡ điểm nghẽn, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho khách hàng cũng như đẩy mạnh xử lý nợ xấu để giảm chi phí hoạt động của TCTD, tăng cường năng lực tài chính, lành mạnh hoạt động của TCTD.

(iii) Về việc rà soát các quy định để đảm bảo phù hợp với Luật các TCTD 2024

Luật các TCTD 2024 đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 18/01/2024. Sau khi Luật các TCTD 2024 được thông qua, NHNN đã phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan để rà soát, trình Chính phủ ban hành 04 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và ban hành theo

thẩm quyền 42 Thông tư để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật các TCTD 2024.

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan chủ trì tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của NHNN để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhằm góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, bảo đảm hoạt động của các TCTD hiệu quả hơn và hạn chế tình trạng nợ xấu.

PHẦN II. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH BÁO CÁO THẨM TRA CỦA ỦY BAN KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH CỦA QUỐC HỘI VỀ DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Về sự cần thiết ban hành Luật

Ủy ban KTTC nhận thấy dự án Luật được xây dựng nhằm phân cấp thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm (TSBĐ) từ Thủ tướng Chính phủ sang Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (sau đây gọi là Nghị quyết số 42) bao gồm: (1) Quy định về quyền thu giữ TSBĐ; (2) Quy định về kê biên tài sản của người phải thi hành án đang được sử dụng làm TSBĐ cho khoản nợ xấu; (3) Quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự; bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính.

Về cơ sở chính trị, các chính sách được đề xuất trong dự án Luật nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng về hỗ trợ tiến trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng (TCTD) và xử lý nợ xấu, đáp ứng yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới³ và Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật. Ngày 16/5/2025, cấp có thẩm quyền đã cho ý kiến đồng ý về chủ trương các kiến nghị của Đảng ủy NHNN tại Tờ trình số 04-TTr/ĐUNHNN ngày 29/4/2025 về việc xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng.

Về cơ sở pháp lý, các nghị quyết của Quốc hội đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Nghị quyết số 42 đã được thí điểm thực hiện gần 07 năm (từ ngày 15/8/2017 đến hết ngày 31/12/2023) và chứng minh hiệu quả xử lý nợ xấu và TSBĐ của khoản nợ xấu. Theo Báo cáo số

443/BC-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ tiếp thu, giải trình kết luận của UBTWQH và Báo cáo thẩm tra sơ bộ của Ủy ban KTTC về dự án Luật (sau đây gọi là Báo cáo số 443), hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh có rủi ro cao, việc phát sinh nợ xấu và xử lý nợ xấu là thường xuyên, không thể tránh khỏi; các chính sách được đề xuất cần được áp dụng ổn định, lâu dài, bằng văn bản luật, tương tự như các nội dung khác của Nghị quyết số 42 đã được luật hóa tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Việc xây dựng dự án Luật để luật hóa 03 chính sách của Nghị quyết số 42 bảo đảm nguyên tắc được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025: “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền....” (khoản 1 Điều 8).

Về cơ sở thực tiễn, theo Báo cáo số 443 của Chính phủ, trong bối cảnh nợ xấu của hệ thống các TCTD ở mức cao trong suốt thời gian qua và có xu hướng gia tăng, việc luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42 sẽ nâng cao hiệu quả xử lý nợ xấu và khơi thông nguồn lực tín dụng phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trở lên trong năm 2025, tạo tiền đề tăng trưởng hai con số trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, việc phân cấp thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ sẽ giúp giảm bớt thời gian, nâng cao tính kịp thời của việc cho vay đặc biệt đối với TCTD trong một số trường hợp khẩn cấp Báo cáo của Chính phủ nêu rõ việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm chỉ được thực hiện khi TCTD rơi vào tình trạng rất khó khăn về thanh khoản do bị khách hàng rút tiền hàng loạt hoặc để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc với mục tiêu bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, giữ vững an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia, ổn định, trật tự, an toàn xã hội hoặc hỗ trợ thực hiện các phương án cơ cấu lại TCTD đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trên thực tế đã có một số khoản cho vay đặc biệt của NHNN có mức lãi suất khác 0%/năm, tuy nhiên, để hỗ trợ việc cơ cấu lại các TCTD, khi phê duyệt các phương án chuyển giao bắt buộc, Chính phủ đều đã chấp thuận miễn các khoản lãi vay đã phát sinh và điều chỉnh, không tính lãi vay đối với các khoản vay đặc biệt trong thời gian thực hiện phương án.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, Ủy ban KTTC tán thành sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Về thời gian trình, hồ sơ dự án Luật, trình tự, thủ tục xây dựng chính sách, soạn thảo Luật, ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

2.1. Về thời gian trình, ngày 16/5/2025, Chính phủ có Tờ trình số 441/TTr-CP gửi Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng. Như vậy, thời gian trình hồ sơ là chậm, chưa đáp ứng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025²².

Chính phủ xin được báo cáo, giải trình như sau:

Trước những yêu cầu cấp bách để thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng mới được ban hành, để tiếp tục hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra và để đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình phát triển bứt phá, giàu mạnh, hùng cường dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD theo trình tự, thủ tục rút gọn và thông qua tại 01 kỳ họp.

Đề xuất này đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại Thông báo số 1346/TB-VPQH ngày 28/4/2025 về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD.

Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, quy trình rút gọn cho phép việc trình đề ban hành luật ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm.

2.2. Về hồ sơ dự án Luật, Ủy ban KTTC nhận thấy hồ sơ dự án Luật cơ bản đáp ứng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

Về trình tự, thủ tục xây dựng chính sách, soạn thảo Luật, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025¹², trên cơ sở đề xuất của Chính phủ và Kết luận của UBTVQH tại Phiên họp thứ 44, Ủy ban KTTC tán thành việc trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến và thông qua dự án Luật tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) theo quy trình 01 kỳ họp với trình tự, thủ tục rút gọn.

Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản, Ủy ban KTTC đề nghị rà soát dự thảo Luật, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của UBTVQH quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, UBTVQH, Chủ tịch nước.

Chính phủ tiếp thu và rà soát hồ sơ dự án Luật để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14.

²² Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đối với dự án trình Quốc hội thì chậm nhất là 45 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, cơ quan trình phải gửi hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra để tiến hành thẩm tra

3. Về sự phù hợp của dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Luật để phù hợp với các chủ trương, quan điểm cụ thể tại các nghị quyết, kết luận, quy định của cấp có thẩm quyền²³; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật, đặc biệt là các quy định về quyền công dân, quyền tài sản, không xung đột với nguyên tắc và bản chất của hệ thống pháp luật dân sự; không trái với các điều ước quốc tế có liên quan, phân tích kỹ và nhận diện các trường hợp có thể gây phân biệt đối xử hoặc khả năng phát sinh tranh chấp quốc tế trong thực tiễn (nếu có). Các quy định phải bảo đảm đầy đủ, minh bạch, khách quan, nhân văn, khả thi, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, tránh hành chính hóa quan hệ dân sự, kinh tế.

Chính phủ xin được báo cáo, giải trình như sau:

- Về việc rà soát, hoàn thiện dự thảo Luật để phù hợp với các chủ trương, quan điểm cụ thể tại các nghị quyết, kết luận, quy định của cấp có thẩm quyền:

Tại Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, NHNN đã khẳng định nội dung chính sách đã phù hợp với các chủ trương, chính sách của Đảng, cụ thể như sau:

Trên tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện rà soát các Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW để bổ sung cơ sở cho việc luật hóa 03 chính sách của Nghị quyết số 42/2017/QH14 do 3 Nghị quyết trên là

²³ Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân...

3 trong số “Bộ tứ trụ cột” để giúp Việt Nam cất cánh. Cụ thể như sau:

(i) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định “xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước”.

(ii) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó bao gồm rà soát, hoàn thiện và thực thi hiệu quả quy định pháp luật về “bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân” nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý, khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, thực sự trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia.

(iii) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định “phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

Dự thảo Luật đã thể chế hóa đầy đủ các chính sách, đường lối của Đảng tại các Nghị quyết nêu trên.

(iv) Đồng thời, trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp lần thứ 44 (ngày 24/4/2025), Ban Thường vụ Đảng ủy NHNN đã có Tờ trình số 03/TTr-ĐUNHNN ngày 26/4/2025 báo cáo Đảng ủy Chính phủ về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD. Tại công văn số 192-CV/ĐU ngày 29/4/2025, Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ đã thông qua dự thảo Tờ trình Bộ Chính trị và giao đồng chí Bí thư Đảng ủy, Thống đốc NHNN hoàn thiện, ký Tờ trình báo cáo Bộ Chính trị.

Đồng chí Bí thư Đảng ủy, Thống đốc NHNN đã ký Tờ trình số 04-TTr/ĐUNHNN ngày 29/4/2025 báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị về xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

Tại văn bản số 14923-CV/VPTW (mật) ngày 20/5/2025, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo về chủ trương luật hóa 3 nội dung còn lại của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm tạo lập khung khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, xử lý

vướng mắc, khó khăn trong việc xử lý nợ cũng như quy định về thẩm quyền cho vay đặc biệt của NHNN.

(v) Về việc bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật; không trái với các điều ước quốc tế có liên quan, phân tích kỹ và nhận diện các trường hợp có thể gây phân biệt đối xử hoặc khả năng phát sinh tranh chấp quốc tế trong thực tiễn:

* Về đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp của dự thảo Luật:

Nội dung dự thảo Luật đã được Bộ Tư pháp thẩm định và không có nội dung vi phạm quy định của Hiến pháp. Chính phủ báo cáo làm rõ thêm như sau:

(i) *Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm*

Hiến pháp 2013, Bộ luật dân sự 2015 đã quy định:

(1) Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật;

(2) Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận;

(3) Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng;

(4) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực

Trong quan hệ tín dụng giữa bên đi vay và bên cho vay thì khi bên đi vay có nhu cầu, bên cho vay đã đưa một khoản tiền cho bên đi vay sử dụng; và bên đi vay đã cam kết hoàn trả lại khoản tiền đó đúng thời hạn đã thỏa thuận. Để bảo đảm cho việc thực hiện cam kết đó, bên đi vay hoặc bên thứ ba thỏa thuận dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay và ký thỏa thuận tự nguyện đồng ý cho bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm nếu không trả được nợ, gồm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng đã có thỏa thuận thì việc thực hiện thu giữ TSBD chính là việc tôn trọng và tuân thủ quy định của hợp đồng, tôn trọng thỏa thuận, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các bên đã giao kết trước đó và cũng nhằm tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội.

Trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận về thu giữ thì TCTD không được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm.

Do đó, việc quy định tại dự thảo Luật về thu giữ tài sản bảo đảm không xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu theo quy định tại Hiến pháp, phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự.

- Ngoài ra, khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Đồng thời, khoản 2, 4 Điều 15 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định “2. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; 4. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”.

Như vậy, ngay cả trong trường hợp Hiến pháp ghi nhận quyền con người, bao gồm quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, quyền có nơi ở hợp pháp, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở,... thì Hiến pháp cũng cho phép luật quy định các nội dung hạn chế việc thực hiện các quyền này vì một số lý do nhất định, bao gồm vì “trật tự, an toàn xã hội”. Một xã hội mà mọi chủ thể thượng tôn Hiến pháp và pháp luật mới có thể được coi là một xã hội có trật tự, an toàn.

Đồng thời, Điều 301 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”. Do đó, việc quy định về thu giữ tài sản bảo đảm để thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm để hoàn trả các nghĩa vụ nợ của khách hàng vay là đảm bảo tính thống nhất với quy định tại Điều 301 Bộ luật dân sự 2015.

(ii) Đối với quy định về kê biên TSBĐ

Quy định tại dự thảo Luật không đi ngược lại Điều 106 Hiến pháp do không tác động đến hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật. Về nguyên tắc, sau khi xử lý TSBĐ và trừ đi các chi phí, giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch (nếu có) phải được trả cho bên bảo đảm để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi đó, bên bảo đảm vẫn có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Phương thức xử lý cũng như thứ tự ưu tiên thanh toán này về cơ bản được thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 90 và khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án Dân sự.

Ngoài ra, về bản chất, mục đích của các giao dịch bảo đảm là để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Trong khi đó, nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở bản án, quyết định có hiệu lực – phát sinh sau thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm và không được bảo đảm bằng TSBĐ. Việc cho phép kê biên TSBĐ để thi hành án đối với trường hợp bên nhận bảo đảm không phải là bên được thi hành án có thể tước đi sự bảo hộ hợp pháp đối với bên cho vay – đã được bên vay/bên bảo đảm đồng thuận trước đó – làm vô hiệu hóa hiệu lực của pháp luật về giao dịch bảo đảm – không tạo ra một cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ. Đề xuất tại dự thảo Luật nhằm bảo vệ quyền hợp pháp của bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là bên được thi hành án.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật quy định một số ngoại lệ (trong trường hợp thi

hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ), TSBĐ khoản nợ xấu vẫn có thể bị kê biên để thi hành án.

Do đó, quy định về kê biên TSBĐ không xung đột với quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Thi hành án dân sự. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của Bộ Tư pháp, dự thảo Luật dự kiến được điều chỉnh nội dung tại Điều 198b theo hướng:

“Tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ bị kê biên, xử lý theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. *Hợp đồng bảo đảm đã được ký kết và phát sinh hiệu lực sau thời điểm bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;*

2. *Thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe;*

3. *Có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.”*

Đồng thời, bổ sung khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật (điều khoản chuyển tiếp) như sau: “*Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã bị kê biên, xử lý theo Điều 90 Luật Thi hành án dân sự trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa xử lý xong thì được tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự để thực hiện.*”

(iii) *Đối với quy định về hoàn trả vật chứng của vụ án hình sự và tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính*

Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó; b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;”.

Như vậy, pháp luật hiện hành *chưa có quy định* về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền xử lý TSBĐ của TCTD (bên nhận bảo đảm) cũng như ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả xử lý nợ xấu của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Dự thảo Luật quy định theo hướng hoàn trả vật chứng theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Như vậy, trong trường hợp bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu không đề nghị thì việc hoàn trả vật chứng được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Ngoài ra, khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “1. Người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo biện pháp ghi trong quyết định xử phạt hoặc *trả lại cho cá nhân, tổ chức nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề....*”.

Đối với trường hợp không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (khổ 1 của khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính), pháp luật chưa có quy định về việc hoàn trả cho bên nhận bảo đảm mà chỉ quy định chung là “trả lại cho cá nhân, tổ chức”.

- Khoản 6 Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Quyền của bên thế chấp: 6. Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.”.

- Khoản 5 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Quyền của bên nhận thế chấp: 5. Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.”.

Như vậy, Bộ luật dân sự năm 2015 đã ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp trong việc yêu cầu bên thế chấp hoặc bên thứ 3 giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc giao tài sản thế chấp của bên thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý.

Tuy nhiên, thực tế cũng ghi nhận trường hợp bên bảo đảm sau khi nhận được tài sản do cơ quan có thẩm quyền hoàn trả, thì đã “tẩu tán” tài sản hoặc không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng xử lý. Cũng có trường hợp, bên bảo đảm cố tình tạo ra các vụ việc vi phạm hành chính nhưng chưa đến mức bị áp dụng hình thức tịch thu phương tiện vi phạm hành chính và khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả phương tiện vi phạm hành chính đó cho bên bảo đảm thì tổ chức tín dụng cũng không thu giữ được tài sản để xử lý.

Do vậy, việc luật hóa quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 về hoàn trả tài sản bảo là vật chứng trong vụ án hình sự cũng như bổ sung quy định về hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành

chính tại Điều 198c nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, để bảo vệ quyền của bên nhận bảo đảm.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 198c như sau: “2. *Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, sau khi chấm dứt việc tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và không thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tịch thu, người ra quyết định tạm giữ trả tang vật, phương tiện theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ;* 3. *Việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi được hoàn trả theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm*”. Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính để có cơ chế xử lý thống nhất nội dung này.

* Về tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật:

Tại Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện rà soát, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật; kết quả rà soát cũng cho thấy nội dung tại dự thảo Luật không liên quan đến các nội dung cam kết về lĩnh vực ngân hàng của Việt Nam tại các điều ước quốc tế. Đồng thời, trong thời gian thực hiện thí điểm Nghị quyết 42/2017/QH14 không ghi nhận các khiếu kiện, tranh chấp quốc tế liên quan đến các nội dung được đề xuất luật hóa.

Bên cạnh đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát kỹ lưỡng, đối chiếu dự thảo Luật với các Luật có liên quan như Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, cũng như Luật Xử lý vi phạm hành chính và xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật như sau:

(i) Về tính tương thích của dự thảo Luật với các quy định tại Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính:

Thứ nhất, về tính tương thích của dự thảo Luật với Luật Thi hành án dân sự:

Điều 90 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “1. *Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản*

của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp *nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án*”.

Về bản chất, mục đích của các giao dịch bảo đảm là để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Trong khi đó, nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở bản án, quyết định có hiệu lực – phát sinh sau thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm và không được bảo đảm bằng TSBĐ. Do vậy, việc cho phép kê biên TSBĐ để thi hành án đối với trường hợp bên nhận bảo đảm không phải là bên được thi hành án có thể tước đi sự bảo hộ hợp pháp đối với bên cho vay – đã được bên vay/bên bảo đảm đồng thuận trước đó – làm vô hiệu hóa hiệu lực của pháp luật về giao dịch bảo đảm, không tạo ra một cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ.

Trong bối cảnh hiện nay, khối lượng công việc ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp, yêu cầu công việc ngày càng cao, trong khi biên chế còn thiếu, phải kiêm nhiệm nhiều, dễ gây ra tình trạng quá tải, tạo áp lực không nhỏ cho Tổng cục THADS trong thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao²⁴. Do vậy, trên cơ sở thống nhất với Bộ Tư pháp, NHNN đề xuất hoàn thiện quy định về kê biên TSBĐ để vừa xử lý được vướng mắc của các TCTD, vừa không ảnh hưởng đến công tác thi hành án dân sự.

Thứ hai, về việc hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với các nội dung chưa được quy định cụ thể tại Bộ Luật Tố tụng hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính:

- Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu *hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó*; b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu *hoặc người quản lý hợp pháp* nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;”.

Như vậy, pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng.

- Khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “1. Người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo biện pháp ghi trong quyết định xử phạt hoặc trả lại *cho cá nhân, tổ chức* nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.....”.

²⁴ Báo cáo số 24/BC-TCTHADS ngày 23/01/2024, Báo cáo số 01/BC-TCTHADS ngày 03/01/2025

Đối với trường hợp không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (khổ 1 của khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính), pháp luật chưa có quy định về việc hoàn trả cho bên nhận bảo đảm mà chỉ quy định chung là “trả lại cho cá nhân, tổ chức”.

- Trong khi đó, Bộ luật dân sự năm 2015 đã ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp trong việc yêu cầu bên thế chấp hoặc bên thứ 3 giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc giao tài sản thế chấp của bên thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý.

Tuy nhiên, thực tế phát sinh trường hợp bên bảo đảm sau khi nhận được tài sản do cơ quan có thẩm quyền hoàn trả, bên bảo đảm đã “tẩu tán” tài sản hoặc không giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm (TCTD) để xử lý. Cũng có trường hợp, bên bảo đảm cố tình tạo ra các vụ việc vi phạm hành chính nhưng chưa đến mức bị áp dụng hình thức tịch thu phương tiện vi phạm hành chính. Khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả phương tiện vi phạm hành chính đó cho bên bảo đảm thì tổ chức tín dụng cũng không thu giữ được tài sản để xử lý.

Do vậy, việc luật hóa quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự cũng như bổ sung quy định về hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính tại Điều 198c nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, “bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được” của bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm.

(ii) Dự thảo Luật không có nội dung liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về vấn đề giải quyết vụ án theo thủ tục, trình tự rút gọn không được luật hóa tại Luật Các TCTD năm 2024, tại Công văn số 200/TANDTC-PC ngày 13/1/2022, Tòa án nhân dân có ý kiến tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tranh chấp liên quan đến hợp đồng tài chính – tín dụng - một trong những lĩnh vực tranh chấp phức tạp, các bên đương sự thường không hợp tác, các tranh chấp thường có số lượng lớn người cùng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì vậy, tòa án thường phải mất nhiều thời gian để xác minh, xem xét, thẩm định... do vậy, khi giải quyết các tranh chấp, Tòa án vẫn phải tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng thông thường trong khoảng thời gian ngắn là gây áp lực về mặt thời gian, không bảo đảm hiệu quả và khó thực thi trong thực tiễn. Ngân hàng Nhà nước nhận thấy việc quy định về thủ tục rút gọn trong giải quyết vụ án dân sự (khoản 1 Điều 317) hay không tiếp tục áp dụng thủ tục rút gọn (khoản 3 Điều 317) cần phải được tiếp cận và giải quyết thấu đáo khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự trong thời gian tới.

(iii) Ngoài ra, hiện nay, Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính đang trong quá trình xây dựng để sửa đổi, bổ sung. Do vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chủ trì xây dựng các Luật trên để rà soát, đảm bảo thống nhất giữa các quy định có liên quan tại các dự thảo Luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đảm bảo đồng bộ thống nhất, góp phần khơi thông nguồn lực đầu tư, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc.

*Về bảo đảm đầy đủ, minh bạch, khách quan, nhân văn, khả thi, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, tránh hành chính hóa quan hệ dân sự, kinh tế:

Điều 198a dự thảo Luật đã quy định đầy đủ về điều kiện thu giữ, trình tự, thủ tục công khai thông tin thu giữ TSBĐ trên cơ sở kế thừa quy định đã được thực hiện có hiệu quả trong gần 07 năm thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14. Bên cạnh đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng tác động (các TCTD, Công ty Quản lý tài sản Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng,...) để đảm bảo tính khả thi, cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung một số hạn chế của Nghị quyết số 42/2017/QH14 về việc công khai thông tin để hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục để thu giữ TSBĐ, cụ thể: (i) Thay thế “hoàn thành” bằng “thực hiện” tại điểm đ khoản 2 Điều 198a dự án Luật (ii) bổ sung nội dung làm rõ cơ quan Công an nơi có TSBĐ là cơ quan Công an cấp xã để đảm bảo phù hợp với tổ chức, bộ máy của cơ quan Công an địa phương sau khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy; (iii) bỏ quy định về việc niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân do việc niêm yết phải do Ủy ban nhân dân thực hiện, TCTD không thể đến yêu cầu niêm yết văn bản thông báo tại Ủy ban nhân dân.; (iv) bổ sung quy định về việc xác định địa chỉ trong trường hợp bên bảo đảm, người giữ TSBĐ (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm để khắc phục được tình trạng kéo dài do không xác định được chỉ của bên nhận thông báo tại thời điểm gửi hoặc địa chỉ của bên nhận thông báo đã thay đổi mà TCTD không nhận được thông báo thay đổi; (v) sửa đổi, bổ sung quy định về việc gửi thông báo khi tiến hành thu giữ TSBĐ là động sản tương tự như bất động sản. Tuy nhiên, do động sản có tính “động”, nên bỏ yêu cầu về thời hạn thực hiện công khai thông tin đối với trường hợp TSBĐ được thu giữ là động sản để đảm bảo phù hợp với tính chất “động” nêu trên. Đồng thời, quy định về yêu cầu công khai thông tin tại dự thảo Luật chỉ yêu cầu công khai thông tin về TSBĐ mà không có nội dung công khai về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của bên bảo đảm. Theo đó, các quyền đã được hiến định như quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình,... của bên bảo đảm vẫn được tôn trọng và bảo vệ.

Việc hoàn thiện các quy định về yêu cầu phải công khai thông tin, thông báo về thực hiện quyền thu giữ TSBĐ tại dự thảo Luật có ý nghĩa là điều kiện tiên quyết, qua đó đảm bảo minh bạch, công khai và là cơ sở để bên có nghĩa vụ được biết về việc thực hiện các nghĩa vụ mà mình đã cam kết, cũng như đảm bảo quyền tiếp cận thông tin theo quy định tại Điều 25 Hiến pháp, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị thu giữ tài sản bảo đảm.

Như vậy, các quy định về trình tự, thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm tại dự thảo Luật đã đảm bảo đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, tránh hành chính hóa quan hệ dân sự, kinh tế.

4. Về việc bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; nguồn tài chính; nguồn nhân lực

Ủy ban KTTC đề nghị rà soát, phân tích kỹ lưỡng, toàn diện tác động của các chính sách được đề xuất đến hoạt động tín dụng, ngân hàng, các bên có liên quan cũng như tới hệ thống pháp luật; làm rõ những tác động bất lợi, tiêu cực có thể phát sinh, ảnh hưởng đến an ninh tài chính, an ninh tiền tệ và an ninh, trật tự, an toàn xã hội (nguy cơ phát sinh khiếu nại, khiếu kiện...) và có phương án xử lý phù hợp, bảo đảm ổn định thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng, không gây ảnh hưởng đến các cân đối vĩ mô và ngân sách nhà nước; đồng thời, nghiên cứu, đánh giá kỹ các nguồn lực, điều kiện thi hành Luật, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn

Chính phủ xin được báo cáo, giải trình như sau:

(i) Về việc đề nghị rà soát, phân tích kỹ lưỡng, toàn diện tác động của các chính sách được đề xuất đến hoạt động tín dụng, ngân hàng, các bên có liên quan cũng như tới hệ thống pháp luật:

Thứ nhất, về tác động của các quy định tại dự thảo Luật đối với hệ thống pháp luật

- Các quy định tại dự thảo Luật phù hợp với Hiến pháp và thống nhất với các Luật hiện hành, góp phần tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ để xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm (TSBĐ) của khoản nợ xấu. Cụ thể, các quy định tại dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc đã được quy định tại Hiến pháp và Bộ Luật Dân sự, bao gồm nguyên tắc “cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận”; “mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”; “cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”.

- Quy định về quyền thu giữ TSBĐ phù hợp với Điều 301 Bộ Luật Dân sự²⁵ do Điều 301 Bộ Luật Dân sự quy định bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết khi người đang giữ tài sản không giao tài sản hoặc thực hiện cách thức khác nếu luật liên quan có quy định khác.

- Quy định về kê biên TSBĐ và hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự, tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính cũng được xây dựng trên cơ sở tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận; tôn trọng các thỏa thuận (bao gồm thỏa thuận về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự) đã có hiệu lực thực hiện đối với các bên được quy định tại Hiến pháp và Bộ Luật Dân sự. Đồng thời, NHNN đã rà soát và tham gia ý kiến đối với các cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung Bộ Luật Tố tụng hình sự và Luật Xử phạt vi phạm hành chính để quy định thống nhất các nội dung có liên quan tại các dự thảo Luật.

- Ngoài ra, nội dung dự thảo Luật cũng đã được Bộ Tư pháp thẩm định và xác định không có nội dung vi phạm quy định của Hiến pháp.

Thứ hai, về tác động của các quy định tại dự thảo Luật đối với kinh tế xã hội

Trường hợp dự thảo Luật được Quốc hội thông qua, các quy định tại dự thảo Luật sẽ có nhiều tác động tích cực đối với kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước. Cụ thể như sau:

Một là, khi quyền lợi của ngân hàng được đảm bảo sẽ khuyến khích ngân hàng có thêm động lực để cho vay, hạ lãi suất cho vay do giảm chi phí khi phải xử lý nợ, xử lý TSBĐ; từ đó, doanh nghiệp và người dân có điều kiện tiếp cận, huy động vốn với lãi suất hợp lý nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Qua nghiên cứu báo cáo của các tổ chức quốc tế, Chính phủ nhận thấy *chủ nợ càng được bảo vệ tốt thì khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng càng cao do:*

Khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng vay thông thường sẽ chịu ảnh hưởng từ việc ngân hàng đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng vay trên cơ sở các thông tin có sẵn cũng như mối quan hệ khách hàng. Tuy nhiên, sự mất đối xứng về mặt thông tin giữa ngân hàng (đối với khả năng và thói quen trả nợ) và khách hàng vẫn tạo ra những rủi ro cho ngân hàng khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Do vậy, ngân hàng phải cân nhắc thêm mức độ được bảo

²⁵ Điều 301 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”.

vệ quyền chủ nợ khi xác định loại hình cho vay, mức lãi suất và kỳ hạn cho vay²⁶.

Nghiên cứu của Ngân hàng Trung ương châu Âu²⁷ đã tập hợp các kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa quyền chủ nợ và khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng vay. Theo đó, ở những quốc gia có cơ chế bảo vệ chủ nợ mạnh mẽ, các khoản vay ngân hàng sẽ có kỳ hạn dài hơn và lãi suất thấp hơn. Không chỉ cần có một khuôn khổ pháp lý về bảo vệ quyền chủ nợ, các nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò của việc thực thi quyền chủ nợ trên thực tế. Khách hàng vay sẽ có xu hướng hành xử không phù hợp nếu các ngân hàng không đẩy mạnh việc thực thi quyền chủ nợ của mình vì lý do hệ thống, cơ chế thực thi tốn kém và không hiệu quả. Do vậy, khi ngân hàng có đủ biện pháp để đối phó với khách hàng không thiện chí trong việc thanh toán nợ vay và khi ngân hàng chắc chắn rằng họ sẽ có thể thu hồi khoản vay hoặc một phần giá trị khoản vay trong trường hợp người vay không trả được nợ, nghĩa là, ngân hàng có đủ điều kiện để kiểm soát được các rủi ro có thể phát sinh khi cấp tín dụng thì ngân hàng sẽ có xu hướng cho vay nhiều hơn, khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng sẽ cao hơn.

Tương tự, Chỉ số Tiếp cận tín dụng tại Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới cũng đánh giá mức độ mà khuôn khổ pháp luật về giao dịch bảo đảm và luật phá sản của các quốc gia trong việc hỗ trợ khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng vay. Trong đó, các chỉ số cũng đánh giá khả năng pháp luật cho phép các bên được thực thi các biện pháp ngoài tòa (như cho phép chủ nợ bán tài sản bảo đảm cũng như thu giữ tài sản bảo đảm) để thanh toán nợ vay²⁸.

Hai là, khi người dân và doanh nghiệp được tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng sẽ góp phần xóa bỏ “tín dụng đen”, từ đó góp phần giữ an ninh, trật tự xã hội, củng cố sự ổn định của hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, khi bên vay (người dân và doanh nghiệp) ý thức được hệ quả pháp lý của việc không chủ động thanh toán các khoản nợ đúng hạn, bên vay sẽ có xu hướng đánh giá kỹ càng, sử dụng vốn vay an toàn và hiệu quả hơn, từ đó nâng cao nhận thức, năng lực tài chính của người dân, doanh nghiệp.

Ba là, trường hợp luật hóa quy định về thu giữ TSBD thì TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ có thêm lựa chọn mà không nhất thiết phải sử dụng đến việc giải quyết tranh chấp thông qua con đường tố tụng, từ đó gìn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa bên vay và bên đi vay, đồng thời, giảm gánh nặng, áp lực cho hệ

²⁶ Xem tại <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1829.en.pdf>

²⁷ Xem tại <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1829.en.pdf>

²⁸ Xem tại <https://documents1.worldbank.org/curated/pt/193261570112901451/pdf/Knowledge-Guide.pdf>

thống các cơ quan tư pháp, nhất là trong bối cảnh hiện nay, hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương đang được nghiên cứu để sắp xếp theo hướng tinh gọn tổ chức bộ máy.

Bốn là, quy định về chuyển thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt (CVĐB) góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, giữ vững an ninh tài chính – tiền tệ quốc gia, ổn định, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm lợi ích tổng thể, dài hạn đối với an ninh, kinh tế, xã hội.

Thứ ba, về tác động đến an ninh trật tự, an toàn xã hội

Nợ xấu có thể là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc duy trì an ninh truyền thống và phi truyền thống vì nếu nợ xấu không được xử lý một cách hiệu quả sẽ mang lại nhiều tác động tiêu cực đối với nền kinh tế. Trong đó tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng với lãi suất hợp lý và cũng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền khi TCTD không xử lý, thu hồi được nợ.

Cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn nếu không thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng sẽ có xu hướng tiếp cận các nguồn bất hợp pháp (như tín dụng đen), dễ dàng đẩy người dân, doanh nghiệp vào bước đường cùng. Điều này cũng làm ảnh hưởng lớn đến an ninh, trật tự, an toàn – xã hội cũng như làm suy giảm năng lực, khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc, ảnh hưởng bất lợi của kinh tế thế giới; không phát huy được hiệu quả cũng như vai trò của kinh tế tư nhân đối với sự phát triển của đất nước có thể khiến chúng ta thụt lùi và không có khả năng tận dụng được thời cơ chín muồi mà khoa học công nghệ đang mang lại.

Tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 73, ngày 15/01/2018, cố Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ đạo Việt Nam cần “nâng cao chất lượng công tác dự báo, phân tích tình hình; nhận diện rõ đối tác, đối tượng; phát hiện từ sớm các mối đe dọa đến lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội để chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp về chủ trương, giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự; kiên quyết không để bị động, bất ngờ, nhất là về mặt chiến lược”.

Trên cơ sở đó, dự thảo Luật đã được cơ quan chủ trì soạn thảo dự báo, phân tích tình hình cũng như theo dõi diễn biến các cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu trong giai đoạn vừa qua, trong đó, nhiều ngân hàng – đặc biệt là các ngân hàng ở Châu Âu có tỷ lệ nợ xấu cao – là nhân tố ảnh hưởng tiêu cực đến các chức năng của hệ thống tài chính - để đề xuất giải pháp, báo cáo và trình xin ý kiến Bộ Chính trị. Tại văn bản số 14923-CV/VPTW (mật) ngày 20/5/2025, Bộ

Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo về chủ trương luật hóa 3 nội dung còn lại của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm tạo lập khung khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, xử lý vướng mắc, khó khăn trong việc xử lý nợ cũng như quy định về thẩm quyền cho vay đặc biệt của NHNN.

(i) Về nghiên cứu, đánh giá kỹ các nguồn lực, điều kiện thi hành Luật, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn:

Các cơ quan, tổ chức cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành, trong đó bao gồm việc bố trí kinh phí và nguồn lực để xây dựng, tổ chức triển khai Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD theo quy định của pháp luật. Các chính sách được đề xuất về cơ bản (i) thứ nhất không làm phát sinh/huy động thêm nguồn lực công chức nhà nước để thực hiện do việc thu giữ TSBD do TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện; (ii) thứ hai, khi tham gia đảm bảo an ninh, trật tự của chính quyền địa phương cũng như cơ quan công an thì nhân sự tham gia chứng kiến việc thu giữ cũng là lực lượng chịu trách nhiệm giữ trật tự an toàn trên địa bàn; do đó, không phát sinh các vị trí việc làm đặc thù để buộc phải bổ sung nhân lực của cơ quan nhà nước.

5. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính; việc phân quyền, phân cấp; việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

Theo Tờ trình số 441/TTr-CP và hồ sơ dự án Luật kèm theo, dự án Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính, không có các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, sự bình đẳng giữa các dân tộc, các điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng miền. Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính có thể phát sinh, bảo đảm tính cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm minh bạch, rõ ràng, đơn giản, thuận tiện, không tạo cơ chế xin – cho, cắt giảm tối đa chi phí tuân thủ pháp luật cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, để bảo đảm tính khả thi của các quy định trong dự thảo Luật, Ủy ban KTTC đề nghị tiếp tục rà soát những vấn đề cần phân cấp, phân quyền, giao Chính phủ hoặc các cơ quan hữu quan quy định chi tiết.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

(i) Về việc rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính có thể phát sinh, bảo đảm tính cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm minh bạch, rõ ràng, đơn giản, thuận tiện, không tạo cơ chế xin – cho, cắt giảm tối đa chi phí tuân thủ pháp luật cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp:

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 về kiểm

soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “Thủ tục hành chính” là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 102 và khoản 1, 3 Điều 107 Hiến pháp, Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Như vậy, tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân không phải là cơ quan hành chính nhà nước.

Việc hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự được thực hiện theo quy trình tố tụng hình sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, không thuộc phạm vi quản lý của cơ quan hành chính nhà nước.

Ngoài ra, đối với đề xuất bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, hiện nay, theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính, việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản không phải là thủ tục hành chính, không quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện.

Do vậy, việc quy định như Điều 198c về việc hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho bên nhận bảo đảm cũng không phải là thủ tục hành chính

(ii) Về việc rà soát những vấn đề cần phân cấp, phân quyền, giao Chính phủ hoặc các cơ quan hữu quan quy định chi tiết:

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD có điều chỉnh nội dung phân cấp, phân quyền theo hướng chuyển thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất 0%, không có tài sản bảo đảm và chuyển thành thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, quy định điều chỉnh thẩm quyền không làm phát sinh nhân sự tham mưu, thực hiện cho vay đặc biệt đối với

khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Hiện nay, NHNN vẫn đang bố trí nhân sự đề xuất, tham mưu cho Thống đốc NHNN trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm đối với TCTD nên quy định điều chỉnh thẩm quyền tại dự thảo Luật chỉ điều chỉnh về chủ thể ra quyết định cho vay đặc biệt.

Đồng thời, Luật Các TCTD (khoản 3 Điều 194) đã giao Thống đốc NHNN quy định về việc cho vay đặc biệt. NHNN đã ban hành Thông tư 37/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về cho vay đặc biệt. Do đó, việc giao Chính phủ hoặc các cơ quan hữu quan quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt của NHNN là không cần thiết. Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD được ban hành, NHNN sẽ rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Thông tư số 37/2024/TT-NHNN.

6. Về nội dung cụ thể

6.1. Về phạm vi áp dụng 03 chính sách của Nghị quyết số 42 được đề xuất luật hóa

Đa số ý kiến Ủy ban KTTC nhất trí với giải trình của Chính phủ về ý kiến của UBTWQH16 tại Báo cáo số 443 theo hướng dù phát sinh từ nguyên nhân nào, kể cả trường hợp nợ xấu phát sinh có nguyên nhân do khoản cho vay không đúng quy định hoặc do hành vi vi phạm của TCTD hay vi phạm của chính khách hàng vay thì khách hàng vay vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận đối với TCTD; đối với những vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan dẫn đến phát sinh nợ xấu (nếu có) tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân sẽ bị áp dụng các biện pháp xử lý về hành chính, dân sự hoặc hình sự.

Một số ý kiến cho rằng, thực tiễn nhiều trường hợp xử lý TSBĐ liên quan đến quyền lợi của bên thứ ba, nhất là trong các trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Trong trường hợp này, nếu khoản tín dụng được cấp sai quy định mà vẫn cho phép áp dụng quyền thu giữ TSBĐ sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bên thứ ba, dễ dẫn đến phát sinh tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, do đó, đề nghị cân nhắc có phương án xử lý phù hợp để tránh việc các TCTD dựa vào quyền thu giữ TSBĐ nói lỏng điều kiện cho vay, thẩm định tín dụng, dẫn tới việc ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên có liên quan khi xử lý TSBĐ.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

(i) Việc luật hóa Nghị quyết 42/2017/QH14 nhằm để xử lý nợ xấu, không đồng nghĩa với việc các quyền dân sự hợp pháp của bên thứ ba đối với TSBĐ

đương nhiên bị chấm dứt. Việc xử lý các giao dịch dân sự, trong đó có các giao dịch với các bên liên quan đến quyền sử dụng đất, bất động sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và thỏa thuận của các bên có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật

(ii) Nợ xấu của tổ chức tín dụng có thể phát sinh từ nguyên nhân khách quan hoặc nguyên nhân chủ quan. Việc xác định khoản vay đúng quy định phải thông qua hoạt động thanh tra, thậm chí là hoạt động điều tra của cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, dù phát sinh từ nguyên nhân nào, kể cả trường hợp nợ xấu phát sinh có nguyên nhân do khoản cho vay không đúng quy định hoặc do hành vi vi phạm của TCTD hay vi phạm của chính khách hàng vay thì khách hàng vay vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận đối với TCTD trừ trường hợp bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành quyết định khác.

Nếu chỉ áp dụng quy định tại dự thảo đối với khoản vay đúng quy định dẫn đến việc xử lý nợ xấu cho các TCTD không toàn diện, ảnh hưởng việc đưa nguồn vốn vào nền kinh tế, ảnh hưởng khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng. Điều này sẽ khiến ngân hàng và các nguồn lực trong dân không phát huy được hiệu quả, không đóng góp xứng đáng cho sự phát triển của đất nước.

Do đó, Chính phủ xin giữ nguyên như dự thảo Luật.

(iii) Về điều kiện vay vốn, thẩm định và quyết định cho vay trong hoạt động cho vay, các TCTD thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung). Trường hợp các TCTD dựa vào quyền thu giữ TSBĐ để nói lòng điều kiện vay vốn, thẩm định tín dụng dẫn đến phát sinh nợ xấu (nếu có) tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân sẽ bị áp dụng các biện pháp xử lý về hành chính, dân sự hoặc hình sự với nguyên tắc phải bảo đảm thu hồi tối đa tài sản cho tổ chức tín dụng, Nhà nước và nhân dân. Cụ thể:

+ Trường hợp các khoản nợ xấu phát sinh nếu do vi phạm pháp luật hình sự thì về nguyên tắc chủ thể vi phạm sẽ phải bị xử lý theo quy định pháp luật hình sự, trên cơ sở bản án, quyết định có hiệu lực của cơ quan tiến hành tố tụng. Pháp luật tố tụng hình sự cũng đã có quy định cụ thể trong việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

+ Trường hợp hành vi vi phạm hành chính, dân sự, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét căn cứ quy định pháp luật để có phán quyết phù hợp và các bên có trách nhiệm thực hiện theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trong thời gian tới khi sửa đổi Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng và Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan để nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung chế tài đối với hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động cấp tín dụng bao gồm cả trường hợp dẫn đến nợ xấu. Đồng thời, NHNN sẽ rà soát các quy định về trách nhiệm có liên quan của cán bộ thanh tra, giám sát trong quản lý, giám sát hoạt động của tổ chức tín dụng.

6.2. Về sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thẩm quyền quyết định việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ (bao gồm việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 193, khoản 3 Điều 169, khoản 4 Điều 180, bãi bỏ khoản 4 Điều 169, khoản 4 Điều 172, khoản 5 Điều 179, khoản 7 Điều 183, khoản 4 Điều 193)

Ủy ban KTTC tán thành việc điều chỉnh thẩm quyền quyết định việc cho vay đặc biệt đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm, khoản vay không có TSBĐ từ Thủ tướng Chính phủ sang NHNN nhằm gắn việc quyết định cho vay đặc biệt với trách nhiệm thanh tra, giám sát đối với TCTD và điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, rút ngắn thời gian xử lý, ra quyết định, bảo đảm việc xử lý nhanh, kịp thời trong các tình huống cần can thiệp ngay để bảo đảm an toàn hệ thống các TCTD. Quy định phân cấp như tại dự thảo Luật cũng phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền mạnh mẽ trong quản lý nhà nước, phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ và kiến nghị tại Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.

Bên cạnh đó, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 giao Thống đốc NHNN quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt (khoản 3 Điều 194). Theo Báo cáo số 443, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 37/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về cho vay đặc biệt. Tuy nhiên, Ủy ban KTTC nhận thấy phạm vi điều chỉnh của Thông tư này không bao gồm việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có TSBĐ. Do đó, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định hiện hành về cho vay đặc biệt, bảo đảm tính tương thích và phù hợp của hệ thống pháp luật; nghiên cứu phương án quy định chi tiết tiêu chí, điều kiện cho vay đặc biệt đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm, khoản vay không có TSBĐ; quy định rõ ràng, minh bạch trình tự, thủ tục cho vay trong trường hợp này (như việc phối hợp, tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan như Bộ Tài chính, Bộ Công an...) và có các biện pháp tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa và hạn chế tổn thất có thể xảy ra, hạn chế rủi ro lệ thuộc vào nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước, rủi ro về tính minh bạch, quản trị, cân đối và giám sát tài chính của TCTD, ảnh hưởng

đến bình đẳng trong cạnh tranh; bảo đảm sự ổn định về kinh tế, an ninh tiền tệ.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

(i) Việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ cũng như việc phối hợp các bộ, ngành có liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ (như quy định tại điểm a, b, đ Điều 7 và khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 8 Quy chế làm việc).

Ngoài ra, khoản 4 Điều 95 Hiến pháp quy định: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, ...”. Đồng thời, khoản 5 Điều 8 Luật Tổ chức chính phủ đã quy định: “cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp ... chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, người phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp ...”; khoản 1 Điều 18 Luật Tổ chức chính phủ cũng quy định trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc “chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công quản lý...”. Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc “quyết định theo thẩm quyền vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ mà mình là người đứng đầu theo quy định của pháp luật”.

(ii) Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến thẩm tra, sau khi dự thảo Luật được ban hành, NHNN tiếp tục rà soát các vấn đề liên quan đến tiêu chí, điều kiện cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ và mục đích sử dụng khoản vay, trách nhiệm của đơn vị được vay và trách nhiệm của NHNN khi cho vay, kiểm soát dòng tiền để sửa đổi, bổ sung các quy định về cho vay đặc biệt có liên quan tại Thông tư số 37/2024/TT-NHNN nhằm tránh rủi ro, tránh lạm dụng chính sách, làm giảm động lực tái cấu trúc nội tại của ngân hàng, tăng cường tính minh bạch về trình tự, thủ tục cho vay và tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế tổn thất có thể xảy ra, phòng tránh rủi ro đạo đức, rủi ro chính sách và hiệu ứng phụ, bảo đảm niềm tin và công bằng thị trường.

6.2.1. Ngoài ra, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 liên quan đến thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt để sửa đổi, bổ sung phù hợp với việc phân cấp thẩm quyền cho NHNN, bảo đảm gắn phân cấp, phân quyền với xác định rõ trách nhiệm tương xứng với quyền hạn được giao, tránh phát sinh vướng mắc trong

triển khai thực hiện.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các điều, khoản liên quan để điều chỉnh thẩm quyền quyết định việc cho vay đặc của NHNN từ Thủ tướng Chính phủ thành NHNN, cụ thể: sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 169; khoản 4 Điều 172; khoản 5 Điều 179; khoản 4 Điều 180; khoản 7 Điều 183; khoản 1, khoản 4 Điều 193 Luật Các tổ chức tín dụng.

6.3. Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm (Điều 198a)

Ủy ban KTTC nhận thấy việc bổ sung quy định về quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ khi bên bảo đảm, người đang giữ TSBĐ không giao TSBĐ là cần thiết để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của TCTD trong quá trình xử lý TSBĐ, đẩy nhanh tốc độ xử lý nợ xấu, giảm chi phí xử lý TSBĐ, từ đó góp phần nâng cao mức độ an toàn hệ thống, giảm chi phí các khoản cấp tín dụng, hạ lãi suất, tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc thu giữ TSBĐ không phải là quyền đương nhiên, mà phải được thiết lập thông qua điều khoản trong hợp đồng được ký kết giữa các bên, bảo đảm nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong giao dịch dân sự. Để hoàn thiện các quy định cụ thể tại dự thảo Luật, Ủy ban KTTC có ý kiến như sau:

6.3.1. Về điều kiện để TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu (khoản 2 Điều 198a), Ủy ban KTTC đề nghị rà soát, bảo đảm quy định chặt chẽ các điều kiện, không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Về điều kiện thu giữ TSBĐ tại khoản 2 Điều 198a, tại dự thảo Luật kế thừa các quy định đã thực hiện có hiệu quả trong gần 07 năm thực hiện thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14. Đồng thời, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các TCTD, dự thảo Luật đã được rà soát và bổ sung một số quy định mới để đảm bảo tính chặt chẽ, tính khả thi, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, cụ thể như sau:

(i) Điểm b khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật quy định: “b) Hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;”

Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của TCTD vì trên thực tế, các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu

giữ TSBĐ của khoản nợ xấu tại văn bản/thỏa thuận khác mà không nhất thiết tại hợp đồng bảo đảm. Nội dung này về cơ bản đã được quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2017/QH14.

(ii) Điểm c khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật quy định: “Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;”

Theo quy định của Điều 297 Bộ Luật dân sự năm 2015, khi biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì bên nhận bảo đảm được quyền truy đòi TSBĐ và được quyền thanh toán theo quy định của Bộ luật dân sự và luật khác có liên quan. Do vậy, để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, cơ quan chủ trì đề xuất điều chỉnh một trong những điều kiện để TCTD, CNHNHN, tổ chức mua, bán, xử lý nợ xấu thực hiện quyền thu giữ TSBĐ. Quy định này cũng được điều chỉnh trên cơ sở nghiên cứu Điều 77 Bộ luật Mẫu về Các Giao dịch Bảo đảm của UNCITRAL (UNCITRAL Model Law on Secured Transactions – Luật Mẫu UNCITRAL) quy định về quyền của chủ nợ có bảo đảm trong việc thu giữ TSBĐ (encumbered asset); và Điều khoản 9-609 Bộ luật Thương mại Thống nhất (Uniform Commercial Code - UCC) của Hoa Kỳ về quyền của chủ nợ trong việc thu giữ TSBĐ sau khi bên nợ vi phạm hợp đồng hay Mục 123 của Đạo luật Bảo đảm Tài sản Cá nhân (Personal Property Securities Act 2009 - PPSA) của Úc quy định về quyền của chủ nợ có bảo đảm trong việc thu giữ tài sản thế chấp khi bên nợ vi phạm hợp đồng.

(iii) Điểm d khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật quy định: “d) Tài sản bảo đảm không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản;”

Theo ý kiến của các TCTD, khách hàng có thể phối hợp với bên thứ ba tạo ra tranh chấp và đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án như một hình thức để đảm bảo sự phù hợp với điều kiện “không có tranh chấp”. Tình trạng này diễn ra khá phổ biến đối với TSBĐ là bất động sản hoặc đối với động sản giữa chủ tài sản và người có quyền hưởng dụng phát sinh trên cơ sở hợp đồng thuê, mượn tài sản... Ngoài ra, có ý kiến cho rằng nên làm rõ tranh chấp là tranh chấp tại quy định này là tranh chấp gì và chỉ nên quy định tranh chấp về quyền sở hữu tài sản. Cũng có ý kiến cho rằng làm thế nào để xác định tài sản đang tranh chấp, có cần thiết phải có xác nhận của Tòa án hay không.

Trong khi đó, về bản chất, việc quy định về điều kiện này chỉ nhằm tránh ảnh hưởng đến công tác điều tra, tố tụng, thi hành án... đang áp dụng các biện

pháp khẩn cấp tạm thời; đang bị kê biên hoặc đang áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, theo ý kiến của TCTD, khi bên bảo đảm nộp đơn phá sản và được thụ lý thì tòa án sẽ yêu cầu đình chỉ việc xử lý TSBĐ. Như vậy, việc thu giữ TSBĐ không có nhiều ý nghĩa mà phải chờ việc xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Do vậy, NHNN đề xuất bổ sung trường hợp “không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản”.

(iv) Điểm d khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật quy định: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.”

Cơ quan chủ trì thay thế cụm từ “hoàn thành” bằng cụm từ “thực hiện” vì trên thực tế có trường hợp bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ cố tình trốn tránh không tiếp nhận thông báo từ bên nhận bảo đảm. Trong khi đó, việc công khai thông tin cũng được thực hiện bằng nhiều phương thức khác như đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm để đảm bảo công khai, minh bạch hóa thông tin về thu giữ TSBĐ.

Ngoài ra, việc sửa cụm từ trên để làm rõ việc bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ nhận thông báo không phải là điều kiện để đánh giá việc bên bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin.

Việc hoàn thiện các quy định về yêu cầu phải công khai thông tin tại dự thảo Luật có ý nghĩa là điều kiện tiên quyết, qua đó đảm bảo minh bạch, công khai và là cơ sở để bên có nghĩa vụ được biết về việc thực hiện các nghĩa vụ mà mình đã cam kết, cũng như đảm bảo quyền tiếp cận thông tin theo quy định tại Điều 25 Hiến pháp, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị thu giữ tài sản bảo đảm.

6.3.2. Đa số các điều kiện được kế thừa từ Nghị quyết số 42, tuy nhiên, có 02 điều kiện tại Nghị quyết số 42 là “giao dịch bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm đã được đăng ký theo quy định của pháp luật” (điểm c khoản 2 Điều 7) và “TSBĐ không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền” (điểm d khoản 2 Điều 7) không được quy định tại dự thảo Luật, do vậy, đề nghị thuyết minh rõ hơn về nội dung này; đánh giá kỹ lưỡng các rủi ro có thể phát sinh trong trường hợp không quy định 02 điều kiện nêu trên trong dự thảo Luật.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Về bản chất, dự thảo Luật văn luật hóa 2 điều kiện đã được quy định tại điểm c khoản Điều 7 và điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14

trên cơ sở có sự sửa đổi, bổ sung để khắc phục các hạn chế, vướng mắc, khó khăn khi triển khai, thí điểm Nghị quyết số 42/2017/QH14. Nội dung cụ thể của các điều kiện này tại dự thảo Luật đã được Chính phủ báo cáo tại Mục 6.3.1 Phần II Báo cáo này. Đồng thời, Chính phủ xin báo cáo thêm như sau:

(i) Khi tổng kết thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14, theo báo cáo của các TCTD, khách hàng có thể tạo ra tranh chấp và đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án như một hình thức để tránh việc bị thu giữ. Tình trạng này diễn ra khá phổ biến đối với TSBĐ là bất động sản hoặc đối với động sản có quan hệ giữa chủ tài sản và người có quyền hưởng dụng phát sinh trên cơ sở hợp đồng thuê, mượn tài sản... Ngoài ra, các TCTD gặp khó khăn nếu chỉ quy định TSBĐ đang không bị tranh chấp do khó có khả năng để xác định tài sản đang tranh chấp; đặc biệt đối với động sản.

(ii) Ngoài ra, trong quá trình thực hiện thí điểm Nghị quyết số 42/2017/QH14, các TCTD gặp khó khăn trong việc tra cứu thông tin liên quan đến tình trạng pháp lý của TSBĐ để có thể xác định “TSBĐ không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền”. Điều này dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện để đảm bảo tuân thủ điều kiện này.

Do vậy, trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 68-NQ/TW về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo môi trường kinh doanh để tuân thủ, NHNN đề xuất điều chỉnh điều kiện để thu giữ TSBĐ là “Tài sản bảo đảm không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản” nhằm khắc phục các vướng mắc trên thực tế.

6.3.3. Theo Báo cáo số 443, trên cơ sở ý kiến của các TCTD, dự thảo Luật không quy định điều kiện về “TSBĐ không phải là tài sản tranh chấp” như tại Nghị quyết số 42 nhằm tránh trường hợp khách hàng có thể phối hợp với bên thứ ba tạo ra tranh chấp và đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng việc chỉnh lý quy định của Nghị quyết số 42 cần được xây dựng trên cơ sở cân nhắc lợi ích không chỉ của TCTD mà cả các bên có liên quan, bao gồm người có quyền hưởng dụng phát sinh trên cơ sở hợp đồng thuê, mượn tài sản; đồng thời, vướng mắc đặt ra trong Báo cáo số 443 có thể được xem xét khắc phục bằng cách quy định chi tiết nội hàm tranh chấp và phương thức xác định tài sản có phải đang có tranh chấp hay không.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

(i) Thứ nhất, việc quy định như tại dự thảo Luật không đồng nghĩa với việc các quyền dân sự hợp pháp của bên thứ ba đối với TSBĐ đương nhiên bị chấm dứt. Việc xử lý các giao dịch dân sự, trong đó có các giao dịch với các bên liên quan đến quyền sử dụng đất, bất động sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và thỏa thuận của các bên có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

(ii) Khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực thi hành, thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị quyết số 42/2017/QH14, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại tòa án nhân dân, trong đó Điều 8 hướng dẫn về tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14, theo đó “1. Trường hợp tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và đang trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu không có quyền thu giữ tài sản bảo đảm. Việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp này được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản; 2. Trường hợp tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tài sản của bên thứ ba mà bên được bảo đảm là doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và đang trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ tài sản bảo đảm đó và xử lý theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong quá trình giải quyết phá sản theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, nội dung này chỉ xử lý được một phần vướng mắc của các TCTD mà không thể xác định nội hàm của “tài sản tranh chấp”.

Trong khi đó, về bản chất, việc quy định về điều kiện này chỉ nhằm tránh ảnh hưởng đến công tác điều tra, tố tụng, thi hành án... đang áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; đang bị kê biên hoặc đang áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; đồng thời, nhằm giải quyết vướng mắc của khách hàng cố ý phối hợp với bên thứ ba tạo ra tranh chấp và đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án gây cản trở quyền xử lý TSBĐ của TCTD, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý nợ xấu.

Do vậy, trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 68-NQ/TW về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo môi trường kinh doanh dễ tuân thủ, Chính phủ đề xuất điều chỉnh điều kiện để thu giữ TSBĐ là “Tài sản bảo đảm không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp

luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản” nhằm khắc phục các vướng mắc trên thực tế.

6.3.4. Bên cạnh đó, Ủy ban KTTC đề nghị rà soát các điều kiện sau đây:

Quy định “hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật” (điểm b khoản 2 Điều 198a) là cần thiết, tuy nhiên, cần nghiên cứu có biện pháp phòng tránh trường hợp TCTD đặt điều kiện bắt buộc khách hàng phải đồng ý điều khoản về quyền thu giữ TSBĐ mới ký hợp đồng cấp tín dụng, thực tế bên đi vay khó có thể “thỏa thuận” khách quan, công bằng và dễ “bị ép”.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”. Theo đó, việc thỏa thuận giữa khách hàng vay và TCTD về việc thu giữ TSBĐ trong hợp đồng được thực hiện theo các nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự. Dự thảo Luật chỉ quy định về quyền thu giữ TSBĐ trên cơ sở thỏa thuận giữa bên nhận bảo đảm và bên bảo đảm, bên bảo đảm có toàn quyền quyết định về việc cho phép bên nhận bảo đảm thực hiện quyền thu giữ TSBĐ và phải được ghi rõ trong hợp đồng bảo đảm. Đồng thời, khoản 4 Điều 10 Luật Các TCTD 2024 đã quy định yêu cầu TCTD công bố, công khai thông tin về quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ mà TCTD đang cung ứng.

6.3.5. Có ý kiến đề nghị cần có quy định kiểm soát quá trình cho vay, giải ngân liên tục, bảo đảm nguồn tiền cung ứng cho dự án vay vốn, tránh trường hợp các TCTD dừng việc cho vay, giải ngân vốn đột ngột, ảnh hưởng đến dự án đang trong quá trình hình thành, xây dựng, dẫn đến phát sinh nợ xấu và phải thực hiện thu giữ TSBĐ.

Chính phủ xin báo cáo và giải trình như sau:

Theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) việc giải ngân vốn vay được thực hiện theo thỏa thuận cho vay giữa TCTD và khách hàng. Trường hợp các TCTD thực hiện việc giải ngân vốn vay không đúng thỏa thuận cho vay đã được ký kết làm ảnh hưởng đến dự án đang trong quá trình hình thành, xây dựng, dẫn đến phát sinh nợ xấu, TCTD ngoài trách nhiệm bị phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại cho

khách hàng theo thỏa thuận cho vay, sẽ bị áp dụng các biện pháp xử lý về hành chính, dân sự hoặc hình sự với nguyên tắc phải bảo đảm thu hồi tối đa tài sản cho tổ chức tín dụng, Nhà nước và nhân dân tùy theo tính chất, mức độ vi phạm như đã được giải trình tại Mục 6.1 Báo cáo này.

Ngoài ra, hoạt động cho vay nói riêng và hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của các TCTD, CNNHN nói chung chịu sự quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát của NHNN, được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành như Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 17/2023/TT-NHNN ngày 25/12/2023 của Thống đốc NHNN quy định về kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30/8/2022 của Thống đốc NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng,...

6.3.6. Có ý kiến cho rằng quy định về “văn bản khác” là nội dung mới so với Nghị quyết số 42, do đó, đề nghị cân nhắc kỹ lưỡng quy định này để bảo đảm giá trị pháp lý của văn bản khi thực hiện quyền thu giữ TSBĐ, không ảnh hưởng đến quyền tài sản của bên bảo đảm, tránh dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự quy định “3. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.”.

Do vậy, các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu tại văn bản/thỏa thuận khác mà không nhất thiết tại hợp đồng bảo đảm. Nội dung này về cơ bản đã được quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2017/QH14. Quy định này phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, trên cơ sở rà soát, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu theo hướng bỏ cụm từ “*hoặc văn bản khác*” tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 198a vì:

(i) Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ Luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định: “...Hợp đồng bảo đảm có thể là sự thỏa thuận giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm hoặc thỏa thuận giữa bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm và người có nghĩa vụ được bảo đảm. *Hợp đồng bảo đảm có thể được thể hiện bằng hợp đồng riêng hoặc là điều khoản về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hình*

thức giao dịch dân sự khác phù hợp với quy định của pháp luật”.

(ii) Về bản chất, hợp đồng bảo đảm quy định tại dự thảo Luật phải phù hợp với quy định của Bộ Luật Dân sự và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (bao gồm quy định tại Nghị định số 21/2021/NĐ-CP nêu trên).

(iii) Do vậy, khái niệm về “hợp đồng bảo đảm” nêu trên đã bao quát được trường hợp các TCTD nêu về việc thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu có thể được thể hiện tại hợp đồng bảo đảm hoặc tại văn bản khác.

6.3.7. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng bổ sung cơ chế để bên bảo đảm được cung cấp thông tin đầy đủ trước hoặc tại thời điểm giao kết hợp đồng về căn cứ xử lý TSBĐ bằng biện pháp thu giữ, trình tự, thủ tục thu giữ, các quyền, nghĩa vụ của TCTD trong thu giữ...; văn bản xác nhận của bên bảo đảm về việc đã được cung cấp thông tin đầy đủ về thu giữ và về quy chế thu giữ TSBĐ của TCTD phải là thành phần tài liệu bắt buộc trong hồ sơ tín dụng.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Khoản 4 Điều 10 Luật Các TCTD 2024 đã quy định trách nhiệm công bố, công khai thông tin của TCTD như sau: “Công bố công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, *quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng*”.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD được ban hành, NHNN sẽ rà soát quy định của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản cấp tín dụng khác để bổ sung trách nhiệm công khai thông tin, giải thích rõ quyền, nghĩa vụ của khách hàng khi tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng.

6.3.8. Nghiên cứu quy định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án dân sự trong việc hỗ trợ các TCTD khi có yêu cầu xác định tình trạng TSBĐ để thực hiện quyền thu giữ, bảo đảm tính khả thi của quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật: “TSBĐ không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản”²⁹.

²⁹ Theo Báo cáo số 174/BC-CP ngày 11/5/2022 của Chính phủ tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu, TSBĐ, một trong những khó khăn khi thực hiện Nghị quyết số 42

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát và theo dõi quá trình thực thi khi dự thảo Luật được thông qua và phối hợp với các cơ quan có liên quan để hướng dẫn các TCTD trong quá trình thực hiện.

6.3.9. Nghiên cứu chỉnh lý quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 198a theo hướng TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin (như quy định tại Nghị quyết số 42). Theo quy định tại dự thảo Luật, việc công khai thông tin được thực hiện bằng nhiều phương thức khác nhau như đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử; gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có TSBĐ; thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ TSBĐ. Nếu chỉ quy định “thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin” như tại dự thảo Luật có thể dẫn đến cách hiểu TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không cần hoàn thành mà chỉ cần thực hiện một phần của nghĩa vụ công khai thông tin là đủ điều kiện thu giữ TSBĐ, dễ dẫn đến tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện.

Chính phủ xin báo cáo và giải trình như sau:

Tại điểm đ khoản 2 Điều 198a, cơ quan chủ trì thay thế cụm từ “hoàn thành” bằng cụm từ “thực hiện” vì trên thực tế có trường hợp bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ cố tình trốn tránh không tiếp nhận thông báo từ bên nhận bảo đảm dẫn đến vướng mắc khi bên nhận bảo đảm không nhận thông báo thì có được coi là hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin không. Do vậy, việc sửa cụm từ trên để làm rõ việc bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ nhận thông báo không phải là điều kiện để đánh giá việc bên bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin hay chưa.

Hơn nữa, điểm đ khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật quy định: “**TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua, bán xử lý nợ đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này**”. Theo đó, dự thảo Luật đã quy định rõ về trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc công khai thông tin tại khoản 3 hoặc khoản 4 tùy thuộc vào TSBĐ là động sản hay bất động sản.

6.3.10. Về việc công khai thông tin thu giữ TSBĐ (khoản 3 và khoản 4 Điều 198a), Ủy ban KTTC nhận thấy quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 198a liên quan đến thời hạn, hình thức công khai thông tin, do đó, đề nghị không quy định những nội dung này trong dự thảo Luật mà giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục công khai thông tin về thu giữ TSBĐ để phù hợp với khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều

là Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự không có hệ thống dữ liệu cho phép các TCTD, Công ty Quản lý tài sản (VAMC) trích xuất, tra cứu thông tin tài sản có liên quan đến vụ việc đang được thụ lý giải quyết để xác định TSBĐ có đủ điều kiện để thu giữ hay không.

theo Luật số 62/2025/QH1521.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định: “Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, có sự thống nhất cao thì kiên quyết thực hiện”; Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Ban Chấp hành trung ương về kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế xác định nhiệm vụ, giải pháp vừa có tính cấp bách, vừa tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, trong đó bao gồm “rà soát, tổng kết các cơ chế, chính sách đặc thù, mô hình thí điểm để luật hóa, mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng...”; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành trung ương về kết luận của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, trong đó yêu cầu “Mở rộng tối đa các nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải ban hành bằng hình thức luật và giới hạn các nội dung được ban hành bằng hình thức nghị quyết”.

Khoản 3 và Khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật đã quy định đầy đủ về điều kiện thu giữ, trình tự, thủ tục công khai thông tin thu giữ TSBĐ trên cơ sở kế thừa quy định đã được thực hiện có hiệu quả trong gần 07 năm thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14, nghĩa là đã được thực tiễn chứng minh là đúng.

Bên cạnh đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng tác động (các TCTD, Công ty Quản lý tài sản Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng,...) để đảm bảo tính khả thi, cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung một số hạn chế của Nghị quyết số 42/2017/QH14 về việc công khai thông tin để hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục để thu giữ TSBĐ.

Việc luật hóa các quy định liên quan đến công khai thông tin để thực hiện quyền thu giữ TSBĐ tại dự thảo Luật có ý nghĩa là điều kiện tiên quyết, qua đó đảm bảo minh bạch, công khai và là cơ sở để bên có nghĩa vụ được biết về việc thực hiện các nghĩa vụ mà mình đã cam kết, cũng như đảm bảo quyền tiếp cận thông tin theo quy định tại Điều 25 Hiến pháp, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị thu giữ tài sản bảo đảm. Đây là các nội dung liên quan đến quyền con người, Đồng thời, góp phần xây dựng khung khổ pháp lý mang tính chất ổn định, lâu dài để xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu sau thời gian gần 07 năm thực hiện thí điểm có hiệu quả, không phát sinh vướng mắc.

Các quy định trên được áp dụng chung cho các khách hàng là tổ chức, cá

nhân mà không có sự phân biệt để đảm bảo phù hợp với nguyên tắc đã được ghi nhận tại khoản 1 Điều 3 Bộ luật Dân sự, theo đó, “mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản”.

Do đó, các nội dung về công khai thông tin thu giữ TSBĐ tại khoản 3 và khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Như vậy, các quy định về tại dự thảo Luật đã đảm bảo đầy đủ, rõ ràng mà không cần giao Chính phủ quy định chi tiết.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát và theo dõi quá trình thực thi khi dự thảo Luật được thông qua. Trường hợp phát sinh vướng mắc, Chính phủ có văn bản hướng dẫn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6.3.11. Trong đó, đề nghị lưu ý các nội dung như sau:

Quy định cụ thể về thời hạn, hình thức thông báo trước khi thu giữ. Hiện dự thảo Luật quy định thời hạn công khai thông tin đối với TSBĐ là bất động sản chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ (khoản 3 Điều 198a), tuy nhiên, chưa quy định cụ thể thời hạn công khai thông tin đối với TSBĐ là động sản (khoản 4 Điều 198a).

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Đối với trường hợp TSBĐ là động sản, cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy việc quy định thời hạn thông báo là không khả thi vì tính chất “động”, tài sản rất dễ bị di dời của động sản,... Thời điểm thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin do bên thu giữ TSBĐ chủ động, đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều kiện, trình tự, thủ tục trước khi tiến hành thu giữ TSBĐ.

6.3.12. Cần nhắc tiếp tục quy định hình thức “Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có TSBĐ” như tại Nghị quyết số 42 hoặc có quy định về việc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã có trách nhiệm niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở, thay vì chỉ yêu cầu “Gửi văn bản thông báo cho UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có TSBĐ” do đây là một hình thức công khai thông tin quan trọng, giúp cho người dân, tổ chức liên quan (nếu có) nắm được thông tin về việc thu giữ tài sản, hạn chế phát sinh các giao dịch liên quan đến TSBĐ.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Dự thảo Luật bỏ quy định hình thức “Niêm yết văn bản thông báo tại trụ

sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm” do việc niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân phải do Ủy ban nhân dân thực hiện, TCTD không thể đến yêu cầu niêm yết văn bản thông báo tại Ủy ban nhân dân. Đồng thời, khoản 2 Điều 13 Luật Dân chủ cơ sở chỉ quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết các thông tin liên quan đến hoạt động của địa phương. Việc công khai thông tin cũng đã được thực hiện bằng nhiều hình thức khác. Do đó, Chính phủ xin giữ nguyên quy định tại dự thảo Luật.

6.3.13. Bổ sung quy định về việc công khai thông tin cho các bên cùng nhận bảo đảm khi TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện thu giữ TSBĐ để bảo đảm quyền lợi của các bên có liên quan, tránh phát sinh tranh chấp, khiếu kiện.

Chính phủ xin giữ nguyên như tại dự thảo Luật do trên thực tiễn, không phải trường hợp nào TCTD cũng biết về việc có bên khác cùng nhận bảo đảm. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật cũng là cơ sở để các bên cùng nhận bảo đảm (nếu có) thông tin với bên thu giữ TSBĐ về việc nhận bảo đảm của mình để thực hiện việc xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật dân sự.

Do vậy, việc quy định đối tượng là “bên cùng nhận bảo đảm” tại dự thảo Luật là không khả thi. Tuy nhiên, khi xử lý TSBĐ, bên nhận bảo đảm phải tuân thủ quy định pháp luật về quyền lợi của bên cùng nhận bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật dân sự.

6.3.14. Về trách nhiệm của UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã (khoản 5 Điều 198a), Ủy ban KTTC nhận thấy mặc dù UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã được gửi văn bản thông báo về việc bên nhận bảo đảm thực hiện quyền thu giữ TSBĐ, tuy nhiên, thực tế UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã không có thông tin về hợp đồng bảo đảm đã ký kết, do đó, cần cần nhắc làm rõ nội dung trong văn bản thông báo gửi UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã để các cơ quan này có đầy đủ cơ sở xác định tài sản sẽ thu giữ là TSBĐ cho khoản nợ xấu, xác minh chủ sở hữu của tài sản và các vấn đề khác có liên quan, từ đó mới có thể hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ TSBĐ, ngăn ngừa TCTD lạm dụng quyền thu giữ. Đồng thời, đa số ý kiến đề nghị làm rõ vai trò của đại diện UBND cấp xã cũng như giá trị pháp lý của biên bản thu giữ TSBĐ trong trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ (biên bản thu giữ TSBĐ trong trường hợp này có phải là cơ sở để TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện thu giữ TSBĐ hay không; đại diện UBND cấp

xã có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến việc thu giữ TSBĐ thay mặt cho bên bảo đảm hay không).

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

- Về việc UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã không có thông tin về hợp đồng bảo đảm đã ký kết, do đó cần cần nhắc làm rõ nội dung trong văn bản thông báo UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã: Dự thảo Luật không quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan Công an cấp xã xử lý thông tin liên quan đến hợp đồng tín dụng. Mặt khác, trường hợp thu giữ TSBĐ là bất động sản tại khoản 3 Điều 198a dự thảo Luật đã quy định cụ thể thông tin cần được công khai gồm: thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ TSBĐ, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Trường hợp thu giữ TSBĐ là động sản (khoản 4 Điều 198a), tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, tại khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật đã bổ sung nội dung công khai thông tin về TSBĐ được thu giữ, lý do thu giữ. Theo đó, đảm bảo quy định tại dự thảo đã đảm bảo thông tin cần thiết để UBND cấp xã và cơ quan Công an cấp xã thực hiện vai trò bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ TSBĐ.

- Về vai trò của UBND và Cơ quan Công an cấp xã:

Do việc thực hiện quyền thu giữ TSBĐ có thể ảnh hưởng đến quyền tài sản của bên bảo đảm cũng như có thể ảnh hưởng đến an ninh, trật tự - xã hội khi bên bảo đảm thực hiện thu giữ TSBĐ, dự thảo Luật quy định sự tham gia của UBND cấp xã và Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, *trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình*³⁰ thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.

Như vậy, vai trò của UBND và Cơ quan Công an cấp xã đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan. Việc quy định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an khi thu giữ tài sản bảo đảm cũng nhằm tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân tại khu vực thu giữ nói chung.

- Về giá trị pháp lý của biên bản thu giữ TSBĐ trong trường hợp bên bảo

³⁰ Đối với Công an nhân dân, Điều 3 Luật Công an nhân dân quy định: “Công an nhân dân là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, Điều 23 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, bảo đảm quyền con người, giải quyết các vấn đề liên quan đến phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ:

Khoản 1 Điều 198a dự thảo Luật đã quy định: “Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ *được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này*”.

Ngoài ra, khoản 5 Điều 198a quy định “Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm”.

Như vậy, trường hợp bên thu giữ TSBĐ đã đáp ứng các điều kiện, trình tự, thủ tục về thu giữ TSBĐ nhưng bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ không hợp tác, bên thu giữ TSBĐ vẫn có thể tiến hành thu giữ TSBĐ với sự chứng kiến chứng kiến và ký biên bản thu giữ TSBĐ của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm. Theo đó, biên bản thu giữ TSBĐ trong trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ là hình thức xác nhận việc TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đã thực hiện đầy đủ các quy định theo quy định của pháp luật cũng như là hình thức xác nhận việc bên bảo đảm/bên đang giữ TSBĐ không có mặt theo thông báo của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ hoặc không hợp tác.

6.3.15. Về ủy quyền thu giữ TSBĐ (khoản 6 Điều 198a), Ủy ban KTTC đề nghị bổ sung trách nhiệm quản trị nội bộ trong kiểm soát các thiết chế hoặc cá nhân nhân danh TCTD thực hiện thu giữ TSBĐ. Có ý kiến đề nghị rà soát quy định “Trong quá trình thu giữ TSBĐ, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ TSBĐ không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội” (khoản 6 Điều 198a), cân nhắc sử dụng cụm từ “vi phạm điều cấm của pháp luật” hay “vi phạm điều cấm của luật”.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

- Về bổ sung trách nhiệm quản trị nội bộ trong kiểm soát các thiết chế hoặc cá nhân nhân danh TCTD thực hiện thu giữ TSBĐ:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã rà soát và nhận thấy ý kiến về trách nhiệm quản trị nội bộ của TCTD chính là yêu cầu về xây dựng quy định...

nội bộ (là quy định mới so với Nghị quyết 42/2017/QH14).

Tại khoản 7 Điều 198a dự thảo Luật đã có quy định về trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng quy định nội bộ về thực hiện thu giữ TSBĐ, bao gồm việc thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản 6 Điều 198a dự thảo Luật.

Thông tư số 13/2018/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) và Thông tư số 14/2023/TT-NHNN quy định kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với tất cả hoạt động, quy trình nghiệp vụ, các bộ phận tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng đảm bảo hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng tuân thủ quy định của pháp luật; kiểm soát ngăn chặn xung đột lợi ích, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm;...

NHNN thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm việc tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của TCTD.

- Về việc cân nhắc sử dụng cụm từ “vi phạm điều cấm của pháp luật” hay “vi phạm điều cấm của luật”: Chính phủ xin giữ nguyên như dự thảo Luật do đây là nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự (khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự 2015).

6.3.16. Đồng thời, đề nghị dự thảo Luật cần bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thu giữ TSBĐ và xử lý TSBĐ sau thu giữ, bảo đảm việc thu giữ TSBĐ được thực hiện công khai, minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thu giữ TSBĐ và các bên có liên quan; trong đó cần làm rõ những vấn đề như: quy định về việc công khai quy chế thu giữ TSBĐ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ cho khách hàng, các cơ quan, tổ chức liên quan (bên bảo đảm phải được thông tin đầy đủ trước hoặc tại thời điểm giao kết hợp đồng).

Chính phủ xin báo cáo và giải trình như sau:

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định: “Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, có sự thống nhất cao thì kiên quyết thực hiện”; Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Ban Chấp hành trung ương về kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai

thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế xác định nhiệm vụ, giải pháp vừa có tính cấp bách, vừa tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, trong đó bao gồm “rà soát, tổng kết các cơ chế, chính sách đặc thù, mô hình thí điểm để luật hóa, mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng...”; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành trung ương về kết luận của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, trong đó yêu cầu “Mở rộng tối đa các nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải ban hành bằng hình thức luật và giới hạn các nội dung được ban hành bằng hình thức nghị quyết”.

Điều 198a dự thảo Luật đã quy định đầy đủ về điều kiện thu giữ, trình tự, thủ tục công khai thông tin thu giữ TSBĐ trên cơ sở kế thừa quy định đã được thực hiện có hiệu quả trong gần 07 năm thí điểm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14, nghĩa là đã được thực tiễn chứng minh là đúng.

Bên cạnh đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng tác động (các TCTD, Công ty Quản lý tài sản Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng,...), cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung một số quy định để khắc phục hạn chế, khó khăn của Nghị quyết số 42/2017/QH14, đảm bảo rõ ràng trong triển khai, thực hiện và có thể triển khai, thực hiện ngay các quy định này.

Như vậy, các quy định tại Điều 198a đảm bảo tính ổn định; các quy định về trình tự, thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm về việc công khai quy chế thu giữ TSBĐ của TCTD đã đầy đủ, rõ ràng, cần được thể chế hóa tại luật mà không cần Chính phủ quy định chi tiết.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát và theo dõi quá trình thực thi khi dự thảo Luật được thông qua. Trường hợp phát sinh cần thiết, Chính phủ sẽ ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

Ngoài ra, về việc xử lý TSBĐ sau thu giữ, tại dự thảo Luật chỉ quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm của TCTD, việc xử lý TSBĐ sau thu giữ phải tuân thủ quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Các tổ chức tín dụng.

6.3.17. Nghiên cứu phương án xử lý trường hợp có tài sản khác gắn với TSBĐ bị thu giữ của bên bảo đảm hoặc bên thứ ba (các đồ gia dụng, điện tử, quần áo, giường tủ...) mà bên bảo đảm hoặc bên thứ ba không tự nguyện di dời...

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, sau khi dự thảo Luật được Quốc hội thông qua, Chính phủ sẽ tiếp tục theo dõi và có hướng dẫn (nếu cần thiết) theo quy định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

6.4. Về kê biên tài sản của người phải thi hành án đang được sử dụng làm TSBĐ cho khoản nợ xấu (Điều 198b)

Ủy ban KTTC tán thành việc quy định các trường hợp kê biên tài sản của người phải thi hành án đang được sử dụng làm TSBĐ cho khoản nợ xấu. TSBĐ trong hoạt động tín dụng đã được xác lập theo hợp đồng hợp pháp, nếu thực hiện kê biên theo quy định của Luật Thi hành án dân sự mà không có ngoại lệ đối với TSBĐ sẽ gây rủi ro dây chuyền cho hệ thống ngân hàng cũng như lợi ích của người gửi tiền. Quy định này sẽ khắc phục được khó khăn, vướng mắc của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ trong việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình những vẫn bảo đảm việc thi hành án đối với một số nghĩa vụ như cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe.

Để hoàn thiện các quy định cụ thể của dự thảo Luật, Ủy ban KTTC đề nghị tiếp tục rà soát các trường hợp thi hành bản án liên quan đến quyền lợi của bên thứ ba (ngoài nội dung về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đã được quy định tại Điều 198b) để bảo đảm minh bạch, khách quan, tránh lạm dụng hoặc tạo ra rào cản, khó khăn cho cơ quan thi hành án cũng như các bên liên quan trong quá trình thi hành bản án, quyết định.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Về nguyên tắc, sau khi xử lý TSBĐ và trừ đi các chi phí và giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch (nếu có) phải được trả cho bên bảo đảm. Khi đó, bên bảo đảm vẫn có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Nguyên tắc đã được quy định tại khoản 2 Điều 307 của Bộ luật Dân sự cũng như thứ tự thanh toán quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung). Về bản chất, mục đích của các giao dịch bảo đảm là để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Do đó, các chủ nợ có bảo đảm được quyền ưu tiên so với các chủ nợ không có bảo đảm.

Ngoài ra, Điều 198b dự thảo Luật quy định ngoại lệ khi kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm TSBĐ cho khoản nợ xấu. Theo đó, tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm TSBĐ cho khoản nợ xấu tại TCTD, CNNHN, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu chỉ bị kê biên theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự trong trường hợp thi hành bản án,

quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD, CNNHN, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.

6.4.1. Một số ý kiến cho rằng khoản 2 Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm”. Như vậy, về bản chất, ngay cả trong trường hợp TSBĐ cho khoản nợ xấu không bị kê biên, bên bảo đảm vẫn có quyền sở hữu đối với số tiền chênh lệch giữa giá trị TSBĐ và giá trị nghĩa vụ được bảo đảm; số tiền này có thể được sử dụng để thi hành án. Do đó, nếu quy định không kê biên TSBĐ của khoản nợ xấu thì cần làm rõ trình tự, thủ tục xử lý “số tiền chênh lệch” này để bảo đảm quyền lợi hợp pháp và khả năng thi hành án của bên bảo đảm; nghiên cứu giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế phối hợp xử lý giữa cơ quan thi hành án dân sự và các TCTD khi xử lý TSBĐ

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

- Dự thảo Luật chỉ quy định nguyên tắc kê biên TSBĐ của khoản nợ xấu. Việc xử lý, thanh toán tiền thu được khi xử lý TSBĐ được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.
- Về việc giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế phối hợp xử lý giữa cơ quan thi hành án dân sự và các TCTD khi xử lý TSBĐ:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Thi hành án dân sự, quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải thông báo cho đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó.

Điểm b, c khoản 6 Điều 44 Luật Thi hành án dân sự quy định: “b) Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay; c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc,...

kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”

Như vậy, khi nhận được quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án và các yêu cầu của cơ quan thi hành án, bên nhận bảo đảm thông tin về việc tài sản của bên phải thi hành án đang được/không là TSBĐ của khoản nợ xấu, tình trạng của khoản nợ,... để cơ quan thi hành án có cơ sở xác minh điều kiện thi hành án, bao gồm việc kê biên tài sản hay không.

Tuy nhiên, sau khi dự thảo Luật được thông qua, Chính phủ sẽ rà soát trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện, Chính phủ sẽ có văn bản hướng dẫn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

6.4.2. Cần nhắc theo hướng trường hợp bên bảo đảm là bên phải thi hành án, sau khi xác minh, cơ quan thi hành án dân sự gửi văn bản đề nghị phối hợp với bên nhận bảo đảm. Bên nhận bảo đảm sau khi xử lý xong tài sản để thu hồi nợ phải có văn bản thông báo ngay kết quả xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự, chuyển số tiền còn lại (nếu có) cho cơ quan thi hành án dân sự để tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát và phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính để hướng dẫn nội dung về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính nếu thực tiễn, triển khai thi hành Luật có vướng mắc, khó khăn.

Về nguyên tắc, sau khi xử lý TSBĐ và trừ đi các chi phí, giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch (nếu có) phải được trả cho bên bảo đảm để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, trường hợp sau khi xử lý xong TSBĐ, số tiền còn lại (nếu có) sẽ được trả cho bên bảo đảm.

6.5. Về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính (Điều 198c)

Ủy ban KTTTC tán thành xem xét quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính cho bên nhận bảo

đảm là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Việc kéo dài thời gian tạm giữ hoặc không hoàn trả kịp thời TSBĐ, trong khi vụ án hình sự hoặc vụ việc vi phạm hành chính không còn liên quan đến giá trị tài sản đó sẽ cản trở quá trình xử lý nợ xấu và làm giảm hiệu quả thu hồi tài sản của TCTD.

Để hoàn thiện quy định cụ thể tại dự thảo Luật, Ủy ban KTTC đề nghị cân nhắc có giải pháp đối với một số vấn đề như sau:

6.5.1. Việc quy định trách nhiệm hoàn trả của cơ quan có thẩm quyền cho bên nhận bảo đảm có khả năng gây xung đột lợi ích trong trường hợp giá trị TSBĐ lớn hơn giá trị của nghĩa vụ được bảo đảm hoặc trong trường hợp tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ, nhiều bên cùng nhận bảo đảm và cùng đề nghị hoàn trả, do đó, cần nghiên cứu bổ sung cơ chế xử lý để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ dân sự và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Dự thảo Luật chỉ quy định về việc hoàn trả TSBĐ của khoản nợ xấu nhằm bảo đảm quyền được xử lý TSBĐ của bên nhận bảo đảm.

Việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn phải tuân thủ quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể: “Trường hợp phải xử lý tài sản để thực hiện một nghĩa vụ đến hạn thì các nghĩa vụ khác tuy chưa đến hạn đều được coi là đến hạn và tất cả các bên cùng nhận bảo đảm đều được tham gia xử lý tài sản. Bên nhận bảo đảm đã thông báo về việc xử lý tài sản có trách nhiệm xử lý tài sản, nếu các bên cùng nhận bảo đảm không có thỏa thuận khác”

Đồng thời, thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định tại Điều 308 Bộ luật Dân sự và tại khoản 3 Điều 198c dự thảo Luật cũng đã quy định rõ: “Việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi được hoàn trả theo quy định khoản 1 khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý tài sản bảo đảm”.

6.5.2. Việc hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính cho bên nhận bảo đảm cần được xem xét trong điều kiện đã có thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm về quyền thu giữ TSBĐ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính không yêu cầu, không đặt ra vấn

đề thỏa thuận về giao TSBĐ trong hợp đồng bảo đảm, việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền trả lại TSBĐ được thực hiện trực tiếp với cơ quan đang giữ TSBĐ mà không phải đáp ứng các trình tự, thủ tục, điều kiện như đối với quy định về quyền thu giữ TSBĐ.

6.5.3. Đánh giá cụ thể hơn về các vấn đề có thể phát sinh khi triển khai thực hiện quy định này và phương án xử lý³¹, trường hợp cần thiết đề nghị giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các trường hợp, điều kiện, trình tự, thủ tục để hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự; là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính.

Chính phủ xin báo cáo và giải trình như sau:

(i) Về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự

Khoản 1 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự quy định: “Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản”.

Do vậy, tùy thuộc vào giai đoạn giải quyết vụ án, việc xử lý vật chứng do cơ quan có thẩm quyền (Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định; Viện kiểm sát; Chánh án Tòa án; Hội đồng xét xử) thực hiện theo quy trình xử lý như quy trình các cơ quan nêu trên hiện đang thực hiện đối với việc hoàn trả tài sản/vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó.

Nội dung này hiện nay cũng không được hướng dẫn tại văn bản dưới luật.

(ii) Về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính

Hiện nay, việc trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu đang được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến thẩm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục rà

³¹ Theo Báo cáo số 174/BC-CP ngày 11/5/2022 của Chính phủ tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu, TSBĐ, một trong những khó khăn khi triển khai quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự là chưa có văn bản quy phạm pháp luật giải thích cụ thể về việc “ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án”, do đó, việc hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ của khoản nợ xấu phụ thuộc nhiều vào quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn đến các TCTD rất chậm nhận được TSBĐ để xử lý, thu hồi nợ đối với các khoản nợ xấu.

soát và phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính để hướng dẫn nội dung về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính.

Đồng thời, sau khi dự thảo Luật được thông qua, trường hợp có phát sinh khó khăn trong thực tiễn Chính phủ sẽ ban hành văn bản hướng dẫn dẫn theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền để hướng dẫn.

6.6. Về quy định chuyển tiếp và điều khoản thi hành (Điều 2 và Điều 3 dự thảo Luật)

Ủy ban KTTC đề nghị rà soát, xác định đầy đủ, toàn diện các trường hợp cần chuyển tiếp khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành, bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật, tránh tạo khoảng trống pháp lý hoặc xung đột pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất cụ thể thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và bảo đảm đủ thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thi hành Luật. Một số ý kiến đề nghị Luật sớm có hiệu lực thi hành để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong xử lý nợ xấu, TSBĐ của khoản nợ xấu, góp phần khơi thông nguồn lực tín dụng phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn tới.

Chính phủ xin báo cáo và giải trình như sau:

- Về rà soát các trường hợp cần chuyển tiếp:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, cơ quan chủ trì sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh một số nội dung điều khoản chuyển tiếp về cho vay đặc biệt tại dự thảo Luật.

- Về thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật và đề nghị Luật sớm có hiệu lực thi hành:

Khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành VBQPPL 2025 quy định: “Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành”.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến thẩm tra, dự thảo Luật điều chỉnh quy định tại Điều 3 dự thảo Luật theo hướng Luật này sẽ có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày Luật này được thông qua, cụ thể là từ ngày 01/8/2025.

*

* *

Trên đây là báo cáo của Chính phủ tiếp thu, giải trình ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và tại Hội trường; tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra chính thức của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban KT&TC của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, CQ ngang bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Ngân hàng Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT;
- Lưu: VT, KTTH. 68

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
THÔNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Nguyễn Thị Hồng